

D DN
1413



NIÊM VUI THIÊN LIÊN

TẬP TRUYỆN NGẮN

LÀO ĐỘNG

NIÊM VUI THIÊN LIÊNG

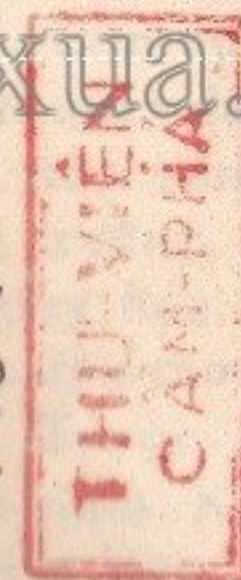
**NIÊM VUI
THIÊN LIÊNG**

In lần thứ hai

thuongmaitruongxua.vn

ĐN: 696

ĐN: 1413



**NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
HÀ NỘI - 1971**

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý, PHÊ BÌNH

NGHỀ DẠY HỌC

QUỐC XUYỀN

Sinh thần thờ nhìn con đò đưa khách sang ngang. Trời chiều, dòng sông như mặt gương. Con đò chậm rãi trôi, mái chèo khua nước nhịp nhàng, sóng gợn đôi tí làm bóng con đò gấp khúc đung đưa. Chiều nay im gió, bãi sông mênh mông trải dài. Những khoảnh đất xanh ngô non, dâu lá nép bên nhau, bình thần nhìn dòng sông. Tự nhiên Sinh thấy hơi lạnh, anh khép cò áo lại. Con đò sắp đến bờ bên kia.

Sinh quay lại nhìn mái nhà con con, lợp lá mía, nửa xanh, nửa vàng loang lổ, dựng ngay trên mặt đê, nhìn chếch xuống bến dõ. Đây là nơi anh sơ tán đến, ăn ở và dạy học. Học trò anh, hơn ba mươi cháu lớp 1, từ sáu đến tám tuổi, lau nha lau nhau, ở ngay gian bên cạnh. Trước nhà là cây vải cò thụ, lá xanh rậm rì quanh năm. Kỳ quái thật, thế là mình xuống đây làm anh giáo làng, chăn dắt lũ trẻ con lít nhít. Chao ôi, anh giáo lớp 1 trường nội trú, tắm giặt cho chúng nhiều hơn là dạy chúng học.

Sinh giật mình quay người nhìn con đò. May chưa, còn kịp, khách lên bờ tong tả dặt xe lên đê cao, vừa dõc, vừa ngoằn ngoèo hẳn thành một vệt vàng xuộm trên nền cỏ xanh tít tắp. Đúng cô ta kia. Cái áo len màu cánh chả, cái dáng người lanh chanh nghịch ngợm ấy. Xa quá, chỉ còn một nét mờ mờ trong mắt Sinh.

Chà, cô ta nhìn mình mới dữ làm sao, đôi mắt đen, ướt nhoáng cứ tròn xoe. Mình hiểu đôi mắt ấy muốn nói gì. Cô ta cứ nhìn mình như nhìn một diễn viên xiếc ấy.

Đây là Hương, chị cậu Hùng, ông tướng nghịch như quỷ sứ và cũng đầu bò, đầu bươu nhất lớp. Ban sáng, ngay khi con dò đang lừ đừ sang bên này, cậu Hùng đã trông thấy, nhảy lên, chỉ chỉ, trỏ trỏ:

— Thấy ơ, chị em kia. Đây, đây. Thế mà thầy không trông thấy. Chị ấy cười nữa kia. Ủi chà, cái túi to quá, ối ra là quà...

Cu cậu chạy như bay xuống sông đón chị, rồi co kéo lôi cả xe, cả chị, cả cái túi to tướng đến trước mặt Sinh, liền láu giới thiệu:

— Em nói có sai đâu. Đúng chị em mà. Em hỏi rồi, lúc này chị ấy cười thật. Thế mà thầy cứ không tin...

Lúc ấy Sinh dương rầu rĩ nhìn con dò, nhìn dòng sông, cũng phải bật cười, và anh thoáng thấy cô ta tròn mắt nhìn anh, đôi mắt đen ướt nhoáng. Cậu Hùng chỉ Sinh, nói với chị:

— Chị Hương, thầy giáo em đây.

Không hiểu sao Sinh lại thấy đôi mắt kia càng tròn hơn. Anh chợt hiểu. Tại mình là ông giáo lớp 1 chẳng?

Cô Hương bậm môi, mãi mới bật ra vài tiếng dút quãng:

— A... anh, chết quên... thầy...

Rồi cô ta quay ngoắt đi, dắt em chạy lên đê, vào nhà tập thể của lớp, chẳng chào hỏi gì, chỉ còn tiếng cười khúc khích từ trên cao dội xuống, tỏa biến theo dòng sông lượn lờ, nhưng cứ ngân dài mãi trong tai Sinh. Anh lại nheo mắt nhìn con dò, thờ dãi: « Cô ấy cười mình... ».

Hôm ấy, thật đen cho Sinh, bác bảo mẫu ốm nên nhất nhất việc gì Sinh cũng phải làm. Trước giờ ăn,

Sinh dắt một lũ xuống sông rửa tay, rồi khám từng đứa xem đã sạch chưa. Sinh gánh toong teng hai xoong nhôm lớn, một đựng cơm, một đựng canh từ nhà ăn về. Chúng nó xúm quanh anh nhí nháu. Anh chia cơm cho từng đứa. Mùi cơm mới bốc khói thoang thoang, nồi canh ngày chủ nhật chẳng hơn gì ngày thường, lắc rắc vài cánh thìa là mà vẫn ngày ngày. Lúc nào anh cũng thấy đôi mắt tròn kia chòng chọc nhìn anh, ngay cả những lúc cô ta ở trong buồng rì rầm nói chuyện với em. Khi anh chia cơm, cô ta đứng ngây ra, nhìn dán vào đôi tay vạm vỡ, chai sần, đưa thông thả những bát cơm nhỏ cho những đôi tay xinh xinh, trắng trẻo. Sinh dăm ngượng không dám nhìn lại. Thế nào mà anh không đề ý, đưa hột cho cậu Hùng, bát cơm rơi xuống bàn đồ tung. Anh giật bắn người, may mà bát sắt, cơm mới hắt ra một nửa. Cậu Hùng tái mặt toan vét. Anh cau mày, hơi gắt:

— Thôi, cho gà ăn.

Cậu Hùng lập cập cầm lấy suất cơm, suất canh chạy vào trong nhà. Mặt Sinh nóng bừng, ngược mắt nhìn. Cô ta biến mất từ lúc nào. Chẳng biết cô ta có cười không, nhưng sao anh vẫn thấy như có tiếng khúc khích và đôi mắt đen kỳ quái ấy.

Vừa rồi, mãi đến lúc về, cô ta mới gặp anh, lúng búng hỏi tình hình học tập của em. Anh trấn tĩnh, vui vẻ nói về cậu Hùng. Nhưng... chỉ được hai câu, cái hăm hở của anh tiêu tan. Cô ta có nghe gì đâu, mà chỉ nhìn anh, cái nhìn sâu xoáy dò hỏi, có pha chút ngạc nhiên và lạ lùng. Như bị dội gáo nước lạnh, anh chững lại, không nói nữa. Hình như cô ta chẳng đề ý, vẫn nhìn anh, cái miệng chúm chúm tinh nghịch. Bỗng cô ta buột miệng nói:

— Anh mà đi dạy học? Cái nghề... con gái. Lạ thật!

Rồi, chắc thấy mình lỡ lời, cô ta chạy vụt xuống dò:

— Chào anh giáo nhé!

Cậu Hùng lon ton tiến chị, con dò giờ mái chèo như một cánh tay vẫy cô ta lên. Mái chèo khua nước nhịp nhàng, mặt nước sóng sánh như bát nước đầy. Sinh sững người nhìn theo. Tiếng cười và đôi mắt cô ta ám ảnh anh hoài. Thân phận anh giáo dạy lớp 1, và cả cái nghề dạy học này nữa đến nỗi thế ư?

Cô ta đi khuất rồi, chỉ còn dòng sông và con dò cần mẫn đưa khách sang ngang. Chiều quê êm ả. Bầu trời sáng trong, bát ngát. Những hàng tre ven sông ngã mình xuống dòng nước xanh biếc. Ở đây, chẳng có cái gì rực rỡ, chói chang, chẳng có cái gì ồn ào, náo nức. Cảnh vật lúc nào cũng dịu dịu xanh thắm, nhưng càng nhìn lâu càng thấy đẹp, thấy nhiều chi tiết kỳ lạ, bất ngờ; cái đẹp kín đáo, nghiêm trang ẩn trong nó màu xanh của sức sống, của sự sinh sôi.

Trước mắt anh là bãi cát rộng, chỗ anh đứng là quãng giữa con dốc dẫn xuống bến dò và xung quanh anh chỗ nào cũng là tre, là xoan; những lũy tre ken chặt nhau chạy dài, ôm khít lấy xóm làng. Bất chợt anh lại nhìn con dò. Ủ, tại sao người ta lại vì nghề dạy học như một anh lái dò, suốt đời đưa khách sang ngang, còn anh ta thì vẫn dòng sông ấy, con dò ấy? Một cái gì chua xót dâng lên trong cổ anh. Hình như người ta nói đúng, cũng như tiếng cười và đôi mắt kia đã nhìn anh...

Thực ra từ anh đến với nghề dạy học. Anh chẳng biết đích xác mình thích nghề dạy học từ lúc nào. Học xong lớp 8, anh đi nghĩa vụ quân sự, và trong những ngày đầu tiên xúng xính trong bộ quân phục còn thơm mùi hồ, anh đã tự nhủ: « Hai năm trở về, nhất định mình sẽ đi dạy học, làm nghề ươm cây, trồng cây cho chủ nghĩa xã hội ». Khi ấy, bao giờ anh cũng nghĩ đến mẹ, bà cụ móm mém, nhưng vẫn cần cù làm việc

trong một hợp tác xã, túng túng thì túng túng vẫn cho con đi học. Mẹ anh thường ngậm ngùi kể: « Bố con khổ cả một đời, làm phu khuân vác, lao lực quá rồi ốm chết, khi ấy một chữ cần đòi không biết. Mẹ cũng suốt một đời ngu tối, may nhờ có cụ Hồ, mới đi học bình dân, biết đăm ba chữ. Bảy giờ đời đời rồi, con phải đi học đề mà nên người ». Thế là suốt bảy, tám năm đi học do sự cung phụng của người mẹ tần tảo nhưng già yếu, đến khi nhìn lại anh mới thấy hết cái lớn lao của tấm lòng mẹ anh, của bao người cha, người mẹ Việt-nam khác đối với việc học hành của con cái. Và thế là hết hạn nghĩa vụ trở về, anh xin đi học một lớp sư phạm. Cuộc đời anh đã dành cho nghề dạy học rồi.

Ngày anh về nhận công tác ở một phòng giáo dục khu phố cũng là ngày cách đây một năm mấy bay Mỹ bắt ngờ ào ạt bắn phá miền Bắc, thời bùng ngọn lửa chiến tranh trên mảnh đất thân yêu này. Anh năng nặc xin lái ngũ, nhưng không được, ngành giáo dục đang thiếu người. Hội đồng quốc phòng tạm hoãn cho giáo viên một thời gian. Các đồng chí lãnh đạo giáo dục thành phố thường nói: « Vị trí chiến đấu của các đồng chí bây giờ là ở lớp sơ tán, nhà tranh, vách đất; đó là cuộc chiến đấu âm thầm, dai dẳng, gay gắt và cũng vì thế, chiến công của các đồng chí đáng quý biết chừng nào ». Thế là anh về công tác ở một trường nội trú, sơ tán xa Hà-nội ba chục cây số, ven bờ sông Đáy trong xanh. Và oái oăm thay, anh phụ trách lớp 1, lớp bé nhất trường, dạy cũng khó, nuôi cũng khó.

Thường cái vỏ bề ngoài nhỏ bé và đơn điệu của công việc che lấp bản chất đẹp đẽ bên trong, khiến người ta dễ tiêu tan mất cái hăm hở ban đầu. Xuống đây, sống ở nông thôn, xa rời mọi tiện nghi của thành

phổ, Sinh không hề sợ khổ. Mấy năm ở bộ đội, tập luyện, mưa nắng dãi dầu quen rồi. Và lại, ở đây có gì mà khổ; ăn đã có cấp dưỡng, ở có nhà tập thể, và nước dùng đã có dòng sông trong leo lẻo, nhìn thấy đáy kia, lo gì? Dạy các em học, Sinh lại càng không sợ. Mới ra nhất định chưa có kinh nghiệm, nhưng xuống đây, xa nhà, xa Hà-nội, anh chị em trong trường thương yêu nhau, bảo ban giúp đỡ nhau chân tình, có họa đã mới không chuyên.

Ấy thế mà Sinh vẫn thấy dần vất. Lắm lúc anh đã coi tất cả những ý nghĩ đẹp đẽ của mình trước kia về nghề dạy học đều viên vông. Thực tế sao nó tầm thường, nhỏ mọn đến thế. Nếu nghề dạy học là nghề chờ đồ bạc béo, thì anh, anh lái đồ lớp 1 còn hăm hiu đến đâu. Không biết người ta nghĩ gì về mình. Chắc người ta thấy mình ngộ nghĩnh như chính những đứa học trò sáu, bảy tuổi của mình cũng nên.

Càng ngày ý nghĩ ấy càng nung nấu. Anh cảm thấy công việc nhỏ bé, không xứng với tâm vóc anh. Hình như làm những công việc này, con người anh nhỏ nhoi đi. Này nhé, dạy chúng nó rửa tay rửa mặt trước khi ăn cơm; hôm nào bác bảo mẫu vắng, chính anh lại tắm giặt, chia cơm cho chúng nữa. Ban đêm trông cho chúng ngủ, có đứa thức giấc đòi đi đại, lại lồm cồm dậy đưa đi... Còn bao nhiêu việc tạp nham khác đại loại như thế. Chao ôi, chẳng trách người ta nhìn mình bằng con mắt thương hại. Ở đây, một nơi xa xôi, vài chục đứa trẻ, một nếp nhà tranh, một dòng sông, một con đò, và những ngày tháng trời qua...

Sinh miên man nghĩ hoài. Con đò cập bến, đò chuyển khách cuối cùng. Dòng sông làng êm ả và sẫm màu. Sinh lững thững quay về ngôi nhà đang ran những tiếng trẻ.

Rồi những ngày đầu đó cũng qua đi. Càng ngày Sinh càng đứng vững trên vị trí chiến đấu của mình, Sinh chẳng nhớ điều đó bắt đầu từ hôm nào..

Vào một buổi chiều chủ nhật lặng gió, y như buổi nào có tiếng cười khúc khích và đôi mắt đen kỳ quái kia, anh đang hăm hở cuốc đất, vun thành từng luống nhỏ xinh xinh, thì có một anh bộ đội đến:

- Chào thầy...

Anh ngừng tay cuốc. Anh bộ đội cấp trung úy, bộ quân phục bạc phếch, một tay dắt em Hồng, đứa học trò kém nhất lớp, tay kia cầm túi sách. Anh bộ đội tươi cười:

- Thầy lại trồng cây nữa?

Sinh gật đầu, phải tay bước lại gần anh:

- Vâng. Thôn vừa cho khoảnh đất nhỏ, tôi sẽ trồng và ươm một số cây, vừa có rau ăn, vừa có đồ dùng dạy học. Vườn trường đấy anh ạ.

Anh bộ đội đưa thuốc lá mời anh, rồi hai người đi chậm rãi dưới bãi sông. Anh bộ đội cảm ơn Sinh hết lời: « Nghe cháu nói tôi cảm động lắm. Không ngờ đối với cháu, thầy giáo lại sẵn sóc, thương yêu như vậy. Nói thật, bây giờ tôi mới thấm thía tấm lòng người thầy giáo mới... ». Trời sầm sầm, anh bộ đội vẫn nấn ná ở với con. Mãi anh mới dắt xe xuống đò, ân cần nắm tay Sinh:

- Thầy ở lại. Còn lâu tôi mới có dịp thăm cháu, chẳng biết hai, ba năm hay năm, mười năm gì đó. Tôi sẽ vào trong ấy nay mai. Nhưng... có thầy dạy dỗ cháu hết lòng nên tôi yên tâm lắm. Tôi biết khi tôi cầm súng ở chiến trường, thì ở hậu phương con tôi được thầy dìu dắt nên người. Thầy giáo ạ, những người lính chúng tôi sẽ nhắm trúng kẻ thù hơn, vì có những người âm thầm như thầy đấy...

Lúc ấy Sinh cảm động thực sự, không nói được câu nào. Nhìn mãi con dò chờ anh bộ đội sang ngang và dáng đi chắc khỏe trên con đê cao, cỏ xanh rờn, tự nhiên Sinh thấy gai người. Chao ôi, mình đâu có xứng...

Thực ra Sinh mới làm việc theo tiếng gọi của tình thần trách nhiệm, chứ vẫn luẩn quẩn trong nỗi dằn vặt hôm nào. Ngay em Hồng con gái anh bộ đội, Sinh cũng chưa hề sẵn sóc em với tâm suy nghĩ rộng lớn của anh. Hồi ấy Sinh phát hiện thấy Hồng học kém quá, tính nhảm thì khá, còn ghép vần, nhất là ghép vần trắc thì mù tịt. Làm thế nào đây? Với một học sinh kém, trước mặt người thầy giáo chỉ có hai con đường, một là cứ để em học bình thường, kém cũng đành, cuối năm cho ở lại lớp, thế là gọn nhất; hai là người thầy giáo tìm mọi cách dìu em lên cùng với lớp, như vậy vất vả lắm. Đưa được một học sinh đáng ở lại lên lớp trên, mồ hôi người thầy giáo đổ ra không phải ít. Sinh chọn con đường thứ hai. Anh nghĩ, cho một đứa con đi học, những người làm cha mẹ hy sinh biết chừng nào. Không bao giờ anh quên những tháng năm mẹ anh nuôi anh ăn học, vì thế anh không muốn có một học sinh nào phải ở lại lớp. Và thế là anh kèm thêm em bé gái này.

Bây giờ nó vừa học đến tập hai cuốn « Văn Võ lòng » đề theo kịp lớp. Buổi chiều anh dạy em, đến buổi trưa, buổi tối lại gọi ra bảo thêm. Lúc đánh vần, lúc học cứu chương, lúc làm toán... Nhờ thế chỉ hơn tháng trời, sức học em khá lên trông thấy; cứ đà này cuối năm có hy vọng lên lớp 2.

Đấy... anh giật mình nghĩ lại và thấy mình nhận vấn đề đơn giản, nông cạn quá. Thì ra chính anh đã tâm thường hóa công việc anh làm, chứ bản thân công việc không bao giờ tâm thường cả. Ôi chao

cái em Hồng anh phụ đạo nó, chăm sóc nó hàng ngày ở nơi hẻo lánh ven sông Đáy này lại dính dáng đến tiếng súng của anh bộ đội ngoài tiền tuyến ư? Sự việc kỳ lạ mà đơn giản, vậy mà anh chẳng nghĩ ra.

Từ hôm ấy anh thấy mình dần dần sáng rã. Chính lúc này anh mới thấy mỗi một đứa trẻ có một thế giới tâm hồn rất phong phú. Anh hăm hở bước vào, ngõ ngang như vào thế giới thần thoại; và đây chính là chỗ bắt đầu của niềm vui, niềm say sưa trong công việc làm vườn, ươm cây của anh.

Cậu Hùng, em gái cô kỳ quái hôm nào mới nghịch tinh làm sao? Sáng tinh mơ đã cầm ống bơ, hì hục múc nước sông đi đổ đẽ, tay lăm lăm cầm que xọc ngang lỗ cho chú dế béo mồm vọt lên. Cu cậu cười khanh khách, cúc áo ngực phanh ra. Nó cười mới khiếp chứ, cái trán dô, mũi quệt ngang đen kịt. Nào đã hết, có lúc cu cậu còn nóng tiết vạch quần dái tề tề vào lỗ dế nữa chứ.

— Gan này... gan này! Nước ngọt không ra, ông cho uống nước mặn!

Lũ bạn nó khoái trá cười rú lên, ngả nghiêng, đua nhau dái. Đờ đẽ một lúc thì túi dứa nào cũng có tới sáu, bảy con béo núc, trắng ớn. Chúng hè nhau cho chọi đến què cẳng, phòi bụng, chán chê xong, chúng lấy rác vụn đốt lửa, xọc que nướng, rồi nhồm nhoàm vật râu, vật cẳng ăn trông phát khiếp. Cậu Hùng còn nghĩ ra vô khối trò quý quái khác. Hai đứa cùng đi tắm sông, cậu Hùng lừa giấu quần áo bạn đi, rồi nhăn nhó cười, bạn khóc cũng mặc, lại còn hét rinh lên:

— Ê... lại đây mà xem có dứa tồng ngồng.

Đến nỗi, có bạn chạy ra mách thầy giáo, thầy quát cho một trận, cu cậu mới chịu trả.

Nghịch thế nhưng cậu ta lại khẳng khái, không mấy khi ăn uống một mình, có gì cũng cho bạn; dứa nào

ở lớp khác đánh bạn, cu cậu lăn sả vào bát chấp phải trái, bênh kỳ cùng. Đối với cậu Hùng không thể bắt ne, bắt nét được. Đứa trẻ vốn hiếu động, phải cho phát triển tự nhiên, vấn đề là uốn nắn sao cho đúng hướng. Bí quyết thành công là phải thương yêu, tỉ mỉ chăm sóc từng li, từng tí mới mong nên người được. Có hôm, Sinh trông thấy cậu Hùng bần thiu quá, anh lặng lẽ gọi ra sông:

- Hùng... xuống thầy tắm cho nào.

Và anh vừa kỳ cọ kỹ càng, vừa trêu đùa khiến cu cậu cười khanh khách, líu tíu nói với anh:

- Thầy tắm... em còn thích hơn cả chị Hương kia...

Sinh bật cười, chẳng hiểu cái cô mắt đen kỳ quái kia tắm giặt cho em thế nào mà lại không bằng mình. Rồi Sinh giặt quần áo cho nó, phơi ngay ngắn trên con sào bằng nửa trôn bóng, vàng mơn. Lúc thay quần áo, thấy dứt hết cục ngực, anh lấy kim chỉ đính lại. Cậu Hùng tròn xoe mắt nhìn anh:

- Thầy mà... biết khâu?

Hôm ấy, Sinh nhận thấy cậu Hùng có gì đổi khác, anh nói gì cu cậu cũng răm rắp nghe lời. Sinh mỉm cười: «Thế là ổn. Nhất định tiến bộ được». Và, ít lâu sau, cậu Hùng vẫn nghịch, nhưng chẳng mấy khi chơi những trò oái ăm. Thăng bé mới thông minh làm sao, học đâu biết đấy, lém lỉnh như con sáo.

Chẳng cứ cậu Hùng, đối với em nào Sinh cũng tìm cách chăm sóc dạy dỗ chúng sao cho hợp với tính nết từng đứa một. Anh không nề hà công việc gì, dù nhỏ bé đến đâu. Cảm giác chua xót của anh giáo lớp 1, nuôi trẻ nhiều hơn dạy trẻ, không lớn vốn trở lại nữa. Tự nhiên anh thấy vui vẻ với công việc mình làm. Muốn có cây ăn quả, người làm vườn phải bắt đầu từ những ngày vun luống, xới đất, bắt sâu, tỉa lá, cắt

ngọn. Khi ăn quả ngọt, bao giờ ta cũng nghe âm vang những nhất cuộc đầu tiên.

Sinh chỉ để lại suất cơm của cậu Hùng và Sinh. Sinh cho các em ăn trước. Hơn ba chục miệng trẻ đồng thanh:

- Em mời thầy ăn cơm ạ.

- Em mời bác ăn cơm ạ.

Cô Hương, đôi mắt đen kỳ quái, chị cậu Hùng dăm dăm nhìn. Sinh nháy mắt ra hiệu. Có đứa toan và vội bỏ xuống, bậm môi, hồ bặt ra:

- Em... mời... chị... ăn cơm.

Cô Hương gật đầu chào lại. Không thấy cô ta khúc khích, chạy tọt vào buồng như hôm nào, và nụ cười tinh nghịch kia lại có vẻ hiền hiền mới lạ. Cậu Hùng lanh chanh bê luôn xoong cơm chạy vào trong nhà:

- Chị Hương ơi ăn cơm với thầy giáo em nhé?

Sinh chẳng biết nói sao, bê xoong đi theo. Cô Hương ngoan ngoãn lấy thức ăn, cắt bánh cô mang theo bày lên bàn:

- Mời anh... à, thầy...

Sinh suýt phì cười, y như hôm nào. Anh ung dung, lặng lẽ ngồi xuống, chậm rãi nói với cô gái:

- Ăn thế này... khờ lắm chị Hương nhỉ?

Cô Hương ngược mắt nhìn anh, vẫn đôi mắt đen:

- Vâng... Đánh Mỹ đâu chẳng thế.

Sinh mỉm cười cầm miếng bánh cô gái vừa đưa. Kỳ quái thật, đôi mắt đen tròn ấy cứ nhìn mình chòng chọc, cô ta chẳng ăn uống gì ư? Khóe mắt thật dài và mềm, không nhọn hoắt soi mói như hôm nào. Ở mà, đôi mắt ấy như muốn nói gì mà lóng lánh như hai giọt sương thế kia?

Sinh đưa bát cơm cho cô gái, giục:

— Chị ăn đi... nguội mất.

Cô gái lật đật cầm lấy, quay mặt ra phía sông, nơi con đò đang chờ khách sang ngang, cười một mình. Cậu Hùng chẳng để ý gì, nhồm nhoàm nhai bánh, rồi chan canh húp soàn soạt. Sinh thích thú nhìn cô gái. Gần đây cô Hương đến với em luôn, sau mỗi lần xuống chơi, bao giờ Sinh cũng thấy đôi mắt cô ta dịu đi cái vẻ ngạc nhiên, soi mói. Những lúc anh giặt quần áo cho các cháu dưới bến sông, đôi mắt ấy lại nhìn anh, những lúc anh khám tay bọn trẻ, anh cũng chẳng thấy tiếng cười khúc khích lạnh lạnh kia nữa. Hôm nay anh chỉ thấy một nụ cười và đôi mắt dăm thắm, dăm dà.

Cậu Hùng buông đĩa bát chạy tót đi chơi. Sinh đứng dậy, đem bát xoong xuống sông rửa. Cô Hương không nghe, giăng lấy. Kết quả hai người cùng đi. Trưa nắng vàng mát rượi. Dòng sông như một tấm lụa trắng mỏng chạy dài ra phía xa. Hàng tre nghiêng mình xoa tóc hong gió dưới sông. Bỗng cô Hương mủm mỉm cười:

— Em biết hết rồi nhé.

Sinh ngạc nhiên nhìn cô:

— Biết gì nào?

Cô gái cười to, đôi mắt tươi rói màu nắng:

— Biết anh... à thầy dính cục cho thằng Hùng, tắm cho nó nữa. Biết cả nó nói «thích thầy tắm cho hơn là chị Hương». Cái thằng đến ghét, cái gì cũng thầy Sinh.

Sinh dăm nguợng. Đôi mắt đen tròn thoáng nhìn anh, Hương lại nói, giọng dài ra, chẳng hiểu đùa hay thật:

— Em còn biết nhiều nữa kia. Hôm thứ năm vừa rồi, đang đêm thầy công thằng Hùng đi bệnh viện huyện, rồi đêm nào cũng lên ngủ với nó, ru ời ời... con ơi, con

ngủ cho ngoan... rõ thật... con giai lại ru thế, mà đã... làm quái gì có con, có hai... con mắt ấy. Đêm, thằng bé sinh đũa đòi đi đái mấy bận, thầy lồm cồm trở dậy đưa đi, chứ gì nữa?... Lúc ấy có một ngôi sao còn thức nhìn thấy.

Sinh thích thú hỏi lại:

— Thế mà Hương lại biết. Rõ, thầy bói đoán mò. Cô gái bĩu môi:

— Thì... chính em là ngôi sao ấy.

Nói xong cô ta chạy vụt xuống bờ sông, hai bím tóc kết dây, đen nhánh dung đưa. Sinh thông thả xuống theo. Cô gái dang khỏa nước. Nước óng ánh sáng. Cô ta cất giọng nhỏ nhẹ:

— Bỏ em biết cứ bảo: «Con xem, thầy giáo thằng Hùng đây. Có phải ai cũng quý, cũng trọng không? Mọi việc lớn đều bắt đầu từ những việc nhỏ, hòn núi cũng phải nhờ vô vàn hòn đá mà thành». Em thì... em... thôi chẳng nói nữa.

Rồi cô ta cười khảnh khảnh, tiếng cười trong trẻo tan biến trên mặt sông, nhưng cứ ngân dài trong tai Sinh. Trước mắt anh, con đò lại cần mẫn sang ngang, mái chèo khua nước nhịp nhàng. Tự nhiên Sinh thấy mình như người lái đò, đưa một lũ trẻ sang bờ bên kia, cứ một quãng lại lớn lên như trong chuyện thần thoại, đến lúc cập bến thì... chỉ còn những anh bộ đội, cán bộ, những cô xā viên, sinh viên, học sinh trung cấp và người nào cũng nhìn anh bằng chính đôi mắt đen tròn của cái cô Hương kỳ quái.

Q.X.

EM PÓNG

VŨ DƯƠNG QUỲ

I

Những ngọn gió nồm luồn lách như những chú bé tinh nghịch đuổi nhau trong rừng nứa. Những ngọn gió mang hơi nước mát mẻ báo hiệu mùa khô đã hết làm khởi sắc xanh óng ả cho từng cây nứa. Rừng nứa rung rinh. Những thân nứa cọ vào nhau vang lên tiếng cọt két dịu mềm, chứ không sắc lạnh, khô khốc như trong những ngày nắng hanh.

Cô giáo hiệu trưởng Thanh Hương cũng một em học sinh người Thái đang chặt nứa trong rừng. Em học sinh lớp bảy của trường – em Lò Văn Póng – thoăn thoắt lia từng nhát dao. Póng vận bộ quần áo chàm đen. Một chiếc mũ nồi rộng vành, khâu bằng da cũ úp trên đầu, bóng che gần kín khuôn mặt nâu cháy. Ngang bụng em, một sợi dây bện bằng mây chèn lấy, vừa là đai dao, vừa thắt áo cho gọn. Cái thân hình mười bốn mười lăm tuổi ấy chắc quánh như nhựa thông len lõi trong những bụi nứa. Không lúc nào Póng bỏ xa cô giáo quá hai mươi mét, nhưng em vẫn tìm ra những cây nứa già, chắc nịch đứng im lìm và kín đáo giữa những bụi nứa xanh tốt. Mỗi lần lưỡi dao của em lóe lên là một lần Póng rút ra được một cây nứa đúng tiêu chuẩn. Vừa chặt, Póng vừa đưa mắt ra xung quanh để chọn nứa cho cô giáo.

– Đay, cây này cô ạ, cây ấy non.

Póng nói xong chạy đến bên cô giáo. Thanh Hương ngo ngác nhìn em. Cây nứa mà Póng chỉ, đứng giữa một bụi nứa dày chặt như bó đũa. Cô giáo lúng túng dứ dứ con dao, Póng nói:

– Sắp hết mùa chặt nứa rồi đấy cô ạ. Nứa chỉ chặt mùa rụng lá mới dễ, vì lúc ấy có nhiều nứa «ngọt», đan phen không bị mọt, bị tộp. Mùa này là mùa rừng rang thay áo. Chọn cây nứa áo đẹp, có phần trắng thì không nên dẫu. Phải chọn cây da cóc, lá úa ấy. Hơi khó nhưng lại là nứa «thật».

– Ừ. Lúc này mẹ em cũng dặn cô thế. Chà, cây này khó chặt quá.

– Cô đề em chặt cho.

Vừa nói, chú bé học trò vừa gạt tay trái vào mấy cây nứa xanh, sẽ nghiêng lưỡi dao, giật mạnh khuỷu tay phải. Cây nứa giữa bụi rung ngọn. Cô giáo chưa kịp nhận ra cây nứa đã bị chặt đứt hay chưa thì Póng đã rút soát một cái, kéo cây nứa ra khỏi bụi. Róc lá nứa xong, Póng đưa cây cho cô giáo. Đón cây nứa cô giáo hỏi:

– Hết mùa hanh khô rồi, sao cô nghe nói dạo này em vẫn hay chặt nứa?

– Em phải lấy sẵn đề giành cho mẹ em đan trong mùa mưa. Nhưng chỉ mấy hôm nữa thôi, rồi em cũng ở nhà làm theo mẹ.

– Thế thì em bận lắm nhỉ?

– Vâng, em hơi bận một tý.

– Thế cô dư thì giờ học bài, làm bài ở nhà không?

– Có! Em vẫn học, nhưng em học kém lắm cô giáo ạ. Thanh Hương định khuyên Póng cố gắng học tập để chuẩn bị cho kỳ thi cuối cấp sắp tới, nhưng chị lại hỏi lại sang chuyện khác:

– Póng này, cô hỏi thật nhé, cái hồi tháng giêng cô phải em ngã vì đi lấy nứa không?

Póng ngáp ngừng rồi đáp một cách không thoải mái:
- Hôm ấy em cũng đi lấy nữa. Nhưng em ngã không phải vì lấy nữa.

- Thế vì sao?

- Vì... em... à vâng, em bị ngã. Thầy Thự đã nói nhiều rồi.

- Bây giờ em cho cô biết có được không? Cô muốn biết rõ.

Póng vẫn ngáp ngừng.

- Cô muốn... biết à?... Chả... chả có gì đặc biệt đâu, lâu rồi.

- Em lại giấu cô?

Póng không đáp. Em cúi húi thu nửa xếp thành hai bó.

Mấy hôm nay trong hội đồng giáo viên có một cuộc tranh luận về vấn đề nhận xét, đánh giá học sinh. Về em Póng này có nhiều ý kiến khác nhau. Thự, giáo viên chủ nhiệm của Póng, đã trình bày quan điểm của mình hàng nửa giờ bằng những lời rất lạ. Thanh Hương muốn có những ý kiến xác đáng hơn, đi vào bản chất của vấn đề hơn. Trong ngành của chị đang có cuộc vận động về chuyên hướng giáo dục đề tiến tới cải cách giáo dục. Không thể xem công việc của người thầy giáo là một công việc đơn giản, rập khuôn theo nếp cũ. Do đó, tuy mấy hôm nay bé Thanh Hằng của chị ươn, chị vẫn cố gắng giành sáng chủ nhật này đến gặp em Póng để có thêm tài liệu. Vừa tới nhà Póng, chị thấy em đang chuẩn bị lên rừng. Không dấn do, chị rút con dao cài ở vách liếp đi theo em liền.

Vừa làm việc, Thanh Hương vừa tí tê hỏi thăm hoàn cảnh gia đình, kế hoạch học tập, lao động ở nhà của Póng. Póng trả lời cô giáo từng câu một gọn gàng, ngắn ngủi. Mỗi ý của em hình như có ẩn một sự e dè nào đó. Phải chăng Póng sợ vì chị là hiệu trưởng? Hay em đang có điều gì thắc mắc? Hay em

chưa thật tin chị? Những câu hỏi ấy lần lượt nảy ra trong khi Thanh Hương nói chuyện. Song chị không muốn hỏi dồn. Tìm hiểu tâm lý, tính cách học sinh, nhất là học sinh dân tộc, không thể nôn nóng. Thanh Hương tự nhủ như vậy. Do đó, sau khi hai bó nữa được bó chắc chắn, chị bảo:

- Thôi, ta về nhì!

Tới một vách núi dựng đứng, bóng núi và bóng một cây thông già trùm xuống một phiến đá phẳng, hai người dựng nửa ngồi nghỉ. Bỗng Póng reo to:

- A! Cô ơi! Ở đây có tổ ong.

Vừa nói Póng vừa khịt khịt mũi, mắt sáng lên.

- Em ngửi thấy mùi mật.

Cô giáo ngừng nhìn Póng, cố tập trung giác quan để bắt lấy mùi mật. Nhưng chị không nhận thấy gì ngoài cái mùi hăng hăng âm âm của nửa tươi và lá mục. Chị hỏi:

- Đâu, ong ở đâu?

- Kia! Kia rồi, trên vách đá. Ong vách đá là loại ong tốt. Em lên lấy cô nhớ. À, mấy giờ rồi cô ơi?

Lời nói và cử chỉ của Póng rối rít làm cô giáo luống cuống. Thanh Hương đứng dậy:

- Chín giờ mười lăm!

- Còn sớm. Cô nghỉ ở đây, em lên lấy bánh ong cho cô ăn.

Chưa kịp đáp, Thanh Hương đã thấy Póng bám vào vách đá leo lên. Em leo được một quãng thì từ hốc đá trên đầu có mấy con ong bay ra. Póng ngừng leo, nói với xuống:

- Cô ơi! Cô rút một cây nửa to, tẽ đầu ra, lấy nhiều lá khô nhét vào, đốt lửa cho có khói, rồi đưa lên đây cho em.

- Kia! Kia! Ong nó đốt em.

Thanh Hương kêu hốt hoảng. Póng vẫn bình tĩnh:

- Không sợ! Cô đốt lửa lên, khói sẽ đuổi ong đi.

Thanh Hương làm theo lời Póng như một cái máy.

— Diêm đây cô ơi!

Một bao diêm rơi dộp trước mặt Thanh Hương lúc chị đang mím môi, mím lợi rút một cây nữa.

Lửa bén vào tùm lá ở đầu cây nữa. Thanh Hương từ từ đưa lên gần tờ ong. Một luồng khói đen kịt vẽ thẳng tắp bên mang tai Póng. Những con ong hung dữ đang lăm le bầu vào mặt chú bé bỗng lảng ra, bay lồng vào khói, bị cuốn mạnh, thốc ngược cánh lên cao. Póng nhanh nhẹn thò tay vào hốc đá.

Trong nháy mắt, Póng đã lấy được một bánh tồ to bằng hai bàn tay. Chú bé dúi đưa cho cô giáo một miếng:

— Bánh ong này ăn bổ lắm. Cô ăn đi.

Thanh Hương cầm cái bánh trong tay, chăm chú nhìn. Đó là một mảnh tồ ong được đập bằng một thứ bột xốp như bột mì. Trong những cái ô hình lục lăng lóng lánh những giọt mật.

— Ăn đi cô giáo, ngon lắm.

Vừa nhồm nhoàm nhai bánh ong, Póng vừa thúc giục. Thanh Hương đánh bạo cầm một miếng nhỏ. Một vị ngọt thơm lạo xạo làm tê đầu lưỡi chị.

Đang ăn, Thanh Hương chợt nhìn thấy ở cò Póng có hai nốt u đỏ, chín mọng như da nhót. Chị kêu lên:

— Kia! Em bị ong đốt.

Póng ngừng nhai đưa tay sờ lên cò.

— Em không thấy đau à?

— Có chứ cô, nhưng em không sợ. Cô có kim băng nhờ cho em cái ngòi ra là đỡ đau thôi mà.

Rất nhẹ nhàng và âu yếm, cô giáo gọi gọi từng mũi kim vào cò chú học sinh. Vừa nhờ Thanh Hương vừa xuyết xoa, hồi hộp như người chị ruột nhờ gai cho em. Póng ngồi im thờ nhờ nhẹ. Khi cả hai ngòi ong được khều ra, gọt vào đầu ngón tay Póng, Póng hỏi:

— Có phải mỗi lần đốt là con ong bỏ ngòi lại, rồi chết hả cô?

— Ừ, đúng! Nó như một « chiến sĩ cảm tử » ấy mà.

Thanh Hương trả lời Póng bằng một câu nói đùa. Chú bé bỗng cười:

— Ô! Thế thì không hay đâu. Chiến sĩ gì mới dám có một mũi chưa biết địch có chết hay không mà đã hy sinh. Phải giết thật nhiều địch mà vẫn sống mới giỏi chứ, cô giáo. Như anh Trần Duyệt ấy.

Câu nói của Póng thật đột ngột, ngoài sự suy nghĩ của Thanh Hương. Nhưng chị rất bằng lòng...

Hai thầy trò Thanh Hương tiếp tục xuống núi. Póng bước từng bước chắc chắn, cô giáo theo sau. Đường khó đi nên Thanh Hương không hỏi chuyện Póng nữa. Vừa bám từng bước chân trên những mỏm đá lở chỗ, sắc như mảnh chai, chị vừa nhớ lại cuộc họp hôm thứ năm trước.

Những vấn đề cơ bản của cuộc họp đã được bàn bạc và thống nhất ý kiến. Nhân danh chủ tọa, Thanh Hương định tóm tắt mục « xét duyệt danh sách học sinh lớp bảy đề giới thiệu đi thi hết cấp », thì Thự rất ung dung vừa giơ tay vừa nói:

— Tôi đề nghị... chúng ta cần xét lại trường hợp em... Lò Văn Póng.

Mắt dán vào tờ công văn ty vừa gửi, đầu hơi gật gù như vừa phát hiện ra vấn đề gì thích thú, anh nói tiếp:

— Theo tôi nghiên cứu thì nếu quyết định cho tất cả các em học sinh lớp bảy dự thi thì chúng ta phạm một sai lầm, một sai lầm về... về nguyên tắc.

Thự cố tình ngắc ngứ trước khi nói tới hai tiếng « nguyên tắc ». Mọi người hơi ngạc nhiên. Thanh Hương quay nhìn Thự:

— Sai lầm thế nào, đồng chí Thự?

Không trả lời ngay. Thự se sẽ đầy tờ công văn về phía chị.

— Văn bản ghi là những học sinh nào nghỉ quá ba mươi ngày trong một năm thì không đủ tiêu chuẩn dự thi. Trong khi ấy, em Póng nghỉ ba mươi hai ngày. Ấy là mới kể số ngày em nghỉ liên tục. Văn đề này đồng chí thư ký hội đồng đã rõ, lúc này tôi đã báo cáo. Nhưng chúng ta lướt qua, thành ra...

À ! Em Póng nghỉ là có lý do chính đáng.

Khán, người cùng tờ chuyên môn với Thự, là thư ký hội đồng, đáp. Thự cười nhạt, kể :

— Thì tôi có phủ nhận điều đó đâu. Song tôi thấy cần nghiên cứu, tức là : em Póng khi nghỉ không đến xin phép nhà trường. Tự nhiên tôi thấy em nghỉ ba ngày liền. Với tinh thần trách nhiệm, tôi tìm đến nhà em thì hóa ra em ốm, nằm ở nhà thương. Tôi lại mò đến nhà thương. Tôi hỏi tại sao ốm, « ông tướng » không nói gì, cứ giương mắt nhìn đến nỗi đồng chí thầy thuốc đứng đấy cũng lạ. Mãi sau đồng chí ấy phải nói dùm. Các đồng chí có biết vì sao Póng ốm không ? Một lý do thật tức cười : một buổi chiều có một người đi săn trên núi Pú-nò thấy Póng nằm bất tỉnh ở một khe núi bên công em đến bệnh viện. Cái buổi chiều hồi tháng giêng máy bay Mỹ quần nhiều ấy. Có người bảo rằng Póng đi lấy nửa trượt chân ngã. Có người nói, « anh chàng » đi dạo củ gì ấy cho mẹ làm thuốc bóp chân. Có người vui tính hơn đùa rằng : Póng có tham gia đuổi bắt phi công Mỹ nhảy dù... Ngày hôm ấy chúng ta chà tôm cò được một thùng giặc lái mà lì. Chỉ có một vết chân mà đoán hàng trăm con thú thì ai lần ra được, hà các đồng chí ? Hỏi mẹ em ấy, rồi hỏi thầy thuốc, hỏi cả ông thợ săn, tôi cũng không rõ vì sao Póng ngã. Mà hỏi « ông tướng » ấy thì cấm có thấy « ông tướng » ấy hé răng. Bực không thể chịu được...

— Thôi, chuyện ấy từ ba tháng trước, « mòn » rồi, nhắc lại làm gì ? Kim Liên, một cô giáo trẻ vui tính cắt ngang lời Thự.

— Văn đề đồng chí Thự nêu, chúng ta sẽ nghiên cứu — Thanh Hương tiếp lời Liên — Song tôi nghĩ, trong hoàn cảnh hiện nay, đối với học sinh dân tộc, chúng ta cần có sự linh hoạt. Tôi sẽ xin hỏi ty về trường hợp này. Nhưng cái chính là chúng ta xem xem, sau khi nghỉ em Póng trở lại lớp học, chúng ta đã giúp đỡ em thế nào để em theo kịp chương trình, tư cách đạo đức của em ra sao, có đủ đề dự thi hay không ?

Như người sắp chết đuối vớ được cọc, Thự reo lên :

— Đó, đó ! Tôi muốn nói hai ý mà chị hiệu trưởng vừa gọi. Sau khi nghỉ, trở lại lớp, Póng học sút hẳn không tài nào giúp đỡ được. Trong cả năm học, đạo đức, tư cách của Póng quá xoàng. Đó là một học trò lảm lý, ít nói, ngại hoạt động tập thể, lại có vẻ ngang bướng, vô lễ với thầy giáo. Tôi cảm thấy tình cảm với em Póng này nó khó khăn thế nào ấy.

Ngừng một lát, Thự tiếp :

— Từ sau bận nghỉ dài ấy và bị tôi « góp ý », anh chàng càng có vẻ lảm lý hơn. Thoáng thấy tôi đâu là anh chàng cúi đầu lần tránh. Các đồng chí tính, một học sinh như thế thì làm gì được...

— Không ! Tôi thấy đạo này Póng học được đấy chứ. Môn toán của tôi, cậu ấy chưa bị điểm hai bao giờ.

— Póng là một đội viên lớn tuổi, nói chung không phạm sai lầm gì lớn.

— Các em học sinh dân tộc vốn ít nói, chắc chắn. Mấy lại Póng nó lớn rồi, nó không quen đùa với bọn trẻ đâu. Mình phải tâm lý một tý mới hiểu hết em ấy.

Hai ba giáo viên cùng nói một lúc làm cho cuộc họp ồn ào.

- Các đồng chí, ta phát biểu thứ tự chữ nào! Thanh Hương nói to lên. Thự tiếp luôn, có tính chất kết luận ý mình:

- Ấy là tôi xin nêu rõ ràng như vậy đề các đồng chí thông cảm, kéo sau này có xảy ra vấn đề gì các đồng chí lại đổ tại giáo viên chủ nhiệm không báo cáo. Còn quyền tối cao ở đây là các đồng chí mà chủ yếu là đồng chí hiệu trưởng.

Thanh Hương cảm thấy mấy ý kiến của Thự có một cái gì nghe nó lạnh lẽo quá và chưa ý nào rõ ràng. Dường như Thự chỉ nêu ra với tư cách một người ngoài cuộc. Thoáng nghĩ như vậy, nhưng chị không nói ra. Chị tự nhủ: đằng sau vấn đề này có thể còn có những vấn đề khác, những quan điểm cần phải bàn thêm. Nhưng đó là những quan điểm gì, bàn thêm thì nên bàn như thế nào, chính chị cũng chưa rõ. Bốn năm làm giáo viên, ba năm làm hiệu trưởng cho chị một số kinh nghiệm trong sinh hoạt tập thể. Có nhiều vấn đề thuộc quan điểm giáo dục cũng như phương pháp giảng dạy mà cứ cãi vã nhau quanh bàn họp thì không ai chịu ai. Hãy mở rộng tầm nhìn ra ngoài cuộc sống, hãy đi sâu vào học sinh. Thực tiễn sinh động sẽ là trọng tài...

- Cô giáo, có máy bay!

Póng bỗng kêu lên, cắt ngang ý nghĩ của Thanh Hương. Chị đứng dừng lại lắng nghe. Ở phía tây, tiếng âm ì của máy bay vọng lại. Trong nháy mắt, tiếng máy bay rít to và sệt qua đầu hai người.

- Chúng nó lại bỏ bom thị xã, cô ạ!

Póng vừa nói vừa tựa bó nứa vào một cây gỗ ven đường rồi tạt sang bên tìm một mỏm đá cao, đứng lên nhìn về phía thị xã. Ở đấy, tiếng bom bỗng rền lên ùng oàng... Rồi tiếng súng của ta nổ giòn giã. Một cái gì nhói lên trong lòng Thanh Hương. Chị đến bên Póng, cùng hướng về phía thị xã. Chị chợt thấy Póng

thở mạnh. Hai bên hàm em bạnh ra và hai thái dương giãn giãn. Chị đoán em đang nghiền răng lại. Tiếng bom nổ mỗi lúc một to, một dữ dội. Khu rừng thỉnh thoảng lại rung lên như rừng mình. Một bàn tay Póng đột ngột bóp lấy tay cô giáo:

- Cô ơi! Chúng nó đang bắn thị xã. Còn có mấy ngôi nhà mà chúng nó cũng...

Và Póng cứ đứng như chôn chân xuống đá nhìn về phía mà bọn giặc Mỹ đang tàn phá một cách điên cuồng. Phải chăng Póng đang nhớ lại hình ảnh thị xã trong những ngày hòa bình? Thị xã của em xinh xắn lượn trong một thung lũng dài bốn năm cây số, hai bên là núi cao, với những nương ngô xanh biếc, giữa là dòng suối Nậm-la quanh năm nước reo như ca hát. Trước kia thị xã lợp xúp mấy túp nhà tranh rách nát, với một nhà tù tường vôi xám xịt. Mười năm hòa bình, nhân dân các dân tộc ở đây đã đổ bao mồ hôi xây dựng hàng trăm căn nhà gạch rộng rãi, cao ráo, có cửa kính sơn xanh, có bậc thang cuốn. Những mái ngói đỏ tươi điểm trang màu xanh của rừng núi đẹp như những bông hoa *pip*. Những hàng cột điện đuôi nhau kéo căng những sợi dây đồng, dây nhôm lấp lánh trên đỉnh núi, ngày nắng nhìn chói mắt. Rồi cửa hàng mậu dịch mở ra, sân đá bóng được san rộng, bãi chiếu phim oang oang tiếng hát... Về đêm, đứng trên núi cao nhìn xuống thấy đèn điện nhấp nháy tương như thị xã đang tắm trong dải Ngân hà. Từ ngày tỉnh mở cái bến xe và rải con đường nhựa giữa thị xã, ô tô ở các nơi xuôi ngược trở muối, vải, dầu và đủ thứ bánh kẹo về. Nhân dân các dân tộc từ những bản làng xa xôi trong tỉnh đổ về đây đông nghịt, làm cho thị xã lúc nào cũng vui vẻ như có hội. Thế mà nay... Giặc Mỹ đã đổ bom đạn xuống thị xã, người chết, nhà cửa đổ nát.

Buổi chạp nửa ấy giúp cho Thanh Hương nhiều suy nghĩ mới mẻ. Những ấn tượng nặng nề về Lò Văn Póng mà giáo viên chủ nhiệm của em gieo trong chị đã bị đấu tranh lại kịch liệt. Điều đó làm cho chị day dứt. Chị thấy cần phải bàn thêm với Thụ. Chị đến gặp Thụ vào một buổi tối. Vừa thấy chị, Thụ đã vồn vã:

— À chị! Tôi xin cung cấp thêm tài liệu để chị xét.

Vừa nói anh vừa lục trong chõng vở học sinh để ở đầu bàn rút ra một quyển:

— Vở tập làm văn của em Póng đây.

Quyển vở được đóng bằng một tập giấy khò lớn, bọc họa báo. Ngay ở trang đầu, dưới dòng chữ: *Vở tập làm văn lớp bảy của Lò Văn Póng*, có vẽ một anh bộ đội phi ngựa, tay lăm lăm cầm thanh kiếm dài, to không cân xứng với người. Cạnh đó là một dấu hỏi bằng mực đỏ và dòng chữ của Thụ ghi: *cần nghiêm túc trong khi trình bày vở*. Thanh Hương giờ sang những trang sau và đưa mắt nhìn lướt các bài làm. Đa số Póng làm không hết bài, hoặc bài nào làm hết thì lại quá ngắn ngủi. Những ý em viết trong một câu không đến nỗi hơi hụt lủng củng nhưng thường bỏ lửng nên hay bị phê là ý cụt, câu sai ngữ pháp. Chữ Póng không xấu: có đôi bài em tỏ ra cần thận trọng khi viết nên trông khá sáng sủa. Hai bài làm trong tháng gần đây Póng bị điểm « 2 » với những lời phê rất nặng nề: ... *tỏ ra thiếu nỗ lực làm bài... Em cần kiên tâm học tập hơn nữa*. Ở một trang vở, Póng vẽ hai pháo thủ đang điều khiển một khẩu pháo bắn lại một tốp năm chiếc máy bay phản lực Mỹ, trong đó hai chiếc đang cháy. Phía dưới là một dãy những tòa nhà ngói, những khung tường đang xây dở. Xung quanh là núi cao. Dưới bức tranh có ghi: *Bản nát đầu giặc Mỹ, bảo vệ thị xã*.

— Không phải là Póng không có hoài bão!

Thanh Hương buột miệng nói. Thụ cười nhạt:

— Nhưng đó là thứ hoài bão kiểu vô chính phủ!

— Không hẳn như thế đâu, anh Thụ ạ! Tôi thấy chúng ta cần phải nghiên cứu và giúp đỡ em ấy nhiều hơn. À, anh có sổ chủ nhiệm ghi rõ về hoàn cảnh gia đình, xuất thân của Póng đấy chứ?

— Có, có chị ạ!

Vừa đáp, Thụ vừa hấp tấp rút ngăn kéo lấy ra quyển sổ chủ nhiệm rồi lật soát mở cho Thanh Hương xem trang ghi về em Póng. Đó là những dòng chữ viết cần thận ngay ngắn nhưng nội dung thì rất nghèo nàn, giống như một anh chàng công tử bột áo quần thì là lượt, mày râu thì tia tót nhưng tâm hồn trống rỗng. Thanh Hương nhẩm đọc: *Lò Văn Póng - tuổi 14 - dân tộc Thái đen - bản Cọ, thị xã. Bố là Lò Văn Pành, cán bộ ngành kiến trúc, ốm chết. Ở với mẹ yếu, làm nương và đan phen nửa bán. Có anh lớn và em gái. Cách hai dòng có một câu ghi: làm li - ít nói - ngại hoạt động tập thể - tiếp thu chậm - học kém... Và lại cách hai dòng nữa: Anh đi bộ đội ngày... tháng 9 năm 1965.*

Vừa gặp cuốn sổ chủ nhiệm lại, Thanh Hương vừa hỏi:

— Anh có hay đến thăm gia đình em Póng không?

— Có đôi lần chị ạ!

— Anh nắm chắc hoàn cảnh nhà Póng, nhất là truyền thống gia đình em ấy chứ?

Thụ hơi lúng túng, nhưng anh vẫn đáp một cách tự tin:

— Có chị ạ. Song tôi chỉ nắm những nét cơ bản thôi. Đó là điều then chốt để hiểu tất cả...

Thanh Hương cười:

— Nắm những nét cơ bản à? Kề như vậy cũng được. Nhưng đối với loại « cá biệt » thì chưa đủ. À... Hôm

nọ tôi được nghe bà mẹ em Póng kể về lịch sử gia đình. Có nhiều ý rất quý báu giúp chúng ta hiểu em Póng, anh ạ...

... Nhà anh Pành ở bản Cọ, cách thị xã bốn cây số. Đạo ấy, anh Pành mới về ở rề nhà cô *Ching*. Anh hay vào thị xã nhận xe gạch, xe cát cùng mấy người tù về xây những ngôi nhà xung quanh chợ để lập phố.

Một hôm đang ở nhà, cô *Ching* thấy bố hết hoảng về báo:

— *Ching* ơi! Chồng mày bị quan Tây bắt rồi.

Ít ngày sau, cô *Ching* được người ta cho biết: chồng cô đi Việt minh. Anh Pành cùng với mấy anh trong bản tổ chức đưa đường cho ba cán bộ Việt minh vượt ngục về Hà-nội. Làm xong việc, anh quay về thì bị bắt.

Năm Cách mạng về, anh Pành vượt ngục cùng quân khởi nghĩa vây nhà tù, bắn nhau với Tây. Rồi anh Pành đi bộ đội. Năm ta giải phóng Tây-bắc, anh có ghé thăm nhà được hai ngày. Từ đấy anh đi biệt như mũi tên vút khỏi nỏ.

Khi thành lập Khu tự trị thì anh trở về. Anh Pành thành đồng chí Pành, làm cán bộ cho Chính phủ. Đồng chí Pành là giám đốc một công trường lớn xây dựng thị xã thành thủ phủ của Khu tự trị. Đồng chí được chính quyền phân cho một gian nhà ngói thật xinh giữa thị xã rồi đưa chị *Ching*, thằng Vinh, con cả và thằng Póng — lúc ấy đang tập đi — về ở.

Bố của hai đứa trẻ bận việc cơ quan nên vắng nhà luôn. Chị Pành phải lo mọi việc gia đình. Thằng Vinh giống bố hồi trẻ, da đỏ như cánh kiến, hai tay săn chắc... Nó làm hết mọi việc nặng nhọc. Thằng Póng theo anh, được anh dạy dỗ nên cũng mau khôn lớn.

Mấy năm ở trong tù, ông Pành bị chúng nó đánh đập tàn nhẫn. Giáp gậy song, chúng dùng báng súng; đánh mỗi tay, chúng dùng chân đá.

Những năm công tác, ông được Chính phủ cấp cho hàng trăm ống thuốc, cấp cả mật gấu, cao hồ để lấy lại sức khỏe. Nhưng thằng Tây tàn ác, cướp mất sức khỏe của ông. Ông thiêu dần rồi bỏ vợ con mà đi, chưa kịp nhìn mặt đứa con gái út.

Trước khi nhắm mắt, ông Pành dặn vợ:

— Mẹ Vinh cố nuôi cho các con khôn lớn, sau này chúng nó làm công tác, phục vụ dân tộc mình, làm cho dân tộc miền núi mình tiến bộ như anh em ở xuôi...

Câu chuyện gia đình Póng qua lời kể của người mẹ, tuy mộc mạc đơn giản, song có sức lay động mạnh tâm hồn cô giáo hiệu trưởng. Cùng với những lời lẽ ấy, Thanh Hương kể lại cho Thự nghe. Kể xong, chị nói:

— Anh Thự ạ! Anh có biết Póng nghĩ gì về truyền thống gia đình mình không? Phải tìm hiểu anh ạ. Truyền thống gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến tâm hồn trẻ, nhiều khi là ảnh hưởng quyết định đấy. Tôi thấy anh cố gắng giúp đỡ em Póng thêm đi, còn một tháng nữa...

Thự bồng giầy này:

— Ôi cha mẹ ơi! Chị bảo tôi có là thánh họa chăng mới làm được như chị nói. Dạy văn nó khác dạy toán của chị lắm. Tôi cho em đi thi đề rồi em ấy trượt thì ai chịu tội cho tôi? Chị đã rõ rồi đấy, năm nay chúng ta phấn đấu một trăm phần trăm học sinh thi đỗ và riêng tôi, phấn đấu một trăm phần trăm điểm văn của học sinh đi thi từ 3 trở lên...

Thanh Hương vẫn vui vẻ và dịu dàng:

— Anh đừng hiểu lạc ý tôi. Chúng ta đào tạo con người chứ không chỉ dạy chữ, không chỉ dạy đề học sinh đi thi. Tôi đã nói đến chuyện thi cử của em Póng và cái chỉ tiêu phấn đấu của chúng ta đâu. Tôi muốn chúng ta tin tưởng các em, không ngừng giúp đỡ các em!

- Vâng! Nhưng tôi không tin rằng một học sinh như Póng trong một tháng có thể vươn lên được.

Thự đang nói thì Khán từ khu nhà gia đình bế cháu Thanh Hằng lên. Cháu bé hơn một năm đang nằm lá trên vai anh. Tấm chăn vải bông trùm kín đầu chỉ hở ra một khuôn mặt đỏ như gấc. Thanh Hương hốt hoảng đón con, Khán nói về giận dữ:

- Cháu nó mệt như vậy mà chị không nghỉ. Nó khóc gần nửa giờ, khản cả tiếng.

Ôm con trong lòng. Thanh Hương thấy như đang ôm một bọc lửa. Lòng chị xốn xang, bối rối. Chị vội về nhà, quên cả chào Thự.

Về đến nhà Thanh Hương chợt nhớ chưa cho con ăn bữa tối. Chị với cái hộp, dốc ít bột vào cái xoong con đề ở bàn. Lừa thế nào, Thanh Hương cũng không đặt được con xuống giường đề ra bếp. Con bé ghê quá, hai tay cứ nắm lấy cổ áo của mẹ giăng ra, như tức giận. Thanh Hương đành vừa bế con, vừa lịch kịch bắc bếp ở trong nhà. Lúc ấy, Khán đẩy cửa bước vào. Thấy vậy anh bật cười:

- Bà chị định hun cháu tôi đấy à? Thôi, đề đấy tôi làm cho.

Hương vui vẻ đứng lên nhường chỗ cho Khán. Chị đến ngồi bên thành giường. Vừa nhìn ngọn lửa cháy rập rờn dưới đáy xoong, chị vừa hỏi Khán:

- Anh Khán này! Anh đã xem những bài văn của em Póng chưa? Anh thấy ta có thể bồi dưỡng, giúp đỡ em ấy vươn lên hơn nữa được không?

Khán không quay lại, đáp:

- Tôi có xem nhưng tôi sợ thời gian gấp rồi.

- Không! Tôi không nói chuyện cho em đi thi, mà tôi muốn qua môn văn, chúng ta giáo dục thêm em ấy và, trước hết chúng ta đánh giá em ấy chính xác hơn.

Khán đã quấy xong xoong bột. Anh dập lửa rồi đứng lên đưa mắt tìm kiếm cái gì:

- Dĩa của cháu dâu chị? À... tôi thấy nếu đi sâu vào cái em Póng này cũng có nhiều điều thú đấy.

Trong khi Thanh Hương cho con ăn bột, Khán lại tiếp tục câu chuyện:

- Đối với Póng, tôi nghĩ phải bồi dưỡng về mặt tình cảm cho em, giúp em suy nghĩ trọn vẹn, quyết định cái gì thì làm cho trót và phải làm cho em ấy cởi mở hơn. Văn tức là người chị ạ. Bài văn phản ánh tâm tình người viết và cũng giáo dục cả người viết rõ lắm. Gần đây, tôi thấy em Póng có những chuyện biến. Hình như chúng ta đánh giá em ấy hơi thấp.

Mỗi lời nói của Khán lại làm lóe lên trong đôi mắt Hương những tia sáng. Không phải đấy là những ý mới, song là những điều giúp chị chứng minh thêm nhận định của mình. Chị tâm sự:

- Dợt này tôi đề tâm nhiều đến trường hợp em Póng, vì tôi muốn qua một trường hợp cụ thể, chúng ta có thể giúp đỡ nhau những điều bổ ích về quan điểm, về phương hướng cũng như phương pháp giáo dục. Tôi lo lắm anh ạ. Vấn đề đào tạo thế hệ trẻ thành những chiến sĩ kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc đâu có phải chuyện giản đơn. Sức chúng ta còn đuối lắm. Do đó chúng ta không nên chủ quan, phải không anh? Anh cùng tỏ với anh Thự, hãy bàn với anh ấy thêm...

Khán gật gù:

- Vâng, mấy hôm nay tôi có nghiên cứu cái « mục tiêu cấp hai » của chúng mình. Quả là chúng ta làm ăn còn « thủ công » quá. Còn về anh Thự thì... vâng, tôi sẽ trao đổi thêm với anh ấy.

Đêm ấy, hai người nói chuyện với nhau mãi tận khuya. Càng nói, họ càng thấy lòng mình sáng ra, giống như đêm hè càng về khuya trăng sao càng nhấp nháy.

Thanh Hằng mệt nặng làm cho Thanh Hương mấy hôm nay không rời con được nửa bước. Nhưng chị cũng không thể bỏ bê các việc của trường. Với lại câu chuyện về em Póng cũng đã ngã ngũ ra sao đâu.

— Dù thế nào cũng phải song song làm mọi việc...

Chị tự nhủ như vậy. Có một điều lạ là, cứ những lúc liu tiú, bận bịu thế này, Thanh Hương lại chợt nhớ tới chồng. Anh đang chiến đấu ngoài mặt trận, cũng làm thủ trưởng một đơn vị. Anh bận gấp trăm ngàn lần so với chị. Không những anh phải giành chiến thắng trong bất kỳ trận đánh nào, anh còn phải bảo vệ tính mạng từng chiến sĩ, chăm sóc đồng đội từng miếng ăn, giấc ngủ. Thế mà anh vẫn đều đặn mỗi tuần gửi cho chị một lá thư, nhắc nhủ, thăm hỏi mẹ con chị. Anh thường bảo chị: « Dù thế nào em cũng đừng quên mình là con chim đầu đàn, em nhé! » Rồi anh lại nhắc: « Anh đánh Mỹ bằng súng, đạn, tiêu diệt chúng góp phần giành độc lập tự do cho dân tộc. Còn em đánh Mỹ bằng việc đào tạo con người. Đất nước ta sau này hòa bình rồi phải được xây dựng to đẹp hơn, đang hoàng hơn. Lớp người mà em đào tạo sẽ làm việc đó ».

Mỗi lần đọc thư chồng, Thanh Hương thường nghĩ: anh ấy là bộ đội mà rất hiểu công việc của mình. Như chất điệp lục trong lá cây, nhờ ánh mặt trời mà xanh thắm mãi, tâm hồn Thanh Hương được những lời khích lệ của chồng lúc nào cũng khỏe khoắn. Chị vừa chăm sóc con, vừa quán xuyến công việc chung, vừa để tâm theo dõi Póng.

Từ ngày được cô giáo hiệu trưởng nhắc nhủ, Póng dần dần thay đổi. Em đi học đều hơn và thường đến lớp sớm để kê lại bàn ghế, hoặc buộc lại tấm phen bị bật. Póng đã mạnh dạn hơn khi tiếp xúc với thầy Thự.

Khi nói, em đã dám ngàng lên nhìn thầy, mặc dù chỉ mới là những cái nhìn vụng trộm.

Sau buổi sáng chủ nhật ấy hai ngày, một buổi trưa, Thanh Hương thấy Póng lén lén đến cửa phòng mình. Trong tay em đang thu thu, giấu giấu một cái gì. Chị vui vẻ nói:

— À Póng, vào đây, vào đây chơi với Thanh Hằng nào!

Póng bước vào nhà. Chưa kịp ngồi xuống giường, chú bé đã đưa ra một cái chai màu nâu, có nút bằng lõi ngô, đặt lên bàn nói:

— Em nghe các thầy bảo em bé bị tưa lưỡi, em mang mật ong để bôi... Mật ong ở cái tổ hôm kia em với cô thấy đấy. Sau hôm ấy về nhà, em mang thang, mang ống ra, em lấy được gần hai ống mật...

Tự nhiên như lúc đi rừng, Póng say sưa kể lại việc lấy mật ong của mình, làm cho cô giáo cũng cảm thấy như chính mình đang làm cái việc đầy hứng thú đó. Từ bữa ấy trở đi, Póng đến nhà cô giáo một cách tự nhiên. Em vui vẻ giúp cô giáo mọi việc kể cả việc bế cháu, việc quét dọn nhà cửa mặc dù cô giáo không bằng lòng... Lần nào Póng đến chơi, Thanh Hương cũng tỉ mỉ khuyên nhủ Póng chăm học, nhắc Póng chan hòa với mọi người, gần gũi thầy chủ nhiệm. Póng thường ít trả lời chị về những điều ấy. Em chỉ ngồi im. Dường như em đang có cuộc đấu tranh tư tưởng căng thẳng.

Buổi trưa hôm ấy, khi Thanh Hằng khỏi sốt, nằm ngủ ngon lành trên giường, Thanh Hương vác cuốc ra vườn định cuốc mấy luống đất.

Qua phòng Thự, chị thấy Thự đang chêm cuốc. Vui lòng, chị nói:

Ta ra làm đôi công cho vui nào, anh Thự!

Hai người rời khu nhà ở. Lúc đi qua khu lớp học, Thanh Hương chợt kéo tay Thự bảo dừng lại. Nhìn

vào lớp bảy, chị thấy Póng ngồi một mình, hai tay chống cằm như đang suy nghĩ điều gì lung lăm. Đầu em ngẩng lên, hướng về phía bảng đen. Trên bảng còn nguyên cái đầu bài tập làm văn: *Bài thơ « Mẹ Tom » đã gây nhiều xúc động cho người đọc. Em cho biết đó là những xúc động gì? Đọc xong bài thơ, em có những suy nghĩ gì về các chiến sĩ cách mạng tiền bối của chúng ta?...*

Thư đưa mắt nhìn Hương như muốn hỏi:

— Póng nó đang làm bài.

Hai người rón rén đi thật nhẹ cốt để em học sinh không nghe thấy. Nhưng họ vừa tới cửa lớp thì Póng đã quay lại:

— Cô giáo! Thầy giáo!

Em chào một cách đột ngột rồi đứng lên. Đôi mắt em mở to nhìn hai người. Trong đôi tròng mắt Póng, Thanh Hương thấy ngấn đầy nước. Có mấy giọt đang trào ra, lăn trên gò má chú bé. Chị đứng lại.

— Em định lên gặp thầy, cô...

Póng nói rụt rè. Đoán em có tâm trạng gì, cô hiệu trưởng kéo thầy chủ nhiệm lại gần. Nhìn hai người một lúc, Póng ghen ngào nói:

— Lúc thầy giáo giảng đến đoạn này (Póng chỉ vào một đoạn thơ trong bài thơ ở sách giáo khoa) thì em nhớ đến bố em. Em thương bố em quá nên thầy giáo bảo em trả lời câu hỏi, em không nói được. Thầy không biết, câu với em. Em khóc vì thương bố, thầy lại bảo là em vô lễ...

Thanh Hương đưa mắt, thấy Thư cau đôi lông mày, vẻ tức giận như định nói một câu gì, chị vội ra hiệu ngăn anh và nói nhẹ nhàng:

Khi nghe thầy giảng đến đoạn này thì em nhớ tới bố em à? Em nhớ như thế nào nào? Nhớ những gì?

Póng không trả lời chị ngay. Hình như em muốn dành thời gian để chị đọc xong đoạn thơ mà em vừa chỉ.

*... Ôi bóng người xưa đã khuất rồi
Tròn đôi năm đất chày lung đời,
Sống trong cát, chết vùi trong cát
Những trái tim như ngọc sáng ngời...*

Ở câu *« Sống trong cát, chết vùi trong cát »* có một gạch chì đỏ như muốn nhấn mạnh. Đọc xong, tự nhiên Thanh Hương thấy xúc động. Chị ngừng lên nhìn Póng chờ đợi. Póng nói, giọng run run:

— Bố em trước kia đi xe gạch, xe cát, rồi làm cách mạng, rồi bị bắt, bị đánh đập khổ lắm. Sau ngày giải phóng bố em cũng trở về với nghề vôi cát. Nhưng thằng Tây đã cướp mất sức khỏe của bố em. Một hôm đang công tác trên công trường, bố em thở ra rất nhiều máu rồi gục xuống, công trường đánh ô tô chở bố em đi bệnh viện tỉnh. Nhưng vì trước cách mạng bố em bị thằng Tây đánh đập tàn ác quá, bây giờ Chính phủ cho thuốc thang tâm hồn bố em cũng không lại. Trước khi chết bố em dặn chúng em: *« Bố muốn sống để xây dựng cho thị xã toàn nhà ngói nhà gạch. Nhưng thằng Tây không để bố sống. Sau này lớn lên, các con phải xây dựng tiếp »*. Anh Vinh em nghe lời bố đã xin vào công trường xây dựng khu cơ quan và phố mới. Nhưng thằng Mỹ đến bắn phá hết cả Anh Vinh phải đi bộ đội, bỏ thị xã lại... Thầy giáo giảng về bà mẹ trong bài thơ làm em nhớ bố quá, nhớ như bố mới chết hôm qua, nhớ cả anh Vinh nữa...

Vừa nghe Póng nói, Thanh Hương vừa đưa mắt nhìn Thư như thăm hỏi: *« Anh thấy không, truyền thống gia đình có một ảnh hưởng rất lớn đối với tâm hồn trẻ »*. Thanh Hương an ủi Póng:

- Thầy Thự chưa hiểu vì em chưa nói cho thầy rõ. Thấy nhớ bố, nhớ anh, em phải làm gì cho xứng đáng với bố, với anh? Em hiểu ý bố em mong mỗi em sau này thành người thế nào rồi chứ?

- Thưa cô, em hiểu ạ...

Trong khi Thanh Hương nói chuyện với Póng thì Thự đứng im. Hình như anh đang suy nghĩ một điều gì...

Hai ngày hôm sau. Thự mang đến cho đồng chí hiệu trưởng một bài văn đặc biệt. Đó là bài văn của em Lò Văn Póng. Vừa đưa cho Thanh Hương xem toàn bộ bài làm của Póng với những lời phê: *khá, ý sâu, chân thực, có triển vọng...* Thự vừa nói:

- Từ hơn một tháng nay, đây là bài đầu tiên của em Póng làm hết và làm với nhiều ý mới, tỏ ra có suy nghĩ...

Thanh Hương đọc như thấm vào mình từng câu trong bài văn. Hình ảnh em học sinh « có nhiều văn đề » ấy cứ lần lần hiện lên. Đọc xong chị nói:

- Văn tức là người phải không anh? Tôi vốn dốt văn học lắm. Song cứ xem cái tâm hồn em Póng này, tôi thấy rất lạ khi nghe anh bảo rằng em dốt văn. Cho nên, có lẽ muốn dạy học sinh giỏi văn, ta phải rèn luyện, bồi dưỡng tình cảm, tư tưởng cho các em, anh nhi. Mà việc làm trước nhất là phải hiểu các em, tin các em. Cuối cùng vấn đề vẫn cứ là đào tạo con người...

Thự cười ngượng ngịu:

- Bà hiệu trưởng lại nói « sách » rồi!

- Tôi đâu dám!

Hai người đang nói chuyện thì Khán đưa vào một đồng chí bộ đội. Sau mấy lời thăm hỏi, đồng chí bộ đội đi vào câu chuyện chính:

- Tôi làm công tác tuyên huấn ở Quân khu, các đồng chí ạ. Quân khu cử tôi đến đây trao đổi với các đồng chí một vấn đề. Ngày mười lăm tháng giêng vừa qua chúng ta hạ được một chiếc F. 105 của giặc Mỹ. Tên giặc lái bị ta tóm cò ngay buổi chiều. Đây là một thằng giặc khá cứng đầu. Lúc chúng tôi hỏi cung, nó trả lời còn ngoan cố lắm. Tuy vậy nó vẫn phải khai những điều cơ bản mà ta cần biết. Sau đó, chúng ta chuyển nó về trung ương. Bẵng đi ba tháng, một hôm các đồng chí Trung ương có điện yêu cầu Quân khu ta về nhận một khẩu cung mới của tên giặc đó. Tôi được cử về, các đồng chí ạ. Thì ra thực tế sản xuất và chiến đấu kiên cường của quân dân ta và sự thất bại ngày càng nhục nhã của chúng nó làm cho « vị anh hùng » của Tòa Nhà trắng phải « mềm » lại. Gặp tôi nó tỏ ra vồn vã, định đưa tay bắt tay tôi và nó nói thế này: « Bản khẩu cung bổ sung của tôi đây không nhằm cung cấp thêm cho các ông tài liệu gì về quân sự mà cốt bày tỏ sự cảm phục của tôi, một phi công Hoa-kỳ đối với các ông, những người Việt-nam anh hùng. Các ông anh hùng từ những em bé. Điều này trước kia tôi không xác nhận, nhưng nay tôi thấy rõ... ».

Chiếc máy bay F. 105 ấy bị bắn rơi lúc một giờ trưa. Tên giặc lái nhảy dù xuống vùng núi Pú-nô. Nó vội lặn vào một khu vực tương đối thuận lợi, giờ điện đài ra báo cho đồng bọn đến cứu. Không đầy nửa giờ, một tốp năm chiếc phản lực Mỹ đến quần ở vùng trời thị xã; nhưng lúc bấy giờ, dân quân và bộ đội của ta đã tỏa đi vây khu núi. Thằng giặc luống cuống bỏ cả mũ, vứt cả dù, vừa chạy vừa diện khăn cấp. Đến một hẻm núi, bỗng nó nghe « huých » một cái ở trên đầu. Chưa kịp hiểu việc gì xảy ra, nó đã bị một bàn chân đá mạnh vào tay bắn tung cái máy điện đài

xuống vực. Một cuộc vận lộn diễn ra. Thằng giặc vô cùng kinh ngạc khi thấy đối thủ của nó chỉ là một chú bé khoảng mười bốn, mười lăm tuổi. Chú bé nhanh như sóc quàng một sợi dây rừng vào mình nó. Sau đó, chú giật mạnh định kéo nó ngã rồi trói hai chân. Không ngờ tên giặc to nặng quá, nên sợi dây đứt. Nó chồm lên vồ lấy chú bé. Chú vội giật một cành cây quật ngang mặt nó làm cho nó tối mắt, tối mũi. Nó cúi xuống quệt má rồi lại với hai cánh tay dơ tợn ra. Sợi dây rừng lỏng thòng khắp mình nó. Chú bé nhanh nhẹn vồ lấy sợi dây, thằng giặc luống cuống. Trong khi đó, lũ quạ đen trên trời bay loạn xạ vì mất tín hiệu. Bom rã như vãi cải chung quanh khu núi. Đột ngột, thằng giặc bị chú bé ngáng cản, ngã sấp xuống. Chú bé hét to một tiếng, rồi cầm dây nhẩy chồm lên nó. Chẳng dè thằng giặc vừa kịp nhồm dậy, chú bé nhổ dùi, buột tay ngã lăn xuống một khe núi phía dưới. Thằng giặc không dám quay lại nhìn, vội chuẩn thẳng. Vừa tập tễnh chạy - vì một chân bị gãy - nó vừa phải gỡ những sợi dây rừng mà chú bé đã mấy lần quấn buộc vào mình và chân nó. Được nửa cây số, mệt quá, nó khụy xuống. Và nó bị ta tóm cổ.

Sau khi kể lại khẩu cung của tên giặc lái máy bay, đồng chí bộ đội nói tiếp:

- Nó bảo lúc ấy nó sợ lộ nên không kịp nhìn lại, chỉ cầm đầu chạy, nó nghĩ rằng em bé đã chết. Em bé ấy chết nhưng đó là cái chết của một chiến sĩ dũng cảm mà trong đời nó thấy lần đầu tiên. Nó rất thán phục em bé. Nay nó nói lại để chúng ta đến nhật xác em.

Đồng chí bộ đội ngừng lại, cầm một chén nước uống. Thanh Hương đưa mắt nhìn Thụ và Khán. Cả ba người đều hiểu chú bé ấy là ai.

- Chú bé ấy không chết đâu đồng chí ạ! Khán nói như reo.

Đồng chí bộ đội ngo ngác nhìn Khán rồi lại nhìn Thanh Hương. Chị hiệu trưởng mỉm cười nói:

- Đúng như vậy, anh ạ. Chú bé ấy là Lò Văn Póng đấy. Đang học lớp bảy do đồng chí Thụ đây làm chủ nhiệm.

Sau khi tiễn chân đồng chí bộ đội trở về, Thụ nói với Hương và Khán:

- Thêm cái chuyện này nữa thì tôi thấy « cái ông tướng » ấy quả là lý thú và cũng khó hiểu thật.

Thanh Hương mỉm cười:

- Có gì mà khó hiểu, hả anh? Chỉ sợ chúng ta bị ấn tượng cũ kỹ kìm giữ thôi. Ở thời đại này, học sinh của chúng ta nó khác lắm anh ạ.

Và Thanh Hương chợt nhớ lại câu chuyện những con ong mà Póng và chị nói với nhau trong buổi sáng chủ nhật đi lấy nĩa hôm nào.

1967

V.D.Q

LÒ THƯỢNG

DƯƠNG DINH HY

Vốn đã ít nói, mấy hôm nay, Thơm lại càng làm lý hơn. Thơm không muốn đề lộ cho Học - anh giáo viên cùng tở - biết rằng mình đã quá bức mình với cái lối nói cười hồ hồ của anh ta. «Nào cô Hương, à cô Thơm...». «Nào cô Thơm ngát, Thơm lừng..., ta chuẩn bị bài...» Anh ta tỏ vẻ thích thú với những câu pha trò ấy, chừng như cho là ý nhị lắm. Thơm cúi mặt lảng đi, cô không muốn đề lộ bộ mặt khó chịu của mình. Cô làm ra vẻ đang cảm cái suy nghĩ về bài giảng.

Bài giảng! Cái công việc ấy mới tẻ nhạt làm sao?

Thơm không hề lười biếng, chán nản đâu, cô luôn luôn tự xác định cho mình điều ấy. Trên đời này, công việc gì giúp ích được cho con người đều đáng quý, đều có một tầm quan trọng nào đó. Những bài giảng, ngày nào vào thực tập ở một trường ven biển, cô đã soạn với biết bao say mê, hứng thú. Những em học sinh thơ ngây đã đón hút lấy từng lời giảng ấy, những đôi môi hồng hé nở như khát khao chờ đợi. Những đồ dùng giảng dạy linh kinh, những phấn xanh, phấn đỏ trong cái hộp thuốc lá màu vàng, tất cả đều là niềm vui của Thơm. Vậy mà giờ đây...

Kề ra, mình bức mình với Học cũng hơi vô lý. Anh ta hẳn nhiên vui vẻ... nào có hiểu được mình! Mình cũng đã làm gì đề anh ta hiểu, cái cô gái tầm ngầm và

hay hờn giận này. Anh ta chẳng có điều gì đáng trách cả, mấy câu đùa cũng chẳng có gì là không lành mạnh. Hồi thực tập, các ông tướng còn đùa mình «cô Thơm hoắc», mình vẫn vui, có sao đâu. Chẳng qua là mình không bằng lòng với cái công việc này, mình đâm ra khó tính, có thể thôi!

Thơm cố dùng những lời lẽ nghiêm khắc như vậy đề «nhìn người rộng rãi, nhìn mình nghiêm khắc». Thế nhưng cô vẫn không thấy mền Học hơn được chút nào và những bài giảng vừa soạn xong vẫn không làm cô hào hứng thêm chút ít. Lần đầu tiên, cô cảm thấy bất lực, điều đó làm cô thực sự đau đớn. Nếu thất bại, người ta sẽ làm lại một lần, hai lần, cho đến hàng trăm lần. Nhưng nếu cảm thấy bất lực? Trời, từ trước đến nay Thơm chưa hề dám nghĩ đến điều đó. Nhưng dù sao, thực tế vẫn quá phũ phàng: chất lượng lớp học cô phụ trách đã không được nâng lên mà ngày lại càng kém sút. Học sinh của cô không phải là những em nhỏ bình thường, họ là những công nhân mỏ... Trách nhiệm ấy lớn lao quá, cô càng nghĩ đến càng bối rối.

Ở bàn bên, Học đang cầm cúi làm cái khung gỗ để dạy về các hình tam giác. Thỉnh thoảng, anh ta ngược nhìn Thơm với vẻ thông cảm. Chừng như anh cũng đã hiểu là không nên cười đùa với cô gái vào lúc này. Nhưng không hiểu sao, một lúc sau, khi đi ra cửa, anh ta lại thân ái quảng lên bàn Thơm một chùm hoa giâu gia trắng muốt. Tuy bước vội ra ngoài, anh vẫn còn kịp thấy những nét cau có trên khuôn mặt ứng hồng xinh đẹp ấy.

Thơm không phải là loại người dễ tha thứ cho mình. Chính vì thế, khi được nhận nhiệm vụ về làm công

tác bỏ tức văn hóa ở vùng mỏ, dù không thích, cô không cho phép mình được do dự lâu. Thơm vui vẻ nhận nhiệm vụ đến nỗi làm các bạn cùng lớp đều ngạc nhiên. Một cô bạn đùa: « Ghét của nào trời trao của ấy nhé ». Thơm cũng cười, nghĩ đến những lần mình ngồi triết lý với các bạn về cái chính và cái phụ trong cuộc đời. Hôm ấy, sau bữa cơm chiều, chị em đang ngồi tán gẫu thì thầy giáo dạy nhạc đi qua. Một cô nói: « Chết, ký xướng âm là gì mình quên tiết cả rồi! Cuối năm có thi nhạc không nhỉ? » Một cô tặc lưỡi: « Chắc, thi với cữ gì. Học cho vui thế thôi ». Thế là câu chuyện xoay ra bàn tán về số phận của thầy giáo dạy nhạc ở trường sư phạm toán và ngược lại, số phận cô giáo dạy toán ở trường... nhạc! Nhà « triết lý » Thơm bèn nâng ngay lên thành vấn đề cái chính và cái phụ trong cuộc đời: « Tất nhiên là cái gì đã sinh ra trong cuộc đời thì cũng đều quan trọng, nhưng nơi nào cũng có cái chính, cái phụ của nó. Thí dụ như sau này các cậu về dạy ở một trường phổ thông, các cậu ra một bài toán, thế là lũ trẻ con sẽ hí hục suốt ngày mà làm, làm không xong thì sợ xanh mặt ra. Còn nếu các cậu « may mắn » được dạy một lớp bỏ tức văn hóa, các cậu có gạo mấy di nữa thì các cậu cán bộ cũng chỉ cười xòa: « À, tôi quên » hoặc « Bạn quá, chẳng có lúc nào mà giờ vỡ ». Bởi vì cái chính của các cậu ấy là cơ quan, là kế hoạch công tác. Sinh ra ở đời, mình chỉ muốn xông vào cái chính ».

Sau này, nghĩ đến buổi trò chuyện ấy, Thơm vẫn mỉm cười một mình. Thế ra mình đã đi vào cái phụ à? Dù là phụ của ai đi nữa, nhưng vẫn là cái chính của mình, vì mình chỉ được giao cho có mỗi một việc là... dạy bỏ tức văn hóa. Nhưng dù muốn xác định cho mình thế nào đi nữa, công việc của Thơm hầu như vẫn lờ lơi, yếu ớt giữa cuộc sống ngồn ngộn

những than bụi, máy xúc, xe goòng tấp nập, âm ỉ suốt ngày. Khu mỏ như một biển cả mênh mông, cuộn cuộn sóng găm, không phải chỉ thu hút sự chú ý của một vùng này mà là sự lo toan của cả nước. Cái lớp bỏ tức văn hóa của Thơm có lẽ loãng ít nhiều thì cũng chẳng phải nước sôi lửa bỏng gì, chẳng làm ai chú ý. Có lẽ vì thế mà Học và một số giáo viên khác vẫn bình chân như vại, đứng dĩnh đạo núi Bài-thơ và vịnh Hạ-long chẳng? Thơm bất giác nhớ đến ông chú họ của mình, vốn là giáo viên tư thực ở phố Hàng-kênh xưa kia. Một hôm, Thơm từ trường về chơi, phàn nàn với ông ta về chất lượng học tập của học sinh có phần giảm sút, ông ta cười khì rồi trăn trăn nhìn Thơm từ đầu đến chân: « Thành đồ thì có vua xây, tội gì gái góa lo ngày lo đêm! Mình cô cũng chẳng lo hết được. Tôi thì tôi cứ xin dạy cái lớp giữa, kỳ nhất là lớp cuối cấp. Danh bất như nhân, cháu ạ. Học sinh lớp giữa cấp có dốt thì cũng chẳng ai biết đấy vào đâu ». Thế ra cái phụ trong cuộc đời có lẽ cũng có mặt hấp dẫn của nó đối với một số người. Không, sai tất, không có cái gì là cái chính và cái phụ cả, chỉ có con người tích cực, có lương tâm và con người lười biếng, hèn nhát mà thôi. Thơm giận dữ nghĩ như vậy.

Vấn đề trước mắt là khóa học chỉ còn không đầy hai tháng ruối nữa thì kết thúc. Tờ giáo viên đã họp hành, đã nhận định tình hình. Ai cũng cho là chất lượng kiến thức của học viên chưa bảo đảm, phải có biện pháp tăng cường việc học tập của học viên. Nhận định thì thống nhất, nhưng thái độ thì không giống nhau và chính đó là điều không bằng lòng của Thơm đối với Học. Việc nước sôi lửa bỏng như vậy mà anh ta cứ cười đùa dửng dưng như không, lại còn rủ rỉ góp ý với Thơm là phải « kiên trì », « bình tĩnh », « nhìn xa trông rộng »...

- Tôi không thể « kiên trì », « bình tĩnh » kiểu như vậy được ! Kiên trì để cho công nhân mỏ học ba năm một lớp à ?

Học hơi nhàn nhạt, hẳn là anh ta phát lòng vì cô em xinh đẹp ấy đã bỏ quên không xưng « em » với anh như mọi ngày. Nhưng anh lấy lại được bộ mặt vui vẻ ngay và giữ nguyên cái giọng hài hước :

- Ấy chết, thế thì tội nặng quá. Có tội, tội xuống vịnh Hạ-long ! Nhưng chẳng kiên trì thì cô bảo làm thế nào nào ? Hà, làm thế nào hà ? Anh lại cười ha ha.

Không hiểu sao, lần này Thơm không thấy cái cười của Học đáng bức mình nữa. Cô chỉ thấy khó chịu trong người vì cái cảm giác về sự bất lực của mình càng tăng thêm. Có lẽ anh ấy cũng phần nào có lý, dù sao, anh ấy cũng đã là giáo viên ba năm của đất mỏ. Cô còn nhớ hôm nào mới nhận công tác, cùng đi dọc con đường goòng lạo xạo than đen, Học giải thích cho cô những điều đơn giản bước đầu về mỏ, thế nào là lò cái, lò chợ và lò thượng. Anh say sưa nói về lò thượng, lò của những người công nhân dũng cảm đi tiên phong mở đường, gặp đá phá đá, dụng phải « phay » cát, đội cát lên, sập thì chống đỡ, những đường lò nóng hầm hập, ngột ngạt, bụi mù đầy nguy hiểm. Không có lò thượng thì không có than, công nhân mỏ không có việc làm. Bởi vậy, lò thượng bao giờ cũng phải thợ sâu, tiến nhanh một bước. Rồi vẫn cái giọng hài hước, anh ví von : « Chúng mình đi cái lò « bỏ tức văn hóa » cũng là lò thượng, lò của chúng mình thông suốt thì các bạn văn nghệ, khoa học kỹ thuật, y tế... cứ thế mà vào khai thác ngon ơ. Phải thế không, cô em ? ».

Thơm phải tự thú nhận với mình là chính cái câu pha trò nửa đùa nửa thật ấy của Học đã giúp cho cô

một ý niệm sâu sắc về việc làm của mình. Làm sao đây để xứng đáng với những người thợ mỏ chân thực và dũng cảm kia. Nếu có cách gì làm được, Thơm sẽ không tiếc thân, tiếc sức, cũng như những người thợ lò thượng kia đã xông pha nguy hiểm, nóng ngạt để giữ vững đường lò. Phải chỉ như ở các lớp phổ thông, cô giáo Thơm sẽ ra thật nhiều bài tập, kèm cặp thêm thật nhiều đề các em học sinh năm thật vững bài. Ở đây không thể làm thế được, người công nhân ngày đêm nghĩ đến sưởi than, biên than, những con tàu chờ đợi. Các đồng chí ấy đã làm việc hết sức mình, cả thể lực lẫn tâm trí, cho đất nước từng giờ thêm giàu mạnh. Ôi, sao mình có thể nản lòng được nhỉ, mình đã dũng cảm nhận công tác này không chút đắn đo, đã mạnh dạn xông tới, vậy thì mình cũng có thể làm tròn được chứ. Như những người công nhân lò thượng... Nhưng sao mà khó quá !...

Buổi học hôm ấy sinh động hẳn lên, chính nhờ mấy thứ đồ dùng giảng dạy Học đã đem cho cô tối qua. Lớp học vui vẻ bàn tán về bài học, xoay sang khen cô giáo. Một chị nắc nỏm :

- Cô giáo khéo tay quá. Có những thứ ấy, giảng đến đâu, rách rồi đến đấy thôi.

Một anh công nhân người gầy, tóc cắt ngắn, giọng oang oang :

- Lần sau, cô giáo cần làm đồ dùng giảng dạy, cứ hô một tiếng, anh em chúng tôi cứ là xin đến ngay. Đục, bào, dẽo, gọt, anh em chơi được tất.

Chị công nhân ban nãy lại lên tiếng :

- Phải đấy, cô giáo Thơm cứ phải sai bảo chú Toàn cho chú ấy quen việc đi. Con giai lớn rồi, xa gia đình, không có người bảo ban, nó hư thân đi.

Đám thanh niên phá ra cười nhưng chị công nhân vẫn nghiêm trang, có tình ý mới nhận thấy trong đôi mắt lá dăm ánh lên những nét tinh nghịch. Thơm đỏ mặt, bối rối, mãi sau này vẫn không hiểu chị nói đùa hay nói thật. Anh công nhân tên là Toàn ngược ngịu lắc lắc cái cổ cao và gầy, trở nên then thò như cô gái. Và tai hại làm sao, đến giờ đại số sau đó, Thơm lúng túng thế nào lại dò đúng tên anh ta, gọi to lên rồi Thơm mới nghĩ là có lẽ không nên.

Bài đại số không khó lắm, chỉ có hai phương trình, vậy mà Toàn cứ đứng như chôn chân xuống đất, không giải được. Hai tai anh cứ đỏ lên, đỏ lên mãi. May mà da anh rám nắng, chỉ có cô giáo Thơm nhìn thấy rõ nhất.

Từ lúc ấy cho hết buổi học, Thơm không thể nào không thỉnh thoảng liếc nhìn Toàn một cái. Liệu anh ấy có còn « hô một tiếng là xin đến ngay » nữa không? Anh ta có vẻ buồn và không hiểu sao, Thơm cảm thấy như cái bàn tay đang hờ hững vach vach những nét vu vơ trên trang giấy nháp kia biểu hiện một tâm trạng khắc khoải ghê gớm.

« Lại vẫn những học viên không thuộc bài, không làm bài đầy đủ ». Thơm lững thững đi theo con đường đất mới đắp, ra đến bãi biển lúc nào không biết. Gió từ vịnh Hạ-long thổi vào, cô mặc cho những sợi tóc vương bay tung. Cô vẫn trở lại với cái ý nghĩ đó, ý nghĩ trước đây lắm khi làm cô bực mình và nản lòng. Nhưng lần này cô nhớ đến đôi mắt buồn buồn của người thanh niên công nhân ấy nhiều hơn. Học đã có lần nói với cô : không phải những người công nhân cấp sách đi học này không biết lo lắng đến bài vở, mà phải hiểu rằng họ còn rất nhiều khó khăn phải vượt qua.

Tối hôm ấy, Học mang sang phòng Thơm một tờ báo *Vùng mỏ*. Anh rút ra một gói giấy nhỏ, đặt lên bàn :

— Này, có nước nóng không, cô Thơm? Hôm nay liên hoan, bà con Nhà sàng tặng ít chè hương.

Nhà hết nước nóng, Thơm ngoan ngoãn sang phòng bên mượn cái phích. Khi trở về, nhìn bóng Học in trên vách vôi trắng, ung dung ngồi bên bàn đọc tờ báo *Vùng mỏ*, Thơm bỗng nghĩ ra một điều và cô thấy lòng mình đầm ấm. Ừ nhỉ, tại sao mình là một cô gái trẻ mà anh Học có thể gần gũi mình đến thế. Anh ấy cũng chỉ hơn mình có vài ba tuổi gì đó thôi, cũng chưa có con thơ vợ đại gì. Lẽ ra mình phải rụt rè hơn, ngược ngịu hơn, bởi vì... anh ấy có thể yêu mình lắm chứ! Sao lại không thể thế nhỉ? Có lẽ anh ấy gần gũi mình một cách tự nhiên như thế bởi vì anh ấy không hề có ý định gì. Nhưng sao anh ấy lại quan tâm săn sóc mình nhiều như thế? Thơm nhớ đến từng cuốn sách khoa học, từng cái thước kẻ bằng, từng đồ dùng giảng dạy, từng câu chuyện hồ hởi, nhưng càng về sau, cô càng nghĩ ra những điều sâu xa. Song lạ, với cô chỉ hờn hờn, chân thành và lắm khi có vẻ bộc tuệch của Học, đồ ai dám có ý nghĩ rằng anh có một dụng ý gì khác.

— Thế nào, buổi học hôm nay « chất lượng » chứ cô giáo? Vẫn cái giọng nửa đùa nửa thật như mọi khi.

Thơm trả lời theo thói quen, mặc dù cô không có ý phản nản như vậy :

— Học viên vẫn không đến đủ, anh ạ.

Rồi cô lại buột miệng :

— Bài cũng không làm được!

Thơm nói câu ấy với vẻ hơi phụng phịu. Hình ảnh người thanh niên công nhân cao gầy, khuôn mặt buồn buồn, thỉnh thoảng ngược nhìn cô, lại hiện ra rõ nét. Không, cô không có ý định phản nản về chuyện ấy. Người học viên trẻ tuổi kia không làm được bài hẳn

là có những lý do xác đáng. Anh ấy sẽ làm được, làm được hơn thế nữa. Đôi mắt ấy đã nói với cô như vậy.

Học ngồi nghe có vẻ chú ý. Rồi đột nhiên anh hỏi rất nghiêm trang:

— Ai thế nhỉ?

Sao lại ai? Một học viên nào đó bị gọi lên đọc bài, làm bài, làm được thì cho điểm tốt, không làm được thì cho điểm kém. Chỉ có thế thôi. Có gì mà phải hỏi kỹ đến thế. Ý nghĩ ấy vụt thoáng qua nhưng rồi chính ý nghĩ ấy lại làm Thơm day dứt, cảm thấy mình có điều không phải đối với sự ân cần chăm sóc của Học. Thơm dju dằng trả lời:

— Anh Toàn đấy. Anh Học có biết không?

Học gật gật đầu:

— À, Toàn gây hờ. Cánh lò thượng cả đấy mà. Nay, họ vừa chọc thủng lò thượng Him-lam. Cô xem đây, tờ anh ta vừa mới được nêu lên báo đây. Thế mà bị cô giáo cho điểm hai, ức thật!

Lúc nào anh ấy cũng đùa được. Tiếng cười của Học đã mang đến cho Thơm một niềm vui bằng phẳng, niềm vui cứ lớn dần lên mãi. Ở Học, Thơm thấy bùng lên một lòng tin vững chắc vào công việc của mình. Mình cứ nghĩ rằng anh ấy là con người kém sâu sắc. Ở, nghe cái tiếng cười ha hả, hồn nhiên của anh ấy thì rất dễ nghĩ như vậy. Thức lâu mới biết đêm dài, những năm thử thách ở vùng mỏ này, anh ấy đã làm được những gì, sao anh ấy không hề kể. Thơm thấy mình cũng hơi ngây thơ, những khó khăn trong công tác của mình nhất định là anh ấy cũng đã gặp nhiều lần, đã phải vất vả khắc phục. Sao mình không hỏi thẳng anh ấy. Và cả anh ấy nữa, sao anh ấy cứ tìm cách giúp mình từng tí một cách rất ý tứ, mà không nói thẳng băng cho mình rõ. Thực tình, nếu anh ấy góp ý thẳng thì mình cũng chẳng nghe cho nào, biết đâu mình lại chẳng nghĩ là anh ấy dạy đời.

— Nay, cô Thơm ạ, ai chứ cánh lò thượng ấy thì chúng mình phải «khiến» cho cần thận. Chúng mình phải xuống đặt kế hoạch cho các cậu ấy tự học mới được. Đồng ý thế nhé!

Chỉ còn một mình với ngọn đèn, Thơm mê mải đọc từng dòng trong tờ báo *Vùng mỏ*. Cái biên than rộng lớn hiện lên mênh mông với những xe bò tốt, xe gấu, đường goòng, tầng than, gương than, những cô gái khăn đen trùm nửa mặt, những mũ lưới trai thợ mỏ che những khuôn mặt sạm đen, tiếng cần trục, tiếng xe goòng, tiếng choòng, tiếng búa. Và đây, lò thượng Him-lam, cái lò nóng ngọt ngọt, sâu thẳm, chọc thủng vào vĩa than màu mỡ, từ đó đang ào ào chảy ra một dòng than bất tận. Thơm cũng đã lên tầng, vào lò, các đồng chí ở Phòng giáo dục đã tổ chức cho cô đi tham quan đầy đủ, nhưng mỗi lần nghe kể chuyện sản xuất, cô vẫn thấy những điều mới lạ vô cùng. Thế ra chỉ mới mấy ngày nay thôi, tờ anh Toàn đã vượt qua những thử thách lớn lao đường ấy ư? Một cái lò dốc đến 45°, ở trên và dưới đều có lò cũ, rất dễ tụt nền hay sập nóc nếu có chấn động mạnh, hơi nóng nồng nực như có nhiều lò than đang cháy. Họ tiến vào gương lò. Một tiếng «sầm». Từng khối than cám lớn trút xuống và chỉ trong giây phút đã ngập đến bắp chân họ. Phải nhanh chóng, nghiêng rặng mà rút chân ra, chạy khỏi vòng vây dữ dội ấy.

Lại bàn bạc, lại hiến kế. Lòng dũng cảm đã chiến thắng tất cả. Họ đã can đảm vác gỗ xông vào gương lò, lao gỗ vào xếp củi lợn giữ trần lò. Lò lại sập, đèn lại tắt ngấm. Ánh đèn đất lại cháy sáng, chỉ kiên cường càng sáng rực hơn. Lò lại vững, lại thông. Lại những xe than ùn ùn chạy ra, góp vào biên than vô tận...

Những con người dũng cảm ấy cấp vở đến lớp, nghe Thơm giảng bài mới hiền lành làm sao. Cả nước

đang ngóng trông vào bàn tay chai sạn của họ, đầy
mặn phọc, tin yêu...

Toàn hơi ngỡ ngàng khi thấy Thơm bước vào phòng
mình. Đi hết một dãy nhà công nhân, thấy Học có vẻ
mệt, Thơm nhất định bảo Học về nhà nghỉ và cô tiếp
tục đi thăm nốt. Cô đến đúng vào lúc anh thanh niên
cao và gầy này đang nghiêng đầu nhìn lại cái hình vẽ
hình học của mình vừa phác ra. Anh thực bối rối:
Quái, sao cái cô gái ấy lại đến đúng vào lúc mình đang
gặm mải bài toán hình này mà chưa trôi.

Toàn vơ vọi chiếc áo vắt ở thành ghế, khoác vào
người, lúng túng xoay cái ghế ra cái cửa mời cô gái
ngồi. Thơm không ngồi, cô đến bên bàn, xem cái hình
vừa vẽ. Toàn lại lật đật kéo cái ghế đến sát bàn.

Mãi một lúc lâu, chẳng ai nói câu nào. Thơm hỏi
một câu mà cô biết ngay là hỏi thừa:

- Anh đang giải toán hình đây à?

Toàn khẽ gật đầu.

Thơm bỗng thấy ngượng ngùng, cô lại nhớ đến buổi
học hôm trước, cô gọi Toàn làm bài, Toàn đứng chôn
chân bên bảng, trước những phương trình đại số. Ôi,
sao mình lại có thể cho một người học viên dững cộm
và cùn cù như thế này một diêm kém nhỉ? Có chứ,
anh có thể dững cộm ở đâu, cùn cù ở đâu, nhưng vào
lớp, nếu anh không làm được bài! Nhưng vì sao anh
ấy lại không làm được bài? Cái lò nóng ngọt ngọt, lò
thượng sôi, thậm chí mũi khoan, những kế hoạch thi
đua, cao trào sản xuất... Anh ấy ở đâu về đây, sống
ở tập thể công nhân mỏ này, chưa có vợ con. Thơm
liếc nhìn chiếc va li nhỏ để gọn trên cái giá gỗ đầu
giường, chồng sách cao bên bàn, chiếc mũ cát-két

xanh bạc màu trên chiếc gối. Ờ, sao mình không hỏi
kỹ anh Học, hầu như học viên nào anh ấy cũng thuộc
cả tên tuổi, tính nết, tông ti họ hàng. Trái với ý định
ban đầu, Thơm không hỏi gì anh về khó khăn trong
học tập mà cô muốn anh kể về những sự việc mới lạ
nhất trong lò thượng Him-lam cô vừa được đọc trong
tờ báo. Mắt Toàn bỗng sáng rực, ánh lên một niềm
vui kỳ lạ. Anh thông thả kể cho Thơm nghe về cách
chống lò, càng kể càng say sưa. Người học viên giải
bài toán đại số hai phương trình chưa xong này đang
hăm hở nghĩ cách cải tiến việc chống lò thật nhanh,
gọn và đỡ nguy hiểm. Thơm lắng nghe mê mải, một
lúc sau cô mới nhận ra là tay mình cũng đang mân
mê cái đuôi sam tóc hết như những cô học trò nhỏ
ngày nào ngồi nghe thầy giáo kể chuyện.

Nghe Toàn nói về những suy nghĩ cải tiến của mình,
Thơm chợt nghĩ: mình có thể giúp các anh ấy nhiều
ý kiến lắm chứ. Nếu biết những học viên của mình
đang nghĩ nhiều điều lạ lùng như vậy, cách giảng bài
vật lý của mình trong buổi học trước đã khác hẳn. Và
chắc chắn là mình sẽ không gọi anh ấy lên bảng làm
bài trong tuần lễ tới anh vừa lao vào một công việc
đòi hỏi quá nhiều sức lực và tâm trí, không còn thời
giờ mà chuẩn bị bài như tuần qua. Nỗi ân hận cứ lớn
dần, dâng ngập tâm hồn cô, và Thơm thấy muốn nói
với người học viên của mình: « Anh Toàn ạ, anh hãy
trả lại cho tôi diêm hai ấy. Chính tôi mới là người
đáng nhận diêm hai ».

Nhưng Thơm không nói như vậy. Họ đứng bên bàn,
Thơm chỉ vào cái hình vẽ hình học mà lúc mới bước
vào cô đã nhìn rất kỹ:

- Điều quan trọng nhất trong việc giải một bài toán
hình học là phải vẽ hình cho thật chính xác. Nhìn vào
cái hình vẽ chính xác, nhiều khi người ta đã thấy
ngay được cách giải rồi.

Toàn hồi hộp nhìn theo những ngón tay trắng trẻo, mềm mại cầm cái bút máy của anh đang thận trọng vẽ lại từng đường cong. Thơm nghe rõ tiếng thở gấp gấp của anh. Cô cảm thấy như mình đang cùng Toàn, cùng tổ công nhân lò thượng này bước vào một cuộc tấn công mới. Sao lại không nhỉ, mình sống ở đất mỏ, lao động với những con người đất mỏ. Vùng mỏ từng giờ từng phút đi lên cùng với niềm vui, nỗi lo âu, lòng hy vọng của từng người, với công sức của từng bàn tay. Cái gì là cái chính, cái gì là cái phụ? Tất cả đều góp phần, đều rất cần thiết, quện lẫn vào nhau, bài hình học nhỏ, cái máng nhật than, khúc gỗ chống lò. Phải tin ở từng người, tin tưởng vào từng học viên dù hôm nay có vì lý do gì mà vắng mặt ở lớp học, phải không Thơm?

Nghĩ đến đây, bất giác Thơm lại nhớ đến cái dáng ung dung của Học, tiếng cười ha hả và câu ví von của anh: « Chúng mình đi cái lò bồ tức văn hóa này, cũng là lò thượng. Lò của chúng mình mà thông suốt... ».

Lò của chúng mình nhất định phải thông chứ anh Học ạ, nhất là khi chúng mình lại biết động viên cả những người thợ lò chính cống giúp sức, như anh Toàn đây...

Nghĩ đến đây, Thơm nhìn Toàn và bất giác mỉm cười. Toàn cũng mỉm cười, anh ngượng ngịu cúi cái đầu tóc cắt ngắn xuống hình vẽ, làm ra vẻ muốn tìm ngay lời giải của bài toán tưởng giản đơn nhưng thật là hóc hiểm.

Tháng 8-1969

D.D.H.

NIỀM VUI THIÊNG LIÊNG

THƯỢNG VẤN

Theo quy định của trường, em học sinh trực nhật cần diêm danh trước khi bắt đầu tiết thứ nhất, rồi ghi số học sinh có mặt lên góc trái bảng đen để mỗi giáo viên vào có thể thấy ngay. Nhưng đã từ lâu tôi không muốn theo quy định ấy. Bao giờ tôi cũng tự mình diêm danh trong giờ lên lớp của tôi. Khi lần lượt gọi tên các em, nghe các em đáp lại bằng tiếng « có », tôi cảm thấy thấm thía một niềm vui thiêng liêng, lần nào cũng vô cùng mới mẻ. Mỗi em học sinh có một giọng riêng. Các em nữ thường đáp nhỏ nhẹ, rụt rè. Các em nam thì to tát, dứt khoát và đôi lúc có pha chút nghịch ngợm. Dù thật là khác nhau, nhưng tôi đều thấy trong những lời đáp ấy các em như còn muốn nói với tôi một điều gì thuộc về trách nhiệm và niềm vui của tôi – một cô giáo già đã có 35 năm tuổi nghề.

– Thưa cô, em đã đến. Hôm nay cô sẽ cho em biết thêm những điều gì mới mẻ?

Có phải các em muốn nói vậy không?

Sáng hôm ấy, tôi đến lớp 10 A, lòng còn tràn ngập nỗi xúc động do cái chết của em nữ sinh Trần Thị Thanh Phương gây ra. Em là học sinh lớp này. Một học sinh ưu tú. Đêm hôm trước, nhà trường đã làm lễ truy điệu em, phát động đợt căm thù giặc Mỹ, noi gương sống và học tập của Phương. Khi tan buổi lễ, về nhà, suốt đêm tôi không ngủ được. Tôi thấp ngón

đèn phòng không ; một vòng ánh sáng nhỏ soi trên trang sổ diêm danh. Tôi di chuyển quyển sổ đến khi vòng sáng ôm gọn lấy tên Trần Thị Thanh Phương.

Tôi đã khóc lặng lẽ một mình. Đó không phải nước mắt của người mẹ. Cũng không phải nước mắt của một cô giáo. Một cái gì trào lên từ sự hòa hợp nhuần nhuyễn giữa những tình cảm ấy. Hãy hiểu cho tôi ! Tâm hồn tôi khỏe khoắn và trong sáng hơn lúc nào hết. Nhưng sự xót thương, lòng cảm phục, niềm tự hào, và cả nỗi căm giận ghê gớm nữa không hiểu sao đã trào thành dòng lệ...

Tôi ngồi im như thế rất lâu trước dòng tên em nữ sinh. Mấy lần tôi cầm bút và thước kẻ, định gạch một nét đỏ xóa dòng tên đi. Nhưng sao mà việc ấy nặng quá sức tôi ! Tôi nhớ lại những kỷ niệm về Phương. Ngoài kia, khoảng trời đêm tháng sáu đầy sao chợt rung lên vì tiếng gầm rú của máy bay Mỹ. Tôi vặn nhỏ đèn lại, vừa định ra cửa ngõ, thì thấy một chớp sáng đỏ phía làng trước mặt, và sau đó, một tiếng nổ dữ dội chừng xé màn đêm. Nỗi căm giận trào lên, nghẹn cổ. Chúng nó đây ! Chúng nó chia nhau đi giết người thành từng ca kíp. Cái thằng đi ca đêm này, biết đâu chính nó đã vãi những quả bom bi xuống cánh đồng đêm trước, xăm nát trái tim em Phương của tôi...

Tôi quay vào bàn viết. Ngồi bút đỏ của tôi đặt tựa vào thước kẻ. Một tiếng « roạt » nhẹ và dứt khoát. Tôi cẩn mồi nhìn dòng kẻ đỏ vừa hiện ra dưới chân những chữ đen ghi tên họ Phương, và ghi chú thêm ở phần trắng bên phải : *Đã hy sinh ngày 2-6-1965...*

Như vậy, lẽ ra trong phút diêm danh hôm sau, tôi không gọi tên Phương. Vì đã có nét mực đỏ, dấu không dè ngang dòng tên, nhưng cũng ở dưới chân hàng chữ.

Tôi hiểu không khí lớp 10A. Tôi định sẽ không nói một điều gì về Phương trong giờ học hôm ấy, vì tôi nghĩ có nói gì đi nữa thì cũng vẫn không đủ. Nhưng tôi đã lỡ...

- Nguyễn Duy Ninh, tôi gọi.
- Có ! Một tiếng đáp rần rỏi vang lên ở hàng cuối.
- Trần Thị Ngân.
- Có ạ.
- Vũ Văn Phàn.
- Có.
- Nguyễn Thị Phấn.
- Thưa cô, có ạ...

Và mắt tôi gặp dòng tên đêm qua. Trong khoảnh khắc nét đỏ dường như rung lên trong mắt tôi. Tôi gọi :

- Trần Thị Thanh Phương !

- !

Một giây.

Hai giây.

Ba giây.

Tôi lại không gọi tiếp được nữa ? Tôi lỡ rồi.

- Thưa cô, có ạ !

Từ bàn đầu, ở góc trái chợt bật lên lời đáp ấy. Nó nhỏ thôi, mà chừng như vang xa tận những cánh đồng ngoài kia, dội vào tận triền núi sau lớp học.

Tôi ngược mắt lên, nhìn về phía có tiếng đáp, và gặp đôi mắt đen đăm lệ của Vân.

Ở lớp, Phương và Vân là đôi bạn gái rất thân nhau. Hai em cùng ở một làng, đi đâu cũng có nhau, như bóng với hình.

Tôi rời khỏi bàn, đi về phía Vân. Bàn đầu mọi khi có năm em. Bây giờ còn bốn. Chỗ của Phương bỏ

trống. Nhưng trên bàn, ở chỗ Phương, tôi thấy một cuốn giảng văn ngoài bìa ghi: «*Trần Thị Thanh Phương*». Tôi cầm cuốn sách lên và nói với cả lớp:

— Các em hãy nghe cô — có lẽ giọng tôi không được trong trẻo và vang ầm như mọi khi nữa — đây là cuốn sách của bạn Phương. Thằng Mỹ đã giết mất Phương. Nó muốn gì? Nó muốn ta phải run sợ trước những tội ác của chúng. Cô biết, không ai trong chúng ta không cảm thấy căm thù và đau xót. Mới hôm qua thôi. Phương còn ngồi đây, thế mà không bao giờ nữa...

Nhưng cách đây hơn 10 năm... — Tôi không biết tại sao lúc ấy trong óc tôi lại vụt lóe lên một ý nghĩ cháy bỏng về đứa con trai tôi. — Cách đây hơn 10 năm, các em ạ, con trai cô đã hy sinh ở Điện-biên-phủ. Cô đã khóc ngay trong lúc giảng bài, trước mặt các học sinh của cô... Nhưng cô đã không để cho nỗi xót xa ấy chìm cô xuống. Cô đã sống, đã cố gắng sống gấp hai lần. Cô tự nhủ: «*Mình sẽ sống thay cho cả con trai mình*».

Tôi thấy cay cay trong mắt. Tôi cố giữ cho khỏi ứa lệ, nói tiếp:

— Chúng ta sẽ sống gấp hai lần!

Tôi quay về phía Vân:

— Em Vân ạ, cô tin rằng em rất hiểu cô.

Vân không trả lời tôi. Em cúi xuống bàn. Mớ tóc dày và mượt của em vắt qua vai, chảy xuống trước ngực.

— Vừa đi học, vừa làm đề nuôi em, thật ít người được như nó! — Trong làng, bà con xã viên nói như vậy về cô gái.

Em lại là tồ viên tồ kỹ thuật, và còn tham gia đội dân quân nữa.

Trong câu chuyện, các anh bộ đội trên trận địa cao xạ nói với nhau:

— À, cái cô bím tóc vác đạn mọi lần ấy, thế thì tớ biết!

Nhưng, các anh có biết em gái ấy, khi băng mình trong khói đạn, vẫn đang nợ kế hoạch của mình đoạn cuối bài luận hay không? Và bài luận ấy nhất định sẽ được điểm 5 vì từ trước tới giờ hầu như không bài làm nào của em gái ấy bị một điểm dưới 5 cả.

Một tiếng bom dậy đất. Em gái ngã sấp xuống. Đôi bím tóc em vung lên trong không. Em gái bò tới hòm đạn vừa bị văng ra. Em ghé vai vào, xốc lại và lao nhanh về phía có những chớp lửa.

Khi trận địa trở lại yên tĩnh, em gái ngồi trên một hòm đạn rỗng, lấy vạt áo lau những giọt mồ hôi trên trán, gỡ lại món tóc mai, ngược đôi mắt trong sáng nhìn những anh pháo thủ mặt mày nhem nhuốc vì đất và cả khói đạn. Em chợt nhớ đến bài luận em đang viết dở, và một ý nghĩ sáng lên như tia chớp: «*Đời mình...*».

Em có biết không, ở lớp, Vân nó vừa thay em đáp «*Thưa cô, có ạ*» đấy.

Và cô giáo vừa nói với các bạn của em: «*Chúng ta sẽ sống gấp hai lần!*».

Tan học, tôi gặp đồng chí hiệu trưởng ở ngã ba đầu xóm. Chúng tôi cùng đi về. Đồng chí hiệu trưởng lại chính là học trò cũ của tôi. Đó là một người kiên nghị, tháo vát và rất tinh.

Tôi kể lại cho anh nghe về những việc vừa xảy ra ở lớp 10A sớm nay.

— Như thế là, một em gái đã đáp «*có*», hả bác? —

Anh hỏi lại tôi, vẫn dùng tiếng « bác » trong cách xưng hô như mọi lần.

— Đúng thế — Tôi trả lời, lòng đang phân vân với nhiều suy nghĩ.

— Những học sinh của chúng ta — anh nói, giọng hơi lạc đi vì xúc động — bác ạ, bác có thấy không, thật là quý.

Tôi hơi bị hững về câu nói đó. Tôi chờ đợi ở đồng chí hiệu trưởng một nhận xét sắc bén, một sự phân tích kỹ lưỡng và cách giải quyết thích hợp. Tôi đưa mắt nhìn anh, và, đúng lúc ấy, tôi chợt hiểu tất cả. « Thật là quý », tôi còn nói gì hơn được nữa ?

Cái nhìn của tôi làm anh bối rối. Cũng có thể là do những ý nghĩ nào đó vừa đến với anh. Anh nói rất nhỏ :

— Hồi chúng em còn là học sinh của cô, chúng em kém cỏi hơn nhiều.

Rồi, như cảm thấy sự thờ ơ tâm trí đối với ngôi ấy có vẻ gì hơi ủy mị, anh nói tiếp, giọng bình thản, gọn gàng.

— Nên làm một cái gì, bác ạ.

— Tôi cũng đã nghĩ tới. Sắp thi tốt nghiệp rồi.

— Đúng.

Một chuỗi cười lạnh lạnh gieo vào trong đêm. Dòng mương mờ sáng, in bóng những ngôi sao chòm chành vì sóng.

Em gái nhịp nhàng kéo lên những gầu nước bằng bạc. Sao rơi tung tóe trên ruộng.

Gần đó phía chân cầu, loang lổ những hố bom. Trong gió như còn thoảng mùi diêm sinh cháy.

Trước mặt em gái, phía xa, núi Tào hiện lên đen thẫm, khắc gọn một khoảng trời.

Em gái chợt nhớ tới những con đường mòn ngày bé đã dẫn em tới ngọn núi ấy nhất cử.

Trên đầu em vòm trời cao vút, trong suốt.

Bỗng lóe lên những chớp lửa. Những tiếng « sè sè » lách lỏi trong đêm. Rồi tiếng nổ lớn, tiếng nổ nhỏ.

Em nghiêng người theo đà kéo gầu nước, ngã vật xuống ruộng. Cái gầu nằm úp mặt giữa những tảng đất cày lờn nhón.

Tiếng động cơ phản lực Mỹ rú lên man rợ, điên cuồng. Từng chùm lửa đỏ vút lên không, quần đàn vào nhau bao vây lấy chúng.

Em gái nằm im trên mặt ruộng. Nước xăm xấp thấm ướt vai em. Máu chảy từ trái tim vừa bị bom bi làm thủng nát. Đôi bím tóc dày và nặng ướt sũng bùn. Trên vùng trán thanh thản của em có một sợi cỏ khô. Một vết bùn non vương trên má.

Hai tay em gái hơi co lại, còn níu dây gầu. Dường như em còn tiếc vì chưa kéo nốt được cả gầu nước lên.

Em không bao giờ viết nốt được bài luận bỏ dở nữa. Những người khác sẽ nhắc đến em trong những bài luận họ viết.

Mười tám năm trời !

Nhưng em sẽ sống lâu hơn số tuổi đời em.

Trên khắp cánh đồng, lại nghe dạt dào tiếng nước gội theo nhịp gầu, tiếng thét trâu đi, tiếng bì bõm của những bước chân trong bùn sâu. Và có cả một tiếng hát ru vọng về theo gió biển.

Em gái có nghe thấy những tiếng đó không ?

« Những học sinh của chúng ta, bác ạ, bác có thấy không, thật là quý ! »

Buổi sáng. Nắng đẹp lạ lùng. Nắng rơi qua kẽ lá, ở những khoảng thưa, nắng trút từng chùm xuống lớp học.

Trong lớp, các học sinh đang tập hát *Bài ca người săn máy bay*, cứ đến câu cuối, các em lại đập bàn thình thình và gào thật to: Lăn quay, lăn quay, lăn qu...u.u.ay!».

Tôi gặp Vân ở ngay trước lớp. Em chào tôi, cười hơi ngượng ngịu, rồi chạy vào lớp. Tôi đứng lại dưới một lùm cây, chờ trống diêm. Tôi lắng nghe tiếng hát, và cố tách ra giọng hát của từng em một. Tiếng Vân bắt đầu chập vào tiếng hát chung. Giọng em cao, trong, và hơi nhí nhảnh.

Tôi chợt thấy cái gì âm ảm trên cánh tay. Té ra là một giọt nắng. Tôi bỗng nghĩ về Phương: « Những giọt nắng như thế này đã chắt đọng lại thành thịt xương em. Bây giờ em không còn nữa, nhưng đã đi vào sự sống của mọi người và ở lại đó ». Tiếng trống xa vọng tới. Giờ học bắt đầu.

Tôi bước vào lớp, các em đứng cả dậy. Tôi nhìn một lượt: lớp học ngay ngắn, gọn gàng. Em nào cũng có một mảnh vải màn nguy trang gấp gọn để bên người. Dưới chân các em là các miếng giao thông hào quen thuộc.

Tôi bảo các em ngồi xuống và bắt đầu diêm danh:

– Nguyễn Duy Ninh.

– Có

– Trần Thị Ngân.

– Có

– Vũ Văn Phan.

– Có ạ.

– Nguyễn Thị Phấn

– Thưa cô, có ạ.

Và đôi mắt tôi bắt gặp dòng tên có gạch đỏ.

Tôi hơi lưỡng lự rồi ngẩng lên đưa mắt nhìn bao quát từ đầu lớp đến cuối lớp và bắt gặp những cặp mắt đen lánh nhìn lại như có ý nhắc nhở: « Thưa cô,

còn bạn Trần Thị Thanh Phương nữa ạ ». Tôi bồi hồi cảm động, lòng trào lên một niềm vui kỳ lạ. Các em học sinh của tôi thật là quý. Trước cái chết của em Phương, chúng đã hiểu mình phải làm gì. Tôi không sao kìm được dòng tình cảm của mình lúc ấy nên đã cúi xuống và cất giọng đồng dục:

– Trần Thị Thanh Phương!

– Thưa cô, có ạ!

Những tiếng đáp rần rỏi, trong trẻo cất lên rất đều như được bật ra cùng một lúc, và cứ ngân vang ngân vang mãi bên tai tôi. Nếu giờ diêm danh đầu buổi học hôm qua chỉ một tiếng đáp trong và nhỏ của một mình Vân đã làm tôi phải xúc động, thì lúc này tiếng đáp rần rỏi của cả lớp cũng chập cánh cho những tình cảm mới đang dồn dập trỗi dậy trong tôi.

Tôi lại gặp các em đang nhìn tôi với đôi mắt đen rất đẹp, kiên nghị và tươi sáng. Tôi thoáng nghĩ: « Các em ạ, các em sẽ trở thành những người tốt, rất tốt ». Tôi gọi tiếp cho đến hết. Bàn đầu, vẫn đủ năm em, không một em nào vắng mặt. Lớp 10A vẫn đủ bốn năm em. Lòng tôi tràn ngập một niềm vui thiêng liêng vô cùng mới mẻ, bốn năm lời nói khác nhau, nhưng đều cùng nói với tôi một điều:

– Thưa cô, em đã đến. Hôm nay cô sẽ cho em biết thêm những điều gì mới mẻ?

Tôi trả các em bài luận. Không em nào ngạc nhiên khi tôi nói:

– Em Trần Thị Thanh Phương – diêm 5!

Tháng 4-1966

T.V.

KHẦU SÚNG GỖ

VŨ XUÂN ĐÌNH

Hùng rời tay anh Lung theo cô Phương đi vào lớp. Nó ngồi thừ ra trên một chiếc ghế con. Anh Lung nhìn Hùng rất lâu. Anh dặn Phương chăm sóc Hùng thay anh rồi khoác ba-lô lên đường tái ngũ. Hùng đứng dậy, nó chạy ra cửa khóc thét lên:

— Bố cho con đi. Cháu đi với bố cơ...

Phương dỗ nó:

— Cháu ngoan lắm! Cháu nín đi nhé!

Hùng khóc to hơn:

— Cháu đi với bố cơ!

Phương đành phải tuyên bố:

— Ừ cô sẽ dẫn cháu đi với bố, đi đánh Mỹ nhé!

Hùng gật đầu. Nó chùi nước mắt và đi về chỗ cũ...

Hôm sau, Phương nhìn khắp lớp không thấy thằng Hùng đâu cả. Phương nhớ nó quá. Thình thoảng cô lại đưa mắt nhìn ra cửa.

Lúc ấy, Hùng cũng vừa thức dậy. Nhà vắng ngắt. Hùng đoán mẹ đi làm, còn cái Huệ đến nhà gửi trẻ. Cái đồng hồ báo thức đề trên mặt tủ đứng im. Nó không thêm đánh nhịp tích tắc nữa. Ngoài sân con chó vàng ngủ gà ngủ gật, thấy Hùng dậy, nó khẽ vẫy đuôi rồi lại nằm im. Hùng bước sang giường giữa. Nó

lật lông bàn, lấy bát vục cơm, ngồi ăn ngon lành. Ăn xong nó quăng bát dĩa vào mâm, kéo cái lồng bàn dậy lên như cũ. Nó đến cạnh bàn uống hết một ca nước đun sôi đề nguội rồi đưa tay quét ngang mồm, thế là xong. Sáng nay, bố nó vắng nhà, mẹ nó đi làm không ai đánh thức nó dậy sớm cả. Nó bực với cái đồng hồ không sồ cọt gõ vào cái chuông keng keng báo thức. Hùng quay vào nhìn ảnh bố treo trên tường. Nó thấy nhớ. Bố nó mặc áo bộ đội màu xanh, đầu đội mũ đính sao óng ánh. Nó ước ao được như bố. Bố nó lại cười nữa, cười đề an ủi nó chăng? Được, nó sẽ đi bộ đội. Nó nghĩ trước hết phải có một khẩu súng gỗ. Không ngần ngại, nó chạy ngay vào buồng, cầm con dao phay và thanh gỗ dẻo dờ ra giữa nhà. Hùng ngồi bệt xuống đất vung dao dẻo « chắc chắc ». Lưỡi dao phay quăn lên, nó vút dấy đi tìm con dao rựa. Tìm được rồi, nó lại tiếp tục ngồi bệt xuống đất đuổi hai chân ra phía trước, tay phải cặp dao vào nách dẻo tiếp. Mắt nó nhìn vào thanh gỗ đã thành hình khẩu súng, không chớp. Mồ hôi chảy dài trên đôi má bầu bĩnh. Nó dùng lưỡi liếm mồ hôi thấy mặn mặn, nó không chịu được, dùng cùi tay quét ngang; đất bụi kéo thành một vệt bẩn nhem nhuốc, chạy dài đến mang tai.

Lúc ấy thằng Lâm bước vào. Hùng ngẩng mặt lên toét miệng cười. Lâm bước đến chỗ Hùng, mắt không rời thanh gỗ. Nó hỏi:

— Mà làm gì thế?

Hùng đưa thanh gỗ ra phía trước:

— Đẻo cái này. Súng dấy.

Lâm lại hỏi:

— Mà trốn học à?

Hùng gật đầu. Lâm dọa:

— Tao sẽ mách cô Phương cho.

Hùng trợn mắt, tay chỉ vào ngực:

- Bố tao đi bộ đội, mẹ tao đi vắng. Cái Huệ con bé tí hay khóc nhè phải nhốt nó ở nhà trẻ. Còn tao phải trông nhà. Cái Huệ chỉ thích mặc áo đẹp, còn tao thì lại thích một khẩu súng gỗ. Tao muốn mẹ tao mua cho tao một khẩu súng sắt, khẩu súng bắn kêu tách tách ấy mà...

Thằng Lâm trố mắt. Nó phục thằng Hùng biết nhiều về chuyện súng. Hùng lại nói:

- Khẩu súng bằng rọc chuỗi của chúng ta chẳng ăn thua quái gì, chơi được vài ngày nó đã teo lại, mềm oặt. Ở lớp, cô Phương cũng không có được một khẩu súng gỗ.

Nó thở dài. Lâm sán lại, vẻ thông cảm:

- Hôm nay tớ cũng đến lớp muộn, sợ cô Phương mắng, vội chạy biến tới đây, Hùng cho tớ chơi súng với nhé!

Hùng thích thú gật gật cái đầu, túm tóc vàng như râu ngô vẫy vẫy:

- Được!

Hùng lại cầm dao dẽo súng. Chỗ đất bị dao cày bết, nó lại xê đi chỗ khác. Nó xoay tròn một khoảng bằng cái nong. Gần trưa, Hùng dẽo súng vừa xong, không may dao bõ vào ngón tay cái. Chỗ ấy rơm rớm máu.

Hùng bỏ con dao và khẩu súng ra hai bên. Nó xuýt xoa rên khe khẽ. Lâm sợ hãi, lúng túng không biết giúp bạn bằng cách nào.

Có tiếng cô Phương chào ai ngoài ngõ. Cả hai đứa sợ hãi, thằng Lâm chạy ra phía sau nhà. Hùng đứng nép vào một góc.

Phương bước vào, cô đưa mắt nhìn một lượt và hiểu hết mọi việc đã xảy ra. Thấy Hùng dút tay, cô lấy ngay cuộn băng đề sẵn trong túi, xé một mảnh nhỏ và băng ngay lại. Phương dịu giọng nói:

- Khẩu súng của cháu đấy à? Đẹp, nhỉ! Cháu dẽo mấy ngày rồi?

Hùng im lặng. Phương cầm hai con dao dặt lên liếp, kéo lại chiếc chiếu giường giữa, quét dọn những mảnh gỗ vụn. Cô khéo léo thu dọn nhà cửa gọn gàng. Hùng cứ đứng ngây ra. Nó tưởng cô giáo sẽ mắng, sẽ phạt, nhưng trái lại, cô vẫn tươi cười hiền hậu. Cô giáo lại còn kéo nó vào lòng âu yếm:

- Cháu có nhớ bố không?

Hùng ập ứng:

- Có ạ!

- Cháu có thương mẹ và em Huệ không?

- Có ạ!

- Cháu có sợ cô giận không?

- Có ạ!

- Vậy thì cháu đừng trốn học nữa nhé!

Hùng rơm rớm nước mắt, gục đầu vào cánh tay cô giáo:

- Vâng... Cháu muốn... đi... bộ... đội, cháu... dẽo... súng.

Bằng những cử chỉ của một bà mẹ yêu con, cô giáo Phương đã làm cho Hùng hối hận. Nó ngoan ngoãn, nép bên Phương như một chú gà con.

Trước khi về nhà, Phương còn giúp đứa học sinh nghịch ngợm tắm rửa sạch sẽ. Trong gió xuân dịu dịu, Phương thấy tâm hồn thư thái. Nắng xé chiều vàng nhạt, vẽ bóng cô vươn về phía trước. Qua cái thú vui con trẻ, cô hiểu thêm trách nhiệm nghề nghiệp của mình. Trên mảnh đất xã hội chủ nghĩa đang gieo hạt giống tốt, cô sẽ là người ươm những mầm non mọc thẳng. Phương nghe đâu như từ thâm tâm những tiếng reo vui phấn khởi của lớp lớp học trò.

Sau một đêm suy nghĩ, hôm sau Phương đến lớp sớm hơn thường lệ. Cô đặt một loạt đồ chơi trên chiếc

bàn nhỏ kê ở giữa lớp. Xung quanh là những chiếc ghế con. Phương bỏ con búp-bê lên bàn. Con búp-bê trông đẹp hẳn lên. Mắt nó tròn xoe. Lông mi dài. Mũi đỏ như son. Phương đã thay cho nó một chiếc váy hoa mới khâu vừa khéo. Nó gọi thêm cho cô giáo ý định lập một tủ đồ chơi cho các cháu. Chi đoàn địa phương đã giúp đỡ Phương rất nhiều. Các đồng chí đã làm cho các cháu những rổ, rá, quang, thúng, cày, bừa, cuốc, mai, giường, tủ, xe, tàu... đều làm bằng tre, gọt dẻo khéo léo. Cái nào cũng nhỏ xinh xinh, màu tre gỗ mịn màng. Chủ nhật trước, Phương ra bờ biển Hải-lý tìm vỏ sò, ốc biển mang về đây một túi xách. Phương lên tận cửa hàng hộp tác xã xin nút bia, về trạm xá xin hộp bìa, lọ pê-ni-xi-lin; những thứ ấy được xếp đặt ra bàn. Lòng Phương thấy rộn vui. Giờ học hôm nay, cô sẽ kể chuyện tranh cho các cháu nghe, liệu thằng Hùng có thích không? Phương băn khoăn về nó.

À thằng Hùng thích một khẩu súng gỗ. Tính Hùng gan lì không bao giờ khóc cả, thế mà hôm bố đi bộ đội lại khóc thét lên đòi đi, rồi ngay sáng hôm sau nó lại ở nhà hí hục dẻo súng. Nó hay rủ thằng Lâm đi bộ đội... Rất tiếc là đồ chơi của lớp còn thiếu một khẩu súng gỗ...

Một lát sau, các cháu kéo đến. Hùng khoác vai Lâm sẵn vào trước. Cái trán nó gồ lên vẻ nghịch ngợm. Mảnh băng trắng ở tay cô băng cho nó hôm trước không còn nữa. Phương chưa kịp giới thiệu với các cháu các loại đồ chơi trên bàn, thằng Hùng đã đưa tay sờ vào đủ mọi thứ. Cái Oanh bế con búp-bê lên tay vừa ru vừa nựng. Hùng giằng lấy, Oanh khóc òa lên. Hùng vút con búp-bê vào một xó. Lâm say sưa kéo chiếc ô-tô bằng gỗ sơn màu xanh nước biển, miệng

thời còi « bíp! bíp! » Hùng lấy tay hất tung. Phương phải dịu giọng khuyên nó:

— Cháu phải để cho các bạn chơi chứ! Cháu có thích học hát không?

Hùng gật đầu. Các cháu quay lại, cô Phương dạy bài: *Cháu yêu chú bộ đội*. Được hát những bài nói về bộ đội, Hùng khoái lắm. Nó gò ngực mà hát, miệng há tròn...

Cuối buổi học, Phương không thấy Hùng đâu cả. Hỏi Lâm, cô biết thằng Hùng đã chạy về nhà trước để dẻo súng.

— Lại khẩu súng gỗ! Phương lầm bầm, phải có thêm khẩu súng gỗ. Khi xếp lại các thứ đồ chơi vào tủ, các cháu đã về hết, lớp học lại vắng ngắt. Năng hắt qua song cửa thành những đường vạch song song. Hình ảnh Hùng thích súng gợi cho Phương nhiều ý niệm về nghề nghiệp. Phải chăng trí thức, năng khiếu, ý thích... là những điều cần làm một lúc?

Mắt Phương chợt vấp phải hình dáng quen thuộc của một anh bộ đội qua làng. Lặng lẽ nhìn theo, Phương nhớ đến anh Lung... Cuộc đời của anh Lung xưa cực lắm. Anh phải sống trong cảnh mẹ góa con côi. Hoàn cảnh chị Lung cũng thế... Lúc ở nhà, anh Lung thường nhắc lại cảnh sống của anh cho Phương nghe. Hôm tái ngũ, anh mang Hùng đến gửi Phương. Anh đi xa rồi, tay anh vẫn còn vầy vầy như nhắc nhở Phương chăm sóc con anh cho tốt. Chẳng lẽ Phương lại phụ lòng tin của anh. Ở ngoài tiền tuyến, anh Lung chiến đấu ác liệt với kẻ thù có khi phải hy sinh cả xương máu. Phương như thấy thêm sức mạnh, cô quyết tâm dạy Hùng bằng cả trái tim mình. Phương quay vào lớp định đóng cửa, nhưng tay dừng lại nửa chừng. Trong cái khoảng không còn dư vị ấm của một lớp học vừa tan, Phương như thấy hiện lên những nét mặt quen thân của các

cháu. Mi mắt khép dần lại, Phương đắm chìm trong một giấc mơ. Phương ngắm ảnh Bác Hồ, ghi sâu lời dạy của Bác: « *Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người* ». Nhiệm vụ trồng người rất gian khổ... Hiện tại Phương dạy ba mươi cháu, mỗi cháu một tính nết. Cái Oanh bé tí mà cứ đòi làm cô giáo. Thăng Lâm hơi gầy lại cứ muốn làm công nhân máy xát. Nó thủ thi nói với Phương: « Cháu làm công nhân máy xát, xát thóc đỡ bà cháu, xát thóc cho cả cô giáo nữa ». Thăng Khuê béo phục phịch, lúc nào cũng ngồi tập lái ô-tô. Cái Nguyệt con gái bác Tý lúc nào cũng đeo ngang người cái túi cứu thương, nó muốn làm bác sĩ.

Còn thằng Hùng lại mơ ước đi bộ đội. Nó đã làm đến năm khẩu súng chuối, hiện đang cố gắng làm một khẩu súng gỗ. Ở nhà, Hùng bày la liệt các loại súng: súng lục, súng trường, tiểu liên. Tiếng keng tan tành của hợp tác xã kéo Phương trở về thực tại. Cô khép cửa và nhanh nhẹn đi về, men dưới bóng râm của hai hàng diên thanh chạy vào lối xóm.

Hai hôm sau, Phương mang tới cho Hùng một khẩu súng gỗ – khẩu súng Phương nhờ đứa em trai đeo hộ, báng nó nhẵn bóng. Phương khoác súng vào vai Hùng. Hùng nhảy chân sáo, chân bước theo nhịp một hai, đi đến lớp. Các bạn nó trở mắt. Lâm đưa tay sờ vào khẩu súng. Hùng đứng nghiêm, mắt mở to, ngực ưỡn ra phía trước, vẻ hãnh diện. Nhìn dáng oai vệ của thằng Hùng. Phương không nhịn được cười. Hùng đã trở thành anh bộ đội tí hon. Buổi học hôm ấy, Phương hướng dẫn các cháu trò chơi « hạ máy bay Mỹ ».

Mở đầu Phương hỏi:

– Cháu nào làm dân quân?

Lâm và mấy đứa khác giơ tay.

– Cháu nào làm bộ đội?

Hùng đứng phắt lên giữa những nắm tay giơ cao của nhiều bạn học.

Phương hỏi tiếp:

– Thế ai làm giặc Mỹ lái máy bay?

Chẳng đứa nào muốn, ngay cả đến thằng Quyền béo cũng không thêm làm. Cô Phương từng bảo các cháu: Thằng Mỹ xấu lắm, thế là em nào cũng ghét.

– Thôi bây giờ bắt đầu nhé! Các « đồng chí » xây ụ pháo đi! Được gọi là các « đồng chí », chúng nó sướng lắm.

– Các « đồng chí » chuẩn bị xong chưa?

Lớp học đồng thanh trả lời:

– Thưa cô xong ạ!

– Máy bay Mỹ đến gần, cô thôi còi báo động nhé!

Lũ trẻ hồi hộp đợi chờ. Thằng Hùng sốt ruột, mũi súng di động trên mép bàn. Phương thôi còi, tay giơ cao chiếc máy bay bằng giấy và ra lệnh:

– Các « đồng chí » nhắm máy bay, bắn!

Từ miệng các em bật ra các âm thanh:

– Đoàng! Đoàng!

– Dùng!

– Oàng! Oàng!

– Ình! Ình!

...

Chúng nó bỗng reo lên:

– Cháy rồi! Cháy rồi!

Phương tung chiếc máy bay ra cửa, giọng đồng dục:

– Các « đồng chí » đuổi bắt sống giặc lái!

Thằng Hùng cầm khẩu súng lao ra cửa đuổi theo chiếc máy bay. Trong chiếc máy bay đó, Phương cắt sẵn hình một thằng Mỹ, mũi nó dài, miệng há hốc, hai tay giơ lên xin hàng. Hùng túm lấy thằng Mỹ, nói lưu lười lại:

– Thằng ỉ! Thằng ỉ!

Các bạn nó khoái trí cười như nắc nẻ. Cái Oanh cũng cười giờ cả bộ răng sún, Hùng được cô giáo khen. Nó phấn khởi lắm. Cuối buổi học nó ở lại quần lấy cô giáo. Nó hỏi:

— Cô ơi, đến bao giờ cháu được đi bộ đội?

Phương cười, xoa đầu nó:

— Nếu chỉ có khâu súng gỗ thì chưa đủ. Cháu phải học thật giỏi này, cháu phải tập thể dục cho người chóng lớn này. Lớn nhanh để mặc vừa bộ quần áo của bố cháu chứ. Cháu phải luyện mắt nữa. Mắt có nhanh thì mới bắn trúng máy bay. Cháu không được phá trò chơi của các bạn. À, cháu phải học nhiều bài hát mới, bởi vì bài hát *Một con mèo ra bờ sông* và *Cháu yêu chú bộ đội* làm sao hợp với bước đi hành quân xa.

Mắt Hùng tròn xoe. Miệng hơi mở như uống lấy từng lời.

Mùa đông qua đi lặng lẽ.

Cây bàng trước lớp Phương khoác chiếc áo xanh lam, nhú những chồi lá xanh biêng biếc. Phương lại được nghe nhiều chuyện lý thú về thằng Hùng.

Một lần, Hùng dẫn Lâm về nhà chơi. Nó dắt Lâm đến cây du đủ ở hời nhà. Hùng chỉ vào cây du đủ và nói:

— Này, Lâm ơi! Cây du đủ này trước thấp lè tè, thấp hơn cả Hùng là khác. Thế mà bây giờ xem nó cao hơn cả đầu mình.

Ngừng một lát, Hùng sờ tay vào cây du đủ, nó cố kiễng chân lên cũng không bẻ được dọc nữa, Hùng thở dài:

— Tức thật.

Lâm nói khích:

— Cậu thì có cao gì.

— Tớ ấy à? Hừ, còn cao hơn cả cậu đấy. Nó chạy đến cạnh Lâm, kiễng chân lên, giờ tay đặt từ đầu Lâm kéo sang tai mình, đưa chéch xuống và nói to:

— Cậu đứng chỉ đến cò mình. Nó vung tay tiếp, về thích thú — Tớ mặc gần vừa áo của bố tớ để lại.

Lâm lắc đầu không tin.

— Cậu không tin à? Vào đây! Hùng kéo Lâm vào nhà, nó nhảy lên giường, trèo lên thành giường, với chiếc áo của bố treo ở mắc. Nó lấy áo mặc vào; tay áo dài ngoẵng, cò áo trễ xuống ngực, áo chùng đắp dít. Hùng hất hàm hỏi Lâm:

— Không phải mặc quần nữa nhì? Cô Phương bảo tao sắp được đi bộ đội rồi.

Nó chỉ tay vào ảnh bố nó đang cười. Hùng lại rủ Lâm chạy sang nhà cô Phương; vừa vào đến ngõ, nó đã hỏi:

— Có ối! Cháu sắp được đi bộ đội mà bạn Lâm chẳng tin.

Phương bật cười:

— Ừ cháu sắp được đi bộ đội đấy!

Hùng mừng quýnh rồi chạy ngay về nhà. Phương thấy tuổi trẻ của các cháu sao mà phơi phơi! Tuổi trẻ, đầu nguồn của ước mơ và sự sống, cô sẽ gắn bó với các cháu mãi mãi. Trận tuyến của Phương là ở đây, lớp học xinh xinh, nơi chuẩn bị những chuyến bay vào tương lai. Nó thâm lặng, nhưng vô cùng hấp dẫn, vinh quang nữa.

Mùa hè đã tới. Cây phượng đầu làng trở hoa đỏ như lửa, báo trước cho Phương một cuộc chia tay sắp đến. Lớp Phương được nhà trường phân công bàn giao cho cô Mão. Cái buổi học cuối cùng ấy cô không hề mong mà nó cũng vẫn đến. Trời bắt đầu sáng. Con

gà trống nhà Phương vỗ cánh phành phạch, cất tiếng gáy ò ó o... Phương bật dậy và tới lớp. Cô múc nước đổ vào chậu rửa mặt cho từng cháu.

Cô Mão đến. Các cháu ngoan ngoan xếp thành một hàng dài. Phương đọc tên từng cháu, giữa các tên có một khoảng im lặng. Chính cái khoảng thời gian thiêng liêng ấy, Phương đã tưởng tượng lại hình ảnh các cháu cả về dáng người, tính nết và ý thích. Cô Mão đứng nghe mà tưởng như mình đã dạy các cháu lâu ngày. Diễm tên xong, Hùng tách ra khỏi hàng, chạy đến chỗ Phương; vẻ mặt nó băn khoăn, hai cái mũi phập phồng, đôi môi nó mấp máy:

— Cô ơi! Cháu...

Phương xoa đầu nó. Hùng càng ấp úng, giọng chìm hẳn đi. Không hiểu nó rụt rè hay đang nén khóc. Chắc vì cả hai.

— Thưa cô... cháu có được mang theo khâu súng gỗ... đi không?

Phương gật đầu mỉm cười, nhẹ nhàng khoắc khâu súng gỗ vào vai Hùng. Giữa sân trường chan hòa ánh nắng vào hè, bóng cô giáo chầm lên đưa trẻ vững vàng trong tư thế một chiến sĩ sắp lên đường.

(Hưởng ứng cuộc vận động viết về thầy giáo và nhà trường xã hội chủ nghĩa)

THÁNG 9-1969

V.X.D.

CHUYỆN RIÊNG CỦA LIÊN

ĐỖ THỊ THANH NHÀN

Liên đứng im, tò mò nhìn anh cán bộ kiểm tra, tay đều đều quấn nốt sợi chỉ hồng vào đuôi bím tóc. Anh cán bộ vẫn chăm chú đọc từng chữ trong bản giáo án. Lát sau anh ngừng lên đưa bản giáo án cho Liên. Cô vội vã vắt bím tóc ra sau vai, đón lấy tập giấy:

— Anh có bỏ khuyết gì không ạ?

Anh cán bộ mỉm cười, vẻ dễ dãi:

— Không. Thế là tốt quá còn gì.

Liên ngược đôi mắt đen sáng có hàng mi dài, nhìn chị hiệu trưởng Hòa. Khuôn mặt cô đỏ ửng đầy vẻ sung sướng mà người ta thường thấy ở những cô gái trẻ mỗi khi được khen. Chị hiệu trưởng Hòa cũng nhìn Liên cười. Nụ cười có ý bảo: « Đấy nhé! Tôi đã không lầm khi chọn cô làm người dạy mẫu hôm nay. Từ buổi đầu gặp nhau, tôi đã biết ngay cô sẽ là giáo viên giỏi. Cô đang bước lên cái đỉnh ấy đấy. Cố gắng lên, cô em ạ! ».

Tất nhiên là Liên cố gắng, không phải chỉ riêng buổi dạy mẫu hôm nay mà đã từ lâu và sau này còn phải cố gắng nhiều. Chỉ mỗi năm đầu chưa quen việc, quen nghề, Liên lúng túng. Ôi chào, dạo ấy Liên lo quá. Lúc nào cô cũng bám theo các anh, các chị giáo viên cũ xin đi dự lớp, xin đi soạn bài chung và sau đó người ta phải trả lời cho cô hàng loạt câu hỏi về giảng,

về dạy, về theo dõi học trò... Chưa đủ. Cô còn mảy mò lục tung cả mấy tủ sách của công đoàn tha về nhà hàng tập dầy cộp toàn lý luận sư phạm. Nào là tờ chức lớp của Kai-rôp, nào là đường lối giáo dục cộng sản của Ma-ka-ran-cô, nào là phương pháp Li-pét...

Bạn đồng nghiệp thấy cô chúi đầu vào sách, kêu lên:

— Này, Liên định nghiên cứu thi thạc sĩ đấy à?

Không. Liên đầu dám thế. Cô chỉ muốn hiểu nghề dạy học và biết dạy học thôi.

Nhiệt tình của Liên làm các bạn yêu mến. Họ giúp cô làm quen nhanh chóng với nghề nghiệp. Chỉ năm sau, mọi người thấy ngay cái triển vọng mà Hòa đã nhận ra từ buổi đầu gặp gỡ cô gái trẻ ấy.

Cho đến hôm nay, có cán bộ về kiểm tra, Hòa hoàn toàn tin tưởng vào Liên. Liên biết thế. Cô đọc qua bản giáo án một lần nữa mặc dù cô đã thuộc lòng. Cô thích thú nhìn những viên phấn đủ màu trong chiếc túi nhựa xinh xinh. Chốc nữa, trong tay cô, chúng sẽ hiện ra thành những đường hình học thẳng bằng, rõ nét. Còn cái giá đo đạc ứng dụng trường hợp bằng nhau của hình tam giác vuông này nữa: Một hình tam giác vuông màu vàng nhạt với các đỉnh nhỏ nhỏ làm tiêu nổi bật trên chiếc bảng gỗ màu thiên thanh rất xinh, có giá đỡ vững chãi. Lẽ ra, sau bài học này không cần phải giới thiệu ứng dụng đó nhưng Liên muốn nhân đề củng cố bài giảng mà giới thiệu luôn, đến khi ôn tập cuối chương, các em đỡ ngỡ. Chỉ cần cái giá đơn giản ấy, Liên phải lẻo đẻo theo anh cán bộ thủy lợi xã hỏi cách làm gần nửa ngày trời. Cái anh chàng quí ấy toàn tán chuyện tào lao. Không vì các em học sinh, Liên thêm vào làm quen với tay xăm xõ ấy.

Liên kiểm lại đồ dùng lên lớp. Đầy đủ quá. Cái bước chuẩn bị «chiếm 70% kết quả bài giảng» ấy đã

báo trước sự thành công tốt đẹp. Tuy vậy, cô vẫn dè dặt nhìn anh cán bộ kiểm tra một lần nữa rồi quay lại Hòa. Hòa cười qua ánh mắt. Liên đến bên cạnh chị:

— Chị có tin ở em không?

— Tin chứ. Nhưng bình tĩnh nhé! Chỉ là một giờ học bình thường. Chúng ta sẽ báo cáo cái bình thường của trường ta với các trường bạn.

— Vâng.

Ra khỏi cửa văn phòng, Liên chạy vụt vào rừng dừa, về lán học, quên cả sự giữ gìn chiếc giá đo đạc cô đã thận trọng nâng niu mấy hôm nay. Làn gió tinh nghịch tung chiếc khăn quàng mỏng màu trắng vẽ trong không trung một đường lượn ngoằn nghèo bay theo bím tóc dày này bồm bộp trên lưng áo.

Hòa nhìn theo, quay lại anh cán bộ kiểm tra, bình phẩm:

— Đấy, lớp trẻ lạ quá anh nhỉ! Ai bảo cô ta là cô giáo, một cô giáo mẫu mực nữa kia.

Anh cán bộ nhếch mép cười, một nụ cười hơi hoài nghi:

— Vâng. Tôi chưa được tiếp xúc nhiều với cô ấy. Đề dự giờ này xem. Mà này, người ta bảo chị hay chiều lớp trẻ một cách quá đáng. Trong khi hướng dẫn họ, nhiều lúc tôi phải phân biệt rõ hai phạm trù: Xốc nổi và tự tin khác hoàn toàn với nông nổi và tự phụ. Chúng ta đừng lầm lẫn những điều ấy khi nhận xét, đánh giá và bồi dưỡng lớp trẻ.

Hòa nhúu đôi lông mày hơi ngẩn và thừa lại. Chị khẽ gại hàng răng cửa vào môi dưới, lơ đãng nhìn một dóm nắng lung lay trên tàu dừa.

— Tôi không biết dùng những từ tế nhị như anh. Nhưng... đấy, rồi anh xem. Thôi, đến giờ rồi, ta xuống lán, trống vào là vừa.

Hai người đi ngang hàng, bước chậm chậm. Chốc chốc, chị liếc nhìn anh cán bộ rồi mỉm cười một mình.

Có lẽ anh chưa đến bốn mươi tuổi. Tại sao anh phán toàn những lời như ông cụ thế nhỉ? Lúc nào cũng đầy giọng bề trên; lúc nào cũng tỏ ra một vẻ mô phạm trong một khuôn khổ nhất định, nghiêm khắc đến lạnh lùng, thận trọng đến hẹp hòi, cứng nhắc.

— Cô Liên giảng dạy thế nào?

Nghe anh cán bộ hỏi, Hòa dứt luồng suy nghĩ:

— Khá lắm. Yêu nghề, yêu trẻ, giảng dạy nhiệt tình. Anh khế nhếch một nụ cười:

— Chị đánh giá công bằng đấy chứ? Không vì cảm tình riêng với cô ấy đấy chứ?

Hòa hơi phát ý:

— Giữa tôi và Liên chẳng có quan hệ riêng tư gì khiến tôi phải nói tốt cho cô ta.

— À, à... Không phải thế. Ý tôi nói là khi bồi dưỡng nhân tố mới thì nên mạnh dạn nhưng phải hết sức thận trọng.

— Tôi có dám làm sai nguyên tắc đó đâu! Không rõ sự phản ứng của Hòa trong câu nói, anh cứ mãi tiếp:

— Đấy, mấy năm gần đây, chúng tôi mạnh dạn đề bạt nữ nhưng không phải là tất cả mọi giáo viên nữ.

— Vâng.

Tiếng « vâng » thật vô cùng nhạt nhẽo. Hẳn anh ta muốn nhắc đến công lao đề bạt Hòa chẳng? Hòa tò mò nhìn thẳng vào mặt anh cán bộ. Cũng may, trên khuôn mặt anh chẳng có một nét gì giống những điều Hòa vừa nghĩ. Được, giờ lên lớp, rồi anh xem.

Hòa vào lớp với một lòng tin như thế.

— Em Hường đâu?

Liên vội vã đến bàn thứ ba, chỗ thiếu em Hường, hỏi em bên cạnh. Em bé vội vã đứng lên, lục tìm trong

cặp sách một mảnh giấy vuông vắn, nghiêm chỉnh đưa cho Liên.

— Thưa cô, bạn Hường có giấy xin phép.

Liên liếc qua mảnh giấy:

Thưa hội đồng nhà trường và cô giáo chủ nhiệm.

Em là Lê Thị Hường, học sinh lớp ba. Em xin phép hội đồng và cô cho em nghỉ buổi học hôm nay vì mẹ em ốm nặng. Em phải đưa mẹ em đi bệnh viện, cô ạ. Em lo quá. Nhưng mà rồi em sẽ đi học.

Em: LÊ THỊ HƯỜNG

Qua lời lẽ lộn xộn, Liên hiểu ngay em học trò của cô đang đứng trước một khó khăn lớn. « Em lo quá. Nhưng mà rồi em sẽ đi học ». Hường luân quần thế nào để giải quyết việc này đây? Có ai giúp đỡ Hường không nhỉ? Chắc nó cần mình lắm. Tự nhiên trong giấy xin phép hội đồng nó lại dành riêng hai tiếng « cô ạ » cho mình. Nó cần mình lắm. Chả biết người mẹ ốm đau ra sao? Tại sao mình không biết? Nó chẳng nói qua gì cho mình lấy một lời. Hèn gì hôm qua Hường đến trước mặt mình như định nói cái gì rồi lại thôi. Sao mình không tinh ý nhận ra điều đó? Mình vô trách nhiệm thật. Thế mà lâu nay cứ tự bảo là mình hiểu học trò.

Hình bóng em Hường hiện rõ trước mắt Liên. Em bé có khuôn mặt dài và nước da xanh mai mái ấy. Nó hiền lành, nhút nhát. Có ai hỏi, nó chỉ ngược đôi mắt rất đẹp, rất trong, thơ ngây nhìn người ta, cười vụng về rồi trả lời nhỏ nhẹ chẳng ra câu. Liên mất bao nhiêu thời giờ mới gọi chuyện được một em bé như thế. Nhưng khi hiểu em, em kể hết cả cho Liên nghe cảnh ngộ neo đơn của gia đình. Em không biết mặt bố. Bố em bị cưỡng ép đi Nam từ năm 1954, để lại

mẹ em mới có mang em ba tháng. Bé Hường ra đời, không biết mặt bố và cũng chưa hề nghe mẹ nói gì về bố cả.

Đi sâu vào hoàn cảnh em bé với người mẹ đau khổ ấy Liên hiểu mình phải làm gì. Nhưng từ đó đề đưa một em bé như vậy mạnh dạn hòa mình vào tập thể, Liên mất bao nhiêu công phu.

Bây giờ, chuyện ấy đã về dĩ vãng. Hường đã vui vẻ học hành và tiến bộ rõ rệt. Độp một cái...

— Sao mình lại không biết ngay từ hôm qua nhỉ? Thật là vô trách nhiệm.

Liên giảng bài mà vẫn luẩn quẩn về những chuyện ấy. Cô lẩn lung tung những dự kiến tốt đẹp ghi trong giáo án. Đáng lẽ bài giảng phải ghi bằng phấn trắng thì từ nãy tới giờ, cô ghi bằng phấn đỏ tối mò. Cô vội vàng xóa đi, ghi lại. Sau đó lại lúng túng, lẩn lộn.

— Chả biết người mẹ giờ ra sao rồi? Nhớ mẹ Hường thế nào, nhất định nó phải thôi học. Tội nghiệp em bé. Nhưng hợp tác xã sẽ giúp đỡ chứ. Có cần thiết gì sự có mặt của mình lắm đâu. Bình tĩnh! Tập trung vào bài giảng. Quyền lợi học sinh trên hết... mà Hường cũng là học sinh... Giờ lên lớp phải chăm lo cho các em đầy đủ, đừng nghĩ luẩn quẩn... Thế ngoài giờ lên lớp là hết việc của giáo viên à?...

Liên càng cố yên tâm thì càng bối rối. Lại lẩn. Liên quên hỏi học trò đề kiểm tra phần giảng vừa qua. Cô định dừng lại gọi sổ nhưng thôi. Chốc nữa kiểm tra cả hai phần cũng được. Chả biết em bé đầu bàn thứ hai kia nói gì ấy nhỉ?

Hòa ngồi cuối lớp, cạnh anh cán bộ. Mặt chị thoát nóng bừng ngơ ngác nhìn Liên rồi chợt tái đi. Bình tĩnh! Bình tĩnh nào! Sao lại lúng túng thế nhỉ? Chết thật.

Một ánh mắt chăm biếm của anh cán bộ kiểm tra quét qua mặt Hòa. Chị thấy tai nóng bừng. Anh hất hàm về phía Liên, ra ý bảo: Đây, nhân tố mới của chị đây. Thế mà bảo dạy giỏi thì có giết người ta không!

Hòa lặng người đi. Chị đã dự lớp Liên nhiều lần. Chưa bao giờ có sự thề như thế. Hay là có người lạ, cô ta mất bình tĩnh. Không, còn cái gì hơn cả mất bình tĩnh kia. Chị ấn mạnh bút xuống trang sổ tay ghi những vấp vấp của Liên trên lớp bằng những câu: Khi nào ta có hai hình tam giác bằng nhau? Hỏi thế thì bố học trò cũng chịu!

Trên bục giảng, Liên bình tĩnh dần lại. Hòa cũng bình tĩnh dần lại. Nhưng Liên lại lẩn. Bây giờ Hòa không còn tin tưởng có cái gì gọi là hay trong giờ học ấy nữa. Giờ học quá tầm thường, nhiều chỗ sai. Bao nhiêu công lao nhà trường thế là đi đời! Chẳng còn thành tích nào bù nổi cho cô giáo viên giỏi tự nhiên trở nên kém cỏi đến thế. Hòa tuyệt vọng.

Hết giờ. Hòa chán nản gấp cuốn sổ tay đứng dĩnh theo sau anh cán bộ đi ra giữa hai hàng học trò đứng thẳng tò mò, lăm lét. Chị chẳng nhìn ai. Liên hoảng hốt nhìn chị và cô hiểu những gì sẽ xảy ra. Cô quên cả giáo án, nhìn qua giấy xin phép của Hường rồi gấp lại cầm trong lòng bàn tay. Cuối cùng, cô mạnh dạn bước lại gần Hòa:

— Chị Hòa ơi! Em...

Hòa hất ánh mắt nghiêm nghị về phía Liên:

— Có gì trao đổi, chốc nữa chúng ta sẽ thảo luận ở hội đồng.

Liên không đề ý gì đến sự trách cứ ngấm ngấm đó. Cô đưa mảnh giấy cho Hòa, mắt dè dặt nhìn anh cán bộ:

— Chị Hòa. Em có chút việc riêng. Sau đây không có giờ, chị cho phép em vắng mặt một lát.

Chẳng đợi trả lời, Liên bước vội về căn phòng. Hòa chưa kịp xem mảnh giấy thì ánh cán bộ hỏi:

— Cô ta nói gì thế?

— Dạ, cô ấy xin phép đi chút việc riêng.

— Giữa giờ hành chính, chị cho phép à?

— Dạ, không.

Anh búng tay về phía trước. Liên vội vã xách chiếc xe, vừa đến đường đã phóng vút đi.

— Đấy thôi. Chị nên tập cho họ có thói quen tôn trọng nguyên tắc hành chính. Phải rèn luyện từ những việc nhỏ nhỏ ấy.

Hòa mở mảnh giấy xem qua. Chị «a!» lên một tiếng nhỏ rồi chạy vội ra khỏi lán học.

— Liên ơi! Liên!

Liên chẳng nghe. Bóng cô gái cùng chiếc xe đạp băng biến giữa hàng cây. Chiếc khăn quàng mỏng trắng tinh vẽ một đường dài trong không gian.

Hường đứng tựa lưng vào cửa phòng mổ của bệnh viện. Tay nó ôm khư khư hai hộp sữa. Nó ngả đầu vào ô cửa kính sơn trắng. Nó không nhìn được gì trong phòng cả. Nó chỉ lo lắng lắng nghe những tiếng lách cạch nho nhỏ từ trong đó vọng ra. Những tiếng lách lách của kim khí chạm nhau, chắc là toàn dao kéo.

Mẹ nó được đưa vào phòng mổ khoảng nửa giờ rồi. Nó lo lắng. Nó lo từ hôm qua kia, lúc mẹ nó bắt đầu kêu đau bụng và không ăn được cơm cháo gì. Nó định nghỉ buổi học nhưng lại thôi. Cô Liên thường dặn nó:

— Mình tiếp thu bài vở như người lấy đất đắp con đê. Nếu có một lỗ hổng thì gay lắm. Dù hoàn cảnh khó khăn thế nào em cũng gắng đi học chuyên.

Thế là nó đến lớp. Mẹ đau bụng rồi mẹ sẽ khỏi Bụng bảo dạ thế, nhưng Hương vẫn thấy bứt rứt không yên. Mấy lần nó định đến nói với cô Liên. Thường thì chuyện vui buồn, to nhỏ gì nó cũng thủ thi với Liên. Không hiểu sao chuyện này nó lại không nói. Khi về, mẹ nó dứt cơn đau. Nó mừng thầm và cho rằng không nói với cô giáo là phải.

Nhưng từ nửa đêm, mẹ kêu đau dữ. Cả hàng xóm, cả đội sản xuất chạy tới. Bạn học nó nữa. Nào gừng, nước tiêu,... người ta đồ đủ thứ mà cơn đau mỗi lúc một tăng. Sáng sớm, chị đội trưởng mới giục đưa ra trạm xá xem sao. Thế rồi trạm xá lại chuyển về bệnh viện với giấy có đóng dấu «cấp cứu».

Đồng hồ đang lúc cây gập rút cho kịp thời vụ nên chẳng ai ở lại với Hương được cả. Chị đội trưởng làm giấy tờ với bệnh viện xong, giao cho nó hai hộp sữa:

— Ở đây có bác sĩ, có hộ lý chăm sóc, em đừng lo. Cây dậy buổi, trưa chị xuống nhé.

Nó tưởng sau đấy, cô hộ lý sẽ đứng với nó nhưng khi đưa mẹ nó vào phòng mổ, chẳng thấy cô ra nữa.

Giờ thì mẹ nó đang trong phòng mổ, chả biết sự tình ra sao. Hương đứng tựa vào cánh cửa. Từ trong đó vọng ra những tiếng lách cách, lạnh lạnh. Nó đứng im, khuỳnh tay ôm hai hộp sữa. Đôi mắt bản thân nhìn những vòng tròn đồng tâm trên nắp hộp mà óc nó vẫn vơ nghĩ tẩn đầu đầu. Rồi sẽ ra sao? Lạy trời, mọi sự qua đi. Nó cố gắng không dám nghĩ đến chuyện mẹ nó có thể chết. Mồ kia mà! Nó nhắm mắt lại và cố xua đuổi những hình ảnh ghê rợn của một người đang bị mổ. Nhưng không được. Một người đang bị mổ. Nó chưa thấy ai bị mổ cả, chắc là ghê lắm. Không ngờ người bị mổ chính là mẹ nó. Người ta đang rạch những đường dao. Không biết rạch ra sao nhỉ? Chắc là đau lắm. Mẹ ơi? Mẹ cố chịu. Mẹ sống với con...

Nước mắt Hường ứa ra, chảy thành một vệt dài trên má rồi chui cả vào bên mép, mẩn mẩn. Một cô họ lý đi qua hỏi:

— Cháu đứng đây làm gì? Cháu chờ ai?

Hường không trả lời, ngược cặp mắt ướt nhoe nhìn lại.

— À, cháu chờ người đang mồ hãn. Chẳng việc gì đâu, cháu ạ. Chỉ cắt tí ruột thừa bằng ngón này này.

Cô chìa ngón tay út ra trước mặt nó:

— Chẳng có gì đáng sợ đâu. Ở đây cắt luôn. Nào, cháu cho cô đi tí.

Cánh cửa xịch mở, phả ra mùi thuốc sát trùng, mùi lửa cồn hăng hắc. Hường muốn đứng với cô họ lý cho đỡ cô quạnh, đỡ sợ nhưng cô đã đi rồi. Và những ý nghĩ rất gở lại đến với nó. Ừ, mẹ không chết. Chỉ cắt có một tẹo ruột thừa thôi. Nhưng mà... hay cô họ lý đã nói dối để dỗ dành nó? Khốn khổ, nếu mẹ nó... nó biết sống với ai?

— Mẹ ơi!

Nó khẽ nấc trong tiếng gọi nho nhỏ. Trong phòng vẫn vọng ra tiếng lách cách. Giá nó được nghe tiếng mẹ nhỉ, dù chỉ một tiếng thở thôi. Nhưng không có. Mẹ chết thì ở với ai? Nó lại chẳng có bà, có cậu mợ gì cả. Vậy nó ở với ai? Chị đội trưởng vậy. Chị đội trưởng thường đến săn sóc, giúp đỡ nhà nó, nhưng nó không thích ở với chị.

Giá nó được ở với cô Liên. Ừ, chỉ có cô Liên là thương nó nhất. Có một dạo nó cúm, mẹ nó đi dân công thủy lợi chưa về kịp, cô Liên chẳng đến nấu cháo, dỗ nó uống thuốc là gì? Sau đó, cô lại đến dạy bù cho nó nữa. Cô Liên thương nó hơn. Nhiều khi nó tưởng rằng chỉ có nó mới được hưởng tình thương trọn vẹn đó. Có lần cô Liên đã chăm sóc một bạn khác hết như đã chăm sóc nó. Nó phát ghen. Nó đến hỏi cô một cách ngờ ngẩn:

— Cô không thương em nữa hay sao?

Cô Liên ngơ ngác:

— Em nói sao?

Nó ngúng nguây:

— Cô đã nói là cô thương em nhất kia mà.

Liên hiểu. Cô vỗ vai và xoa tóc nói:

— Ừ, ừ. Nhưng bạn ấy cũng là học trò cô. Cô thương tất cả các em. Bạn ấy đang gặp khó khăn, mẹ bạn ấy ốm.

Bây giờ mẹ nó cũng ốm, sao cô không đến? Hay cô không thương nó nữa? Nếu không có cô, nó còn biết ở với ai? Nó hình dung rất dễ dàng một khuôn mặt bầu bầu, trắng hồng với món tóc mai nhẹ xòa xuống má, bết lăn mồ hôi khi cô Liên đi đào hầm với nó. Khuôn mặt ấy đã cúi sát xuống mặt nó và có tiếng nói êm dịu, đầm ấm thì thảo đâu đây gần lắm:

— Khi nào gặp khó khăn, cứ nói với cô. Cô sẽ đến giúp em. Thế mà giờ mẹ nó ốm, cô Liên không đến. Cô Liên ơi! Cô có biết mẹ em ốm không? Chả biết có qua được không?

Nó run run nức nở. Hộp sữa tuột tay rơi xuống. Cạnh hộp đánh vào mu bàn chân nó đau nhói. Nó cúi xuống nhặt hộp sữa. Chợt có đôi bàn chân rất quen, đi đôi dép nhựa rất quen dừng ngay trước mặt. Một cánh tay áo nhung đen cũng rất quen buông xuống nhặt hộp sữa vừa lăn ra...

— Có đau không em?

Ôi! Cô Liên! Nó sững người, quên cả đón lấy hộp sữa. Nó ôm choàng lấy ngang thân áo cô giáo, úp mặt vào tà áo cô, nức lên.

— Mẹ đâu?

Nó vẫn áp má vào tà áo cô giáo. Nó không khóc nữa mà như đón lấy một cái gì ấm áp từ người Liên

truyền sang tận lòng nó, xua tan những phút kinh hoàng.

– Mẹ đâu em?

Nó lau nước mắt:

– Đang mờ, cô ạ.

– Tình hình ra sao?

– Không biết.

– Tại sao em không nói trước với cô?

– Em cũng không hiểu.

Cửa phòng mờ hé mở. Một cái đầu đội mũ trắng lộ ra:

– Có thân nhân bà Phạm Thị Cồn ở đây không?

Liên nhanh nhẩu:

– Có ạ. Việc gì không hả bác?

– Không. Rất tốt. Ô kìa! Đây là người nhà cô giáo đấy à?

Liên chẳng kịp nhận ra người biết mình là ai, vội « vâng » bừa.

– Cô xuống phòng B, giường 19, nhận người nhé.

Liên và Hường chạy vội ra khỏi phòng đợi.

... Hường thấy vững tâm hơn khi thấy mẹ nó tỉnh táo, hơn nữa lại có cô giáo nó bên cạnh.

– Mẹ có đau lắm không?

Người mẹ cố nhin đau, lắc đầu. Chợt thấy Liên, người mẹ lúng túng định ngồi dậy nhưng không nổi. Liên vội vàng đỡ lấy tấm chăn giữ cho chị nằm yên. Người bệnh khẽ gật đầu chào gương ngượng nghịu.

– Chị cứ yên tâm nằm nghỉ đi. Cần gì đã có em.

Người bệnh như hoàn toàn yên trí. Chị nhắm mắt lại từ từ, chìm đi trong một cơn mê thuốc ngủ chưa phai hết. Hường lặng im hết nhìn mẹ lại nhìn cô giáo. Nó nhón miệng cười, nụ cười tắt đi từ hai hôm nay lại nở.

– Em chỉ sợ cô không đến.

Không giấu giếm gì, nó thủ thi kè lại mọi ý nghĩ kinh hoàng vừa qua. Liên lắng nghe, dần giờ tay vòng lấy cổ em bé, áp má sát vào mái tóc ngắn ngủi, vàng hoe của nó rồi kéo nhẹ nhẹ vào lòng. Chưa bao giờ cô thấy lòng thanh thản và sung sướng không phải do lời khen mà do sự đền bù không tiếng nói. Hai cô cháu ngồi im như thế rất lâu. Liên thỉnh thoảng ngó sang người bệnh ngon giấc trong tiếng thở êm dịu.

Chợt nhớ tới giờ học vừa qua, cô thấy lo lo. Thế nào người ta cũng đánh giá giờ học ấy không ra gì. Mà rõ ràng là giờ học ấy dở quá. Mình chẳng còn bụng dạ nào dạy cho hay được nữa. Rồi đây, cán bộ kiểm tra sẽ đánh giá mình ra sao? Đánh giá mình đã đành, nhưng còn tập thể nhà trường. Chị Hòa có hiểu cho mình không? Chị em có biết cho mình không? Sao mình không nhờ người khác đến đây thay mình? Chết nỗi thằng bé đưa giấy xin phép của Hường muộn quá. Đành vậy, việc đã qua rồi. Mình sẽ tìm cách dạy bù lại thôi. Liên có thể về từng nhóm học tập giảng lại từng phần cho các em ngay đêm nay. Có thể sửa lại giờ học bằng cách ấy chứ trong lúc này không có Liên, tội bé Hường quá. Còn người mẹ liệu có yên tâm ngủ được giấc ngủ quan trọng này không? Giấc ngủ cô biết rằng nó sẽ rút ngắn thời gian điều trị hàng tuần lễ cho Hường đến lớp sớm hơn. Và có khi thiếu sự yên tĩnh cần thiết này, bệnh trạng người mẹ sẽ làm cho hoàn cảnh gia đình oái oăm hơn, Hường sẽ phải bỏ học...

Nhưng ai hiểu cho điều đó? Người ta chỉ biết kết quả giờ dạy rất kém. Mà kết quả giờ lên lớp là kết quả lao động cao nhất của một giáo viên, là thành tích của tập thể nhà trường. Mọi người tin mình, mình lại phá vỡ niềm tin ấy, quên bằng quyền lợi của số đông học trò. Nhưng cùng lúc ấy, Hường lại rất cần mình.

Đáng lẽ mình phải đến với nó sớm hơn nữa kia. Chị Hòa ơi! Chị có hiểu cho em không? Em xin lỗi chị. Dù sao đây cũng chỉ là chuyện riêng của em, chuyện riêng của một học sinh. Trong lúc không trấn tĩnh nổi ấy, em đã phủ nhận công lao của tập thể. Tập thể đã giao cho em báo cáo thành tích của nhà trường qua giờ giảng ấy thì... chị Hòa ơi! Em yếu đuối quá. Chị bảo em bình tĩnh sao nổi?

Chợt bóng Hòa hiện ngay giữa hai cánh cửa vừa hé mở. Liên hốt hoảng đứng lên. Hòa đang vội quay lại gài cánh cửa, Liên chưa kịp thấy thái độ chị ra sao; Hường thấy ngay nét biến đổi đột ngột trên mặt cô giáo nó. Nó vội vã đứng nép vào Liên, nửa sợ hãi nửa muốn sẵn sàng đối phó với điều gì không lành xảy ra với cô giáo nó. Hòa quay vào thấy ngay cảnh đó. Lòng chị se lại.

Từ lúc xem xong tờ giấy xin phép của Hường, chị Hòa bình tĩnh lại đôi chút. Chị hiểu ra nguyên nhân làm giờ học của Liên kém kết quả. Liên rồi ruột lên là phải. Liên chẳng có gì đáng trách. Nhưng qua giờ giảng ấy, anh cán bộ kiểm tra sẽ đánh giá nhà trường chẳng ra gì. Anh không hiểu hoàn cảnh đặc biệt này. Chị phải thanh minh. Và anh không tin. Thế nào anh chẳng kết luận: «Chị lại tìm cách bào chữa cho sự bất lực ấy. Chiều và bệnh họ không phải là một biện pháp bồi dưỡng họ đâu. Phải thẳng thắn và nghiêm khắc...». Anh còn nói nhiều hơn thế nữa.

Hay là Hòa đã thiếu nghiêm khắc thật nhi? Ừ, nguyên tắc lên lớp là phải chú ý đến học trò. Thà rằng không lên lớp, điều ấy chẳng còn gì đề nói, dẫu này... Phải hiểu đây là quyền lợi của đa số. Em Hường chỉ là một, là thiểu số. Nhiệm vụ của giáo viên phải dạy tốt giờ lên lớp. Làm sai nguyên tắc đó là có lỗi. Liên có lỗi, nhất định thế. Nhưng nguyên nhân gay

nên lỗi đó là gì? Là tình thương yêu học trò. Là tình thương yêu học trò? Chẳng ai chịu thừa nhận cái nguyên nhân hoàn toàn đúng sự thật ấy. Người ta chỉ căn cứ vào giờ lên lớp để đánh giá hoạt động chuyên môn của nhà trường, thành tích của nhà trường. Mà thành tích gì nhi? Đánh giá công tác sư phạm đâu phải chỉ nhìn riêng những giờ lên lớp?

Rối bời. Hòa cứ nghĩ một mình, lên án Liên rồi lại biện hộ cho Liên. Chị phải hiểu tình hình cụ thể ra sao kia. Chị xách xe xuống bệnh viện.

Cái khó khăn đầu tiên làm Hòa thấy thẹn cho một giáo viên hơn mười hai năm kinh nghiệm: Chị chưa biết tên mẹ Hường, một học sinh đặc biệt mà Liên lưu ý chị từ lâu. Hỏi tên Hường, chẳng ai biết. Luân quần tìm mãi không ra, chị hỏi về Liên. May có ông y sĩ ban nãy gặp Liên chỉ:

— Có, có. Tôi có gặp cô giáo Liên... Thế mà chị chẳng nói. Bà ta là người nhà cô Liên đấy. Có, có. Cô ấy khéo đỡ dành cho bà ta ngủ được giấc ngủ phục hồi ban đầu. Đối với phẫu thuật, giấc ngủ ấy quý... à thôi, chị hỏi phòng ạ? Phòng...

Hòa chợt nghĩ chuyện mình đến đây chỉ để tìm hiểu trường hợp của Liên quả vô lý quá. Chị phải thăm và giúp đỡ học trò mình mới đúng. Linh tính cho chị biết chuyển đi ngăn ngủi này sẽ giúp chị hiểu được một cái gì, một cái gì đấy chị chưa rõ nhưng chắc chắn là thuộc về phạm trù sư phạm.

Hòa đứng lặng nhìn Liên và Hường. «Cái gì» chị mới cảm thấy thì giờ đây hiện ra đầy đủ. Chưa bao giờ chị có những phút sống bên học trò như Liên lúc này. Cử chỉ của Liên đối với Hường, chị chỉ thường thấy khi chị đến bên con chị chứ không phải bên học trò.

Kìa trông! Sao mắt Hường cứ nhìn mình chăm chăm như nghi ngờ thế? Hòa muốn Hường nhìn mình bằng cặp

mắt em dịu, tin cậy kia. Một nỗi xót xa về trách nhiệm thăm nhóm lên trong lòng chị. Chị cần có sự êm dịu hơn là ánh mắt sợt sệt ấy. Chị hỏi bằng một giọng rất trầm, nhẹ nhàng, mắt nhìn thẳng vào Liên.

— Có gì gay go không em?

Cái nhìn chuyền rất nhanh qua người bệnh, qua em bé rồi đứng lại trên khuôn mặt Liên, đầy vẻ hiền hậu. Liên rụt rè:

— Vâng. Vừa mờ xong. Bình thường.

Hòa ngồi xuống cạnh giường bên, kéo Hường lại. Chị ôm lấy đầu nó, xoa tóc nó bằng những cử chỉ vỗ về, âu yếm còn hơi ngượng ngịu. Thế là đã mười hai năm dạy học, chị mới có những cử chỉ mà chị chỉ dành riêng cho con. Ôi! Vụng về làm sao! Lẽ ra chị đã làm được thế từ mười hai năm trước. Chị ngược nhìn Liên như cảm ơn; Hòa lặng yên suy nghĩ về những phút ấm áp và xúc động đó.

Liên pha sẵn một cốc sữa để lại cho người bệnh cần thận, rồi bảo Hòa:

— Ta về thôi chị ạ.

— Về à? Để Hường ở lại một mình?

— Vâng. Nhận xét buổi kiểm tra xong, em lại xuống đây. Và lại sắp tan buổi đồng, thế nào cũng có chị em xã viên đến.

Hòa nâng mặt Hường lên, xoa nhẹ nhẹ vào làn da xanh mai má của nó:

— Em... Em ở lại đây với Hường. Chốc nữa chị cử cô khác xuống thay cho em. Hường nó đang cần em.

Liên ngập ngừng:

— Nhưng em phải về dự giờ nhận xét kiểm tra. Đang giờ hành chính, em đi việc riêng, không tiện.

Liên ngừng nói, nhìn qua cửa sổ, tầm mắt xa xôi. Hòa lặp lại:

— Việc riêng... Không phải đâu, em ạ. Đây là công việc trong nghề dạy học mà... chính chị chưa quan tâm đầy đủ. Giúp một học trò qua cảnh ngộ éo le này cũng là công tác lớn trong sự nghiệp xây dựng con người của mỗi chúng ta. Còn giờ lên lớp...

— Vâng. Giờ lên lớp của em không khỏi có ảnh hưởng xấu đến thành tích chung của tập thể.

Hình như Hòa không nghe câu đó. Mải theo dòng suy nghĩ riêng, chị nói một mình:

— Khi người giáo viên thương yêu học trò đến như thế thì không thể nào dạy không tốt được. Nhưng khốn nỗi... thế nào rồi anh ấy lại cũng ghép mình vào tội nuông chiều cánh trẻ đây! Không. Rồi anh cũng hiểu.

Tháng 1-1969

D.T.T.N

ĐƯỜNG VÀO BẢN KHUỘC

LÊ NHỊ HÀ

Trời miền núi thay đổi đến đột ngột. Nắng gắt vừa mới uốn cong những chiếc lá khô rơi trên mặt đường mà bây giờ mưa đã trút xuống tới tấp. Gió lùa vào thung lũng, lướt nhanh trên đồng lúa đang xanh, đập vào vách núi Mèn, biến thành cơn xoáy lốc lay động giải rừng thưa. Nước từ các triền cao đổ xuống. Mặt suối dềnh lên pha mờ đi cái màu trong vắt thường thấy trong những buổi hanh khô.

Hai cô giáo nghiêng nón, xách túi chạy một quãng khá xa mới tạt vào tránh mưa ở cái miếu nhỏ bên rừng. Vừa rút khăn tay thấm nhẹ nước mưa trên cái nón mới quang dầu, Nguyệt Lan vừa nói:

— Đấy nhé! Đề hôm khác hãy đi thì có phải không bị «hố» thế này không?

Thơ im lặng. Cô không muốn nhắc lại những điều bàn cãi trước khi đi, vì cô đang nghĩ đến những người sẽ gặp ở bên kia dãy núi Mèn. Một lát sau, cô mới nói:

— Mình lại nghĩ là may cơ đấy. Mưa thế này thì đồng bào trong ấy ở nhà...

Lan kéo dài một tiếng «vâng» vừa như nhường nhịn, vừa như đùa cợt, rồi nói:

— Thế từ nay, chị cứ chọn «cái may» như thế này mà đi cho em nhờ.

Không thấy Thơ trả lời, Lan quay ra hứng nước mưa vào lòng bàn tay mà nghịch, miệng thì làm nhảm: «Lạy trời mưa xuống. Lấy nước tôi uống...». Rồi một tiếng cười lại cất lên trong trẻo, dường như cô chẳng bận lòng gì trước cảnh gió mưa.

Mưa ngớt. Một phía núi hứng sáng. Hai cô giáo lại đi. Quãng đường qua đồi cao mịn sạch. Lại một khu rừng và một dốc hẻm. Một con suối từ đâu bỗng chốc hiện ra rồi vội lần nhanh vào giữa lùm cây. Lòng suối hẹp bằng bốn, năm đường bừa, nhưng nước đã dâng lên làm ngập cả những cành cây mềm ngả xuống. Thơ dừng lại, hỏi Lan:

— Làm thế nào sang được?

— Chỉ có mà bay... ừ mà, chị bay được đấy!

Nói xong, Lan dấu một nụ cười trong nón.

— Thôi, cứ đùa mãi! Có chỗ nào có cầu không nhỉ?

— Làm gì có.

— Thế trước đây, Lan vào bản bằng cách nào?

Lan đứng nghiêm quay lại:

— Thưa «thủ trưởng», một là, cả năm ngoái em không gặp «mưa may»; hai là: «sông sâu chớ lội, suối đầy chớ qua!».

Hài lòng với câu nói của mình, Lan ngồi xuống một tảng đá, hai chân đan chéo vào nhau, nhìn Thơ như thách thức. Tàn ngần một lát, Thơ bảo:

— Thôi được, mình sẽ bơi qua suối.

— Ấy chết! Lan kêu lên và đứng dậy — «Thủ trưởng» định đề «ông anh em» phải đọc truyện «đi bước nữa» đấy à?

Thơ đã hiểu ý Lan. Cô bước mạnh về phía một bụi cây ngược dòng suối. Trong chốc lát, mặt suối gợn sóng. Lan ngạc nhiên nhìn thấy Thơ tóc quần củ hành, một tay nâng chiếc nón dựng ảo quần lên trên mặt nước, bơi về phía bên kia. Những ngấn nước

hình bầu dục tan biến đi ngay trong dòng nước đang chảy. Nét mặt hớn hờ của Lan bỗng dịu lại, nghiêm trang. Cô bối rối đặt nón lên đầu, hỏi vọng sang:

— Êm sang thế nào được, chị ơi!

— Thôi, nước chảy mạnh lắm! Lan dừng sang nữa. Cứ về trường đi. Minh hỏi thăm... cũng được.

Bóng Thơ khuất dần vào giữa rừng cây. Lan vẫn đứng nhìn theo. Sau trận mưa, lá rừng lấp lánh, hơi nước bốc lên như làn khói mỏng lững lờ dâng cao. Trong khu rừng trước mặt, Thơ đang đi, rất gần thôi mà Lan cảm thấy Thơ đã đi một quãng rất xa mình. Cô thẫn thờ nhìn dòng suối.

Năm học mới bắt đầu. Trông Lan phơi phới hẳn lên. Niềm vui của Lan có thể bắt nguồn từ sự biến đổi của Đào-lâm. Làn đầu tiên trong đời, người dân vùng sâu này biết một lớp bốn phổ thông và vui sướng ngất cho con một trái bưởi mang đến lớp để học bài « quả đất hình tròn ». Cũng có thể Lan vui vì, gần hai năm định cư ở đây, đời sống của mẹ và ba em đã no ấm, mà thời gian lướt nhanh đi sẽ đưa cô gần tới đỉnh của ước mơ. Lại một điều này nữa: Cái ông hiệu trưởng mà Lan cho là khó tính, khó gần ấy đã chuyển đi trường khác. Trên cử về hai cô giáo trẻ người miền núi, trông béo mập và hiền lành gần như hai củ đậu. Sau đó, một cô hiệu trưởng mới lại được cử về theo. Nghe như cô này là người « ngoài » thì phải. Biết tin này, Lan thích lắm. Lan chạy ra tận chỗ ngã ba đường đón người mới đến, đỡ lấy cái túi « du lịch » chạy về trường trước, reo lên: « Các cậu ơi, « Mừng tám tháng ba » về làm « thủ trưởng ».

Ngay từ hôm ấy, bạn trẻ trong bản truyền cho nhau cái tin khá ngạc nhiên: « Thầy hiệu trưởng mới về là

thầy giáo đàn bà », thầy kẹp tóc như các chị bản mình. Thầy biết nói tiếng « trong ». Thầy không có vòng tay như cô Trinh, cô Tám đâu. Thầy không có vòng tai như cô Lan. Thầy bảo, thầy ở đây mãi với chúng mình đấy... ». Những người cha, người mẹ biết tin ấy thì bảo nhau: « Đàn bà bây giờ tài quá! » Ông chủ tịch xã lại nói: « Xã ta toàn thầy giáo đàn bà! ». Ngay cả cô Trinh, cô Tám cứ tưởng một ông nào đó mắt đeo kính trắng, tay xách cặp da về lãnh đạo các cô. Ai ngờ cái chị này còn trẻ quá. Nhiều lắm là hơn các cô ba, bốn tuổi thôi. Lan thì hớn hờ bảo: « Trúng gà, trúng vịt càng dễ sống ».

Người hiệu trưởng ấy là Thơ. Năm qua, Thơ dạy học ở một xã thuộc huyện Kỳ-sơn. Trường học rất gần quê Thơ — một vùng quê êm ả nằm giữa dãy núi Bavi và dòng sông Đà chảy xiết. Cuộc sống say sưa với những tiếng trẻ đọc bài, tiếng chim rừng sáng sớm, tiếng gió lướt đêm khuya, tiếng sóng vỗ sông Đà và tình thương của người mẹ đã tạo nên cái nhịp điệu bình lặng, thiết tha tưởng khó lòng mà xa được.

Bây giờ, dộp một cái, Thơ nhận được quyết định phải tới Đào-lâm, tận huyện Lương-sơn. Ôi xa quá! Đề mẹ ở nhà ai săn sóc khi nắng, khi mưa? Hay là... xin ở lại? Không được! Mình là một đảng viên. Khó nghĩ quá! Thơ băn khoăn, bối rối, nhưng cứ âm thầm suy nghĩ cho tới hôm trước khi đi mới nói thật với mẹ chuyện này. Sau một phút im lặng, người mẹ nói:

— Thôi con ạ, cấp trên người ta đã cử con đi thì con cứ đi đi. Đời con so với mẹ thuở xưa là một trời, một vực. Khi đẻ con, bố con mất... mẹ cũng chẳng dám mong bây giờ con được làm cô giáo...

Cảm động quá, Thơ đã khóc. Thật khó mà hiểu được rằng Thơ khóc vì đời mình bây giờ vui sướng hay vì nỗi khổ của mẹ ngày xưa.

Hôm sau, Thơ tạm biệt mẹ.

Hai tuần lễ trôi qua. Nỗi nhớ thương mẹ trong lòng Thơ như đã lắng xuống. Bao nhiêu công việc bề bộn đầu năm học của một người hiệu trưởng đã choán hết thời gian và suy nghĩ của Thơ. Bây giờ, sự hoạt động của nhà trường đã đi vào nề nếp rồi mà cô vẫn thấy không vui. Những việc rời rạc, lẻ tẻ xảy ra như đã xích lại gần nhau, nói lên một điều gì đó làm cho cô khó chịu. Cái khó chịu của một người hằng mong muốn cho cuộc sống mỗi ngày tốt đẹp hơn. Nhiều đêm, cô thức rất khuya để tự phân tích, tự trả lời cho những nhận xét của mình. Tiếc thay, những điều làm cô khó chịu lại chỉ chạy quanh Lan - một cô giáo trẻ mà buổi đầu Thơ đã có nhiều tin cậy. Có thể nào bỏ qua đi được cái việc học sinh miền núi bắt rặn bỏ vào túi sách em nhỏ miền xuôi, để em gái ấy phải khóc oà lên mà cô giáo vẫn ngồi đọc truyện? Đến giờ học, em gái nhỏ vẫn đứng nấp gốc cây nức nở mà cô giáo không biết để gọi em vào? Lại nói chuyện phân công phụ trách lớp. Thơ đã tự nhủ mình: «Mình làm hiệu trưởng đã là quá sức rồi! Lớp bốn đầu tiên của Đào-lâm phải được nâng cao chất lượng. Lan đã học tới lớp chín phổ thông, lại được qua lớp sư phạm ngắn ngày, Lan ham đọc sách, hiểu rộng, biết nhiều... Phải rồi. Phải giành lớp bốn cho Lan...». Ấy thế mà khi Thơ vừa nói xong ý định của mình thì Lan lại khẳng khái từ chối. «Thôi, chị tha cho em nhờ. Chịu thôi! Chịu thôi! Cuối năm chúng nó trượt cho một nửa thì em có mà đi định cư lần nữa!» Hai cô giáo mới ra trường thì còn bao nhiêu ngỡ ngàng. Cuối cùng, Thơ đành nhận lớp bốn về mình. Những việc như vậy, Thơ cũng rất dễ quên đi nếu không xảy ra cái việc sau này.

Ấy là một buổi, Thơ đến thăm lớp ba Lan dạy. Trên đầu bảng đen, Lan ghi số học sinh của lớp: 46 em mà

Thơ nhẩm đếm chỉ có 41 em ngồi học. Hỏi ra mới biết, từ hôm khai giảng có 5 em vẫn chẳng đến trường. Thơ hỏi:

- Lan có biết 5 em ấy ở bản nào không?

Lan lúng túng chạy về phòng ở, lôi ra một chồng học bạ, lục lọi mãi rồi mới trả lời:

- Năm em ở bản Khuộc, chị ạ!

- Thế tại sao các em không đi học? Lan có biết không?

Lan im lặng. Làm sao mà cô biết được «tại sao các em không đi học». Ngày khai giảng đã được một tuần, cả Đào-lâm còn ai không biết? Các em chẳng đến trường tức là bỏ học. Bỏ học vì bố mẹ hay vì các em không muốn học nữa, cũng thế thôi. Dạy 41 em cho nó tròn bốn phần thì cũng mệt lắm rồi. Lại còn bao nhiêu công việc khác, đầu óc nào mà nghĩ đến những em bỏ học... Vả lại, Lan có ở đây mãi với cái nghề này đâu chứ! Gần hai năm rồi, Lan còn khắc sâu trong tình cảm của mình cái đêm tạm biệt người yêu. Đêm ấy, bên một gốc cây trên đường phố Hà-nội, anh sinh viên khoa Càng đã nói với Lan những lời vô cùng thấm thiết: «Lan ạ, em cứ đi. Bao giờ thực tập xong, chúng ta sẽ cưới, anh lại đón em về Hà-nội».

Đến nay, cái ý nguyện kia vẫn còn nguyên vẹn. Những phong thư Lan nhận được càng dày cộm thì hình như thời gian chờ đợi càng rút ngắn hơn. Rồi đây, Lan sẽ trở về Hà-nội. Phải, chính nơi ấy... Chứ phải đâu cái bản Khuộc heo hút kia. Cả ngày mai đẹp đang hiện lên trong ý nghĩ của Lan, nhưng bây giờ cô lại nói với Thơ một câu khác hẳn:

- Yên tâm chị ạ, sớm muộn thế nào chúng nó cũng đến học thôi.

Chính câu trả lời của Lan lại làm Thơ chẳng yên tâm.

Thơ hỏi lại:

- Nhưng sớm muộn các em vẫn không đến... thì Lan nghĩ thế nào?

- Thì cũng đành chứ ạ! - Lan nói như đã nghĩ kỹ rồi - Chị bảo làm thế nào được? Day 41 em lấy ba phần tư lên lớp... Chị bảo nhân rồi hẳn?

Thơ biết có tranh cãi lúc này cũng chẳng mang lại kết quả gì. Cô lặng im. Gặp những chuyện không vui, cô thường tự trấn tĩnh như thế. Một lúc sau, Thơ mới nói như đề kết thúc:

- Thôi được, mình đề nghị trước hết Lan thử tìm hiểu xem vì sao các em chưa đi học... Còn chuyện khác ta bàn sau.

Lời nói của Thơ vừa như lời nhắc nhở của bạn bè, vừa như chỉ thị của một người hiệu trưởng. Trong lúc này thì Lan hiểu lời nói đó của cấp trên hơn là của bạn, nên cô cảm thấy bức mình. Cô cầm mấy quyển học bạ của những em bỏ học, quay ngoắt về phòng ngồi thừ ra suy nghĩ. Thơ giục Lan đi ăn cơm thì Lan bảo: «Chị ăn trước đi, em còn bận!».

Thế là, cái điều Lan không mong đợi đã đến trước với cô. Cô mong đợi một người bạn gái, hết giờ làm việc, thủ thi với nhau những chuyện tâm tình, đọc cho nhau nghe một đoạn thư thăm thiết của người yêu. Cuộc sống cứ tự nó êm ả trôi đi cho đến ngày cô tạm biệt... Ai ngờ, cái chị chàng này thật là lắm chuyện. Bất giác, cô thấy nhớ tới cái ông hiệu trưởng già, cả năm ngoái chẳng thúc bách gì. Bây giờ lại bắt mò vào bản Khuộc. Càng nghĩ, Lan càng khó chịu.

Đêm ấy, trong căn nhà vắng lặng này, rất khuya rồi vẫn còn hai ngọn đèn thấp sáng. Một ngọn đèn tỏa sáng trên bàn, Thơ đang đọc lại «Biên bản bàn giao» của người hiệu trưởng trước. Ở phòng bên cạnh, một ngọn đèn đã được che ánh sáng lại bằng giấy bạc, đặt trong màn đèn Lan nằm đọc lại những bức

thư của anh sinh viên khoa Cảng gửi lên. Đối với cô, những lúc bức mình thì chỉ có thư người yêu là an ủi được thôi. Thình thoảng Lan lại cười lên thích thú. Tiếng cười ban đầu lọt thỏm giữa đêm khuya. Tiếng cười sau như nhắc cho Thơ biết: Trong căn nhà này còn một người thứ hai chưa ngủ. Và những tiếng cười sau nữa làm cho Thơ khó chịu. Thơ nhớ lại câu chuyện sáng nay. Hình như giữa Lan và trách nhiệm người dạy học có một khoảng cách. Năm em nhỏ ở cái bản Khuộc heo hút kia đang bị lãng quên trong cái khoảng cách ấy. Tự nhiên Thơ cảm thấy bùi ngùi, thương cảm và hình dung thấy những đôi mắt ngây thơ, mong đợi từ cái khoảng rừng sẫm xanh kia đang nhìn lại mái trường. Mà tình cảm trẻ con thì dường như có đôi mắt công bằng và thông minh lắm. Minh vun xới cho những nhánh mầm vô tư ấy, với tất cả tấm lòng mình thì thường được bù đắp lại bằng cả mùa hoa, mùa trái. Những ai thờ ơ với ngày gieo hạt thì cũng đừng mong vòm xanh, tán rộng của nó rủ mát đầu mình. Đến một lúc nào đó, mình sẽ cay đắng nhận ra chính mình đã bị lãng quên trong tình cảm các em thì đã muộn rồi. Nhưng liệu Lan có thờ ơ với ngày gieo hạt không? Vốn yêu quý con người và không muốn khẳng định điều gì quá sớm, Thơ đã thận trọng tự hỏi mình như thế. Không, Lan soạn bài, chấm bài cần thận. Lan giảng bài, học sinh dễ hiểu. Những công việc hăm hào phòng không, Lan làm đầy đủ... Vậy thì, do đâu mà có cái «khoảng cách» kia? Thơ suy nghĩ mãi, không thề nào hiểu được. Thơ vặn to ngọn đèn lên và đọc tiếp cái «Biên bản bàn giao». Thơ đã dừng lại rất lâu ở cái ý sau đây: «*Cô ta chưa yên nghề vì chưa thấy hết cái đẹp của nghề dạy học. Nên giúp đỡ cô ấy... Cái này, tôi thiếu sót... năm qua không làm được!*» Lời dặn lại của người hiệu trưởng cũ làm Thơ dự đi phần nào nỗi băn khoăn.

Thơ lấy bút chì đỏ gạch dưới những dòng chữ ấy. Nhưng rồi đọc lại vài lần thì Thơ lại thấy nó chẳng có gì mới cả. Một nhận xét quá công thức. Thơ tự nhủ: «Ai không nhiệt tình thì bảo không yêu nghề. Không yêu nghề vì chưa thấy cái đẹp của nghề. Chao ôi, quá chung chung. Dem cái chung này mà giải quyết cái cụ thể, cái riêng của cô ấy thì có gương gao hay không? Lại còn giúp đỡ à? Giúp đỡ thế nào cơ? Có phải gọi cô ấy đến mà lên lớp về cái đẹp của nghề thầy giáo được không?» Một loạt những câu hỏi như được bật ra từ cái khoảng không giữa hai dòng chữ mà Thơ vừa đọc. Thế là, Thơ đi đến một nhận xét: Cho là những lời dặn kia hoàn toàn đúng nữa thì lỗi không phải chỉ ở Lan...

Ở phòng bên kia, Lan khẽ ngẫm lên một câu thơ nào đó. Thơ không nghe rõ lời thơ, nhưng cái âm điệu nhớ nhung, tha thiết của tuổi trẻ thì cô nghe rất rõ. Ôi cái âm điệu nghe xao xuyến ấy chẳng đã ngân vang trong lòng cô những đêm vắng lặng rồi ư? Bỗng nhiên cô hiểu lòng Lan như chính mình hiểu lòng mình. Cái «khoảng cách» giữa cô hiệu trưởng và một cô giáo đáng yêu như được rút ngắn lại.

Sáng hôm sau, Lan bước vào lớp. Sự ồn ào mất hẳn, cả lớp đứng dậy chào cô. Cô đưa mắt lướt nhanh nhìn con số «41» ghi trên góc bảng đen rồi nhìn xuống lớp. Các em nhỏ hướng cả về cô. Đường như những phút đầu tiên của mỗi ngày mới bắt đầu thì những đôi mắt ngây thơ kia đều dồn lại ở người thầy giáo tất cả niềm hy vọng, đợi chờ và tin cậy. Nhưng, phút này cô chỉ thấy năm chỗ ngồi còn bỏ trống. Cô cho các em ngồi xuống và hỏi:

— Các em có biết tại sao các em ở bản Khuộc nghỉ học không?

Cả lớp nhìn lẫn nhau. Không một tiếng trả lời. Một lát sau, em lớp trưởng đứng lên:

— Thưa cô giáo, các bạn ấy ở xa quá... Chúng em không biết.

— Thế lớp ta không có em nào ở bản Khuộc à?

Một câu hỏi không cần lời đáp đã được đặt ra trong sự lảng quên, bối rối của Lan. Cô tự trách mình sao lại hỏi các em như thế... Chả lẽ... chính cô lại còn không biết?

— Thôi, các em mở vở ra!

Cô lảng tránh những đôi mắt nhìn cô.

Trưa hôm ấy, Lan vào bản Khuộc. Cô bước rất vội. Đôi mắt không rời khỏi mặt đường nhiều đá nhon. Mặt trời tháng chín đi chệch nghiêng về phía Đông Nam mà cô vẫn cảm thấy như cô đang đi trong cái bóng của mình. Cái bóng nón tròn tròn dịch đến đâu thì cô bước đến đó. Khi cái bóng ấy ngã xiên ra khỏi người cô thì bản Khuộc đã hiện ra. Khi trở về, Lan lắc đầu chán nản: «Em đến chịu thôi chị ạ! Chúng nó không đi học nữa đâu! Em đã đến từng nhà... Chị không biết đâu. Gay lắm! Bố mẹ chúng nó chỉ lắc đầu... Họ thiếu thốn, chị ạ! Năm ngoái mất mùa mà...».

Lan đã đưa ra bao nhiêu khó khăn của mỗi một em tưởng như không thể nào vượt qua được. Ngờ đâu, chính những lời Lan kể lại khơi dậy trong Thơ một tình thương mến mà cô không đành để các em phải bỏ mái trường. Nghe Lan kể xong, Thơ bảo:

— Thôi, Lan cứ nghỉ đi cho đỡ mệt. Ta bàn sau. Bây giờ thì cho mình mượn hồ sơ, học bạ của lớp Lan...

— Đề làm gì cơ... à? Lan hỏi.

— Được, cứ cho mình mượn...

Thơ ôm chồng học bạ của lớp ba đi về phòng mình. Ngay tối hôm đó, Thơ lại đến phòng Lan.

- Day nhé - Thơ nói - Có phải cả bản Khuộc chỉ có năm em đang bỏ học là có trình độ cao nhất không? - Lan không trả lời. Thơ nói tiếp - Cái bản Khuộc có từ đời nào thì mình chưa biết. Nhưng mình đã hỏi xã. Cả bản Khuộc chưa có một học sinh trung cấp, một học sinh học đến cấp hai... Bây giờ, năm em này bỏ học thì Lan nghĩ xem... sau này sẽ thế nào?

- Sang năm, các em ấy đi học thì sao? Lan cãi lại.

- Sang năm à? Tuổi các em có đứng đấy mà đợi được không? Rồi một năm bỏ học, kiến thức các em còn lại được gì? Nghĩ xa một chút Lan ạ. Bản Khuộc hiện nay và sau này nữa, cần đến các em nhiều lắm... Lan thử nghĩ xem, nếu hai năm sau, cả bản không kiếm đâu ra một người đi học y tá thôi thì lỗi đó tại ai? Đây là, mình chưa nói đến bao nhiêu cái khác!

- Chị lại bắt em vào bản Khuộc nữa à?

- Không. Bản Khuộc bắt chúng mình! Năm em ấy bắt chúng mình.

Em chịu!

- Được. Lan chịu thì mình sẽ đi...

- Em đã bảo bố mẹ chúng nó không cho học nữa, mà chị vẫn không tin...

- Mình tin chứ! Tin rằng vì bố mẹ không cho các em đi học nên các em phải ở nhà. Tin như thế, nên bọn mình lại phải đi.

Việc tranh cãi cứ kéo dài một hồi lâu tưởng như Lan không còn biết vin vào cái gì để không vào bản Khuộc nữa. Đến phút này, Thơ mới kéo Lan lại cái tổ ấm của Lan bằng một câu hỏi biết bao gần gũi:

- Mình giả dụ thế này Lan nhé. Mẹ Lan chẳng hạn, bà cụ cũng chỉ nhìn trước mắt rồi không cho ba đứa em của Lan đi học nữa. Mình là cô giáo, dạy ba em Lan, mình mặc kệ... Sau này, ba em Lan chịu dứt...

- Thôi, - Lan cắt ngang lời Thơ - Chị đừng nói nữa. Trưa mai em sẽ dẫn chị vào cái bản Khuộc ấy cho chị biết.

Chẳng ngờ, cái lý đơn giản cuối cùng đã kết thúc cả việc tranh cãi dài dòng. Câu chuyện được dừng lại đây.

Trưa hôm sau, như đã định, hai cô giáo ra đi.

... Và bây giờ Thơ hẳn đã tới gần bản Khuộc. Còn Lan ngồi lại bên bờ suối với bao nhiêu suy nghĩ lộn xộn trong đầu. Chỉ có dòng suối đầy tràn trước mặt là có thể bênh vực được cho cô. Nhưng rồi, chính cái dòng suối này cũng trở nên bất lực, mỏng manh.

Trời miền núi tối rất nhanh. Trong phút chốc cả bản Khuộc và lối đi chìm hẳn vào màn sương mờ đục. Thơ tạt vào một nhà dân xin lửa, đốt đuốc mà về. Nước suối Dao-hoa chưa rút xuống được bao nhiêu. Không trông rõ mặt suối, Thơ vẫn nghe thấy tiếng nước chảy. Một con chim rừng bên suối giật mình vì ánh lửa, bay vút lên cao. Thơ lấy nón che ánh đuốc, cởi áo quần, lội xuống suối. Nước lạnh phủ kín người cô. Cô rung mình. Những tảng đá trơn nhẵn như muốn đẩy chân cô đi. Loay hoay mãi, cô mới đặt được bó đuốc nằm ngang thẳng bằng trên miệng nón. Một tay cô đỡ nón lên trên mặt nước. Ánh lửa tan nhòa trên mặt suối, dịch dần về phía bên này.

Một tiếng thét chói tai: « Ồi! con rắn » và một người nhảy ra ôm chầm lấy Thơ. Cô vừa kêu lên hốt hoảng thì nhận ra Lan. Tiếng cười nghịch ngợm của Lan làm Thơ bình tĩnh lại:

- Trời ơi! Mình hết hồn, hết vía.

- Chị đi lâu thế? Em chờ mỏi cả mắt.

- Sao không về trước đi?

— Về trước để bỏ chị cho «ông ba mươi» à? Mà nói thật, trời còn sáng thì chỉ mong chị, lúc tối rồi em lại sợ... chả dám đi...

Cả buổi chiều, Lan ngồi đợi bên suối chẳng có ích gì cho năm em bản Khuộc nhưng nó lại là một chút tình làm gần lại cái khoảng cách giữa hai người bạn gái. Thơ cũng cảm thấy điều ấy. Lan trong cảm nghĩ của Thơ lúc này có cái gì vừa đáng trách, vừa đáng mến. Hai cô lại lúi túi chuyện trò, câu đùa, câu thật. Ánh đuốc lúc to, lúc nhỏ dường như làm ấm hẳn lên cảnh núi rừng khi trời vừa tối.

Ở trường, hai cô giáo mới vẫn chẳng chịu ăn cơm trước. Thấy Thơ và Lan về, hai cô mừng quá. Họ cứ tưởng suối lữ, Thơ và Lan ngủ đêm trong ấy. Bốn cô giáo ngồi ăn cơm. Cơm canh đã nguội từ lâu mà không ai cảm thấy lạnh. Họ nói chuyện rất vui. Sự triu mến, săn sóc của người ở nhà đã chia đều cho hai người vừa vào bản Khuộc trở về. Vậy mà, Lan ít nói hẳn đi và cảm thấy rõ lòng mình lắng xuống. Cái dòng suối lữ ban chiều mà Lan không dám vượt qua lại hiện lên như một khoảng cách khiến cô không sao bước tới sự triu mến, tin yêu. Cô chờ đợi một cái gì đó... sắp xảy ra, khi Thơ họp các giáo viên để báo cáo lại kết quả của chuyến đi. Biết đâu, trong lúc ấy, những con mắt triu mến nhìn cô lại chĩa gợn lên cái vẻ coi thường, trách móc. Biết đâu, trong lúc ấy, chị hiệu trưởng lại chĩa bùng ra những lời nhận xét, đánh giá về tinh thần ý thức của Lan?

Thế nhưng, điều mà Lan chờ đợi đã không thấy đến. Trong cuộc họp, Thơ đã dùng tiếng: «bọn mình» để kể lại hoàn cảnh của năm em bản Khuộc. Rồi Thơ đề nghị tập thể bàn xem dùng cách nào để vận động năm em nhỏ đến trường. Chỉ có thế. Không có một lời kể lại cái khoảng cách giữa hai bờ suối. Không

có một lời nhận xét, đánh giá về Lan. Sự bất ngờ làm cho Lan bối rối và cảm động. Trong suy nghĩ của Lan lúc này, Thơ có cái gì ấy mà Lan chưa có được, chưa hiểu được. Còn Lan, chưa bao giờ Lan hiểu rõ lòng mình bằng lúc này. Tình thương học sinh của Thơ đã làm ba cô giáo trẻ xúc động. Chỉ ít lâu sau, Lan, cô Trinh, cô Tâm lại thay phiên nhau vào bản Khuộc. Bây giờ cha mẹ các em lại nói khác đi: «Đi xa quá đấy! Không học được đâu!» Còn các em thì nói: «Bố mẹ không cho đi...» Kéo dài mãi việc này ư? Ở trường, mỗi giờ học, học sinh toàn trường lại tiến sang một bài học mới. Năm em nhỏ vẫn đứng im. Cái khoảng cách hiểu biết mỗi ngày lại tụt thêm một quãng khá xa thì biết bao giờ đuổi kịp? Thơ nảy ra ý kiến:

— Đồng bào ngại xa thì mình thay phiên nhau vào mà dạy... rồi thuyết phục dần dần... Mình tin rằng đồng bào họ thấy chị em mình thương yêu con em họ thì rồi họ sẽ chuyển thôi. Lúc ấy, các em sẽ đến trường...

— Thôi chị ơi! Chị thử tính họ xem! Lan vội kêu lên — Cái thân chị em mình có xẻ được làm đôi không đã? Mình vừa khai giảng, hầm hào phòng không đầy nước, phải tát đi chứ? Bảng đen các lớp đã sơn lại đâu? Bàn ghế lớp 2 còn thiếu. Giấy khai sinh lớp 1 chưa đủ. Đội thiếu niên chưa củng cố... Rồi thì còn chấm bài, soạn bài, phân loại học sinh. Đủ thứ, đủ thứ... Đã hết đâu. Lại học tập chuyên môn nữa? Năm nay, trường mình mới có lớp 4 đầu tiên... cuối năm chúng nó trượt cho một nửa... thì chị thử nghĩ xem?...

Lan nói một mạch với bao nhiêu lý do tưởng như không cần bàn nữa để bác bỏ ý định của Thơ. Thơ biết Lan nói đúng. Nhà trường bận rộn bao nhiêu là việc. Nhưng cứ mặc năm em bản Khuộc bỏ học thì

cô thấy không đành. Cô không phân tích, cũng chẳng phản đối ý kiến của Lan. Cô chỉ bám lấy một điều: «Bản Khuộc hiện giờ và sau này rất cần người có văn hóa, đề các em thất học thì bọn mình có lỗi!» Cô Trinh, cô Tám thì ý kiến cứ giống nhau như một con số: «Tùy chị hiệu trưởng quyết định thôi!».

— Minh chả quyết định — Thơ nói — Bốn chị em mình không nhất trí thì không làm được đâu. Minh chỉ nghĩ, hồi nào mẹ mình cũng giống như mẹ em Duyên bây giờ, bà cụ chỉ có mình nên cứ không muốn mình đi học xa. Mà học cấp 2 hồi ấy thì phải sang sông kia chứ. Minh cứ đòi đi mãi. Mẹ mình bảo: «Con gái học thế thôi. Ở nhà với mẹ». Giá thầy Hiệp không thương mình, không bền bỉ giải thích cho bà cụ thì bây giờ mình chả biết cái gì đâu... Thế thôi...

— Chẳng ngờ, lời tâm tình lại có sức thuyết phục Lan nhiều hơn những lý lẽ khác. Cô Trinh, cô Tám tỏ vẻ đồng tình với suy nghĩ của Thơ. Mỗi cô bổn thêm vài lời nữa. Cuối cùng, họ nhất trí thay phiên nhau đi dạy năm em bản Khuộc vào những buổi chiều cho đến khi vận động được các em tự nguyện đến trường.

Căn nhà sàn của chi đội trưởng đội sản xuất được đặt lớp học tạm thời. Hai buổi đầu, Thơ vào dạy. Chỉ có hai em gái đến học. Thơ vẫn giảng như một lớp ở trường. Đến buổi thứ 3, Lan đòi bằng được đề mình vào bản Khuộc với lý do đơn giản: «Học sinh lớp ba là học sinh của em. Em phải vào em dạy!» Thơ đành đề Lan đi.

Buổi học này, đã có bốn em đứng lên chào Lan. Trên bàn có một đĩa sắn luộc. Những củ sắn trắng mập còn bay hơi. Một dòng chữ viết trên mảnh gỗ dùng làm bảng, chữ không đẹp, nhưng rõ ràng: «Chúng em mời cô giáo ăn sắn. Cô giáo thương chúng em quá!» Lan đã nhìn thấy tất cả. Thật khó mà biết

được chữ viết của em nào. Lan đứng im, xúc động, bối rối. Cô lảng tránh những đôi mắt trêu mến nhìn cô pha lẫn chút thăm dò, là lạ. Cô quên cả việc cho các em ngồi xuống. Sự hững hờ, lời bàn chùn của cô đối với các em, bỗng chốc lại hiện lên. Thế thì, những tình cảm trêu mến, biết ơn kia đâu phải đề cho mình? Mình đã thương các em đâu chứ? Những câu hỏi đặt ra như buộc phải trả lời. Cô nói với các em!

— Cô nói thật thế này, trước đây cô rất ngại vào bản Khuộc... cô có lỗi với các em... À, thôi các em ngồi xuống...

Bốn đứa trẻ khẽ đặt mình xuống những tấm ván kê làm ghế, mắt vẫn nhìn Lan không hiểu. Buộc lòng, cô phải giải thích, phân trần. Thành ra, những lời đầu tiên Lan nói với các em lại là những lời cô nói cho mình. Các em chăm chú nghe chẳng kém gì nghe một bài giảng thật hay. Sự thành thật của Lan không làm giảm chút nào niềm tin mến của các em đối với cô. Giá ở tuổi đời khôn lớn thì chắc sẽ có một em nào đó đứng lên nói những điều suy nghĩ ở buổi học này. Còn bốn em nhỏ ngồi đây chỉ biết nhìn cô, im lặng.

Lan đã vào nghề dạy học được một năm. Chưa có buổi học nào lại vắng lặng như hôm nay. Nhưng cũng chưa có buổi học nào làm cô xúc động như hôm nay. Cô nghe rất rõ tiếng cô giảng bài, tiếng ngòi bút va vào lọ mực, tiếng thở nhè nhẹ của bốn em bé và tiếng nước chảy từ một triền cao nào đó vọng về, đều đều, không dứt. Có lúc, một bàn tay nhỏ đưa lên và một câu hỏi đặt ra rất hồn nhiên. Rồi lời cô giảng giải dịu dàng, đôi mắt trẻ bỗng sáng lên và hơi thở mạnh trút ra thoải mái. Lan cảm thấy lần đầu tiên cô dạy một bài say sưa như thế. Ngờ đâu, chính cái lớp học tạm thời, đơn sơ trên nhà sàn ở nơi xa xôi, heo hút

này lại làm cô thấm sâu cái ý nghĩa cao đẹp của nghề dạy học.

Lan dạy sang đến bài toán đồ thì trời lại đột ngột đổ mưa. Gió mùa ở vùng này y như là có tính đồng bóng. Mưa trắng núi rừng. Trời tối sầm lại. Gian nhà sàn càng tối hơn. Dòng chữ viết trên tấm gỗ chỉ còn lại những nét mờ mờ. Các em phải nhòm dầy, trông nghiêng, trông thẳng mà chẳng nhận ra mặt chữ. Gió thổi thốc từng cơn. Rừng cây lay động rào rào. Lời giảng của cô bị át đi. Cô tần ngần nhìn ra ngoài trời. Các em nhỏ nào biết cô đang nghĩ gì? Phải chăng, cô đang mơ màng nghĩ tới bóng dáng một cái cầu bắc bằng hai cây tre nhỏ trên suối Đào-hoa?

Câu chuyện: « Cô giáo Lan vào bản Khuộc dạy học về phải cưỡi trâu qua suối » được truyền đi rất nhanh khắp xã Đào-lâm. Ở trường học, khi đứng lên chào Lan, các em cũng tím tím cười. Ở cuộc họp xã, ông chủ tịch nói: « Con gái Hà-nội tài thật! » Còn ở bản Khuộc, trong buổi họp xã viên, chị đội trưởng đưa ra ý kiến: « Người ta dạy con mình. Người ta phải lội suối... như thế có tốt không đây! » Tất nhiên, ai cũng nói: « Không nên đâu! ».

Thế là, chỉ hai hôm sau, Lan vào bản Khuộc, cô vui sướng bước lên chiếc cầu tre vững chắc, cô tay vịn bắc ngang dòng suối. Khoảng cách giữa đôi bờ không còn nữa. Thế nhưng, chưa đến lượt cô Trinh, cô Tám bước qua cầu ấy vào bản Khuộc thì ông thầy mo, bố em Quyết được cử làm « đại biểu » đưa năm em bản Khuộc đến học tại trường.

Một buổi chiều chủ nhật, Lan rủ bằng được Thơ lên xem cái cầu tre trên suối Đào-hoa. Hai cô giáo

đứng trên chiếc cầu xanh dịu, nhìn xuống dòng suối trong, thấy rõ những viên đá cuội trắng mờ. Gió cuối thu mát rượi. Họ nhìn về phía bản Khuộc. Đường như ở đó, những làn khói ẩm lơ lửng bay lên hòa lẫn vào mây chiều. Những bản khoán, dầy dút đã qua đi. Họ lại nhìn ngược dòng suối. Nơi ấy, cây rừng phủ kín. Chẳng biết những lạch nguồn nào cùng chảy về đây? Bỗng nhiên, Lan ngâm lên một đoạn thơ mà Thơ chưa từng nghe thấy bao giờ. Vẫn cái giọng trầm trầm, tha thiết, nhớ nhung. Có lẽ là thơ của người sinh viên khoa Cảng. Thế rồi, chẳng hiểu Lan nghĩ những gì mà nét mặt cô trở nên thâm lặng và đôi mắt xa xăm. Cũng có thể từ dòng suối nhỏ này, cô nghĩ đến dòng sông lớn, đến những cửa biển rộng, những bến bờ, những hải cảng mà ngày nào cô đã được nghe. Và phút này cô nói với Thơ:

— Chị Thơ này, em thấy « người ta » bảo muốn trị thủy sông Hồng thì phải đào thêm một con sông chảy qua Hòa-bình chị ạ. Cho nước sông Đà rút xuống mà... Nếu vậy thì con sông sắp đào ấy có chảy qua trường mình không chị nhỉ? Mà lại phải xây dựng bến tàu... nữa chứ.

Thế là, điều mong đợi của Thơ bây giờ đã đến. Thơ đã hiểu vì sao Lan hỏi mình như thế. Giờ đây, trên chiếc cầu nối liền khoảng cách giữa đôi bờ, Lan đã gửi niềm mong ước vào con sông đào chảy qua đất Đào-lâm. Phải chăng, con sông tương lai ấy sẽ là tiếng gọi người sinh viên khoa Cảng đã ra trường lên đây xây dựng cảng đường sông để mãi mãi cô không xa dần em nhỏ? Thơ biết trả lời bạn sao đây? Thơ đành nói một điều mà chính cô chưa từng biết:

— Nhưng phải xem con sông mà Lan mơ ước ấy rộng chừng nào và chảy theo hướng nào đã chứ?

Một câu hỏi đặt ra chưa thể trả lời. Cả hai lại im

lặng. Ánh mắt của họ như đọng cả vào dòng sông mong ước ấy. Thế nhưng, cái công trình to lớn kia đã bắt đầu đâu. Người ta có thể trị thủy sông Hồng bằng nhiều cách khác chứ! Thơ bắn khoả bảo Lan:

— Lan này, nếu người ta không đào con sông ấy nữa thì Lan... sẽ thế nào?

— Sẽ thế nào... à chị? Lan xen vào — Nhưng chị có biết vì sao em lại hỏi thế không đã chứ?

— Minh biết. Biết rất rõ Lan ạ. Bà mẹ Lan đã kể với mình...

— Về anh ấy?

— Phải, về người sinh viên khoa Cảng của Lan...

Thế ra, Thơ đã biết cả rồi. Lan bồi hồi xúc động và tự trách mình sao chưa nói « chuyện ấy » với Thơ. Bây giờ, Thơ đang dò hỏi mình đây. « Sẽ chảy theo hướng nào à? » Lan im lặng nhìn chiều sâu dòng suối như để tự trả lời mình. Dịp cầu tre xanh mát của tình dân bản Khuộc, ánh mắt tin yêu của dân em nhỏ, dòng chữ viết trên tấm gỗ trong mái nhà sàn, tổ ấm đậm đà của bốn chị em... Tất cả những gì Lan đã thấy, giờ đây đang sống lại trong cô, đang vọng lên như tiếng gọi thiết tha của mối tình yêu lớn.

— « Sẽ thế nào... à? » Chị hỏi em thế phải không?

— Lan sẽ có hạnh phúc. Minh mừng cho Lan, Lan ạ! Ở đây... ở chính Đào-lâm... Không nén nổi niềm vui bất ngờ, Thơ đã thốt lên như thế.

Chiều đã xuống rất nhanh. Tiếng mõ trâu lại vọng về như gọi lại cái âm điệu khó quên của núi rừng. Hai cô giáo cùng trông về một hướng. Những ngôi sao mọc sớm đã lấp lánh trên đỉnh núi Mèn.

(Hưởng ứng cuộc vận động viết về thầy giáo và nhà trường xã hội chủ nghĩa)

Tháng 10-1969

L.N.H.

RỪNG TÔ HỢP HƯƠNG

VŨ DƯƠNG QUỲ

Hội nghị bàn việc khai giảng năm học mới của Ty sắp kết thúc thì Quang được tin báo: Thị xã bị oanh tạc, khu rừng tô-hợp-hương cháy! Người báo tin là anh nhân viên tiếp phàm. Anh ta vừa ở thị xã về. Quang hỏi gặng mãi, anh ta cũng chỉ trả lời:

— Lúc nó bỏ bom thì tôi ở trong hang. Buổi chiều về đây, tôi nghe một vài người đi đường kháo nhau là rừng tô-hợp-hương cháy. Vội chết đi được, nên quên bồng mất là có trường anh mới sơ tán về đây, thành ra không hồi ký...

Quang suyết phát bản vì sự lú lẫn ấy. Khu rừng cách thị xã hàng chục cây số, sao « nó » bỏ bom thị xã, khu rừng lại cháy? Có kẻ gian đốt? Bom lạc? Máy bay cháy? Hay...? Biết bao nhiêu điều đáng hỏi mà anh ta bỏ lơ mất. Thành ra, càng nghe anh ta thanh minh, Quang càng sốt ruột. Trường Quang mới sơ tán về đây, cả cơ nghiệp hàng chục ngôi nhà, hàng trăm thứ công kênh, linh kính còn ngồn ngang, hàng hai ba trăm con người, không biết có xảy ra chuyện gì không? Lại còn vợ con anh nữa chứ. Đạn bom, khói lửa như thế, biết làm ăn ra sao? Những câu hỏi ấy cứ xoắn lấy óc Quang làm anh bứt rứt không ngồi yên được. Vừa hết giờ làm việc Quang bỏ đi tìm ban tổ chức xin phép về trường luôn.

Sớm nay, vừa mở mắt, người hiệu trưởng ấy đã vờ vội ba lô, không kịp rửa mặt, tất tả lên đường. Suốt đêm qua, trằn trọc không sao ngủ được. Giờ đây, trên đường đi, trăm ngàn nỗi băn khoăn, lo nghĩ lại trở dậy. Điều đáng ngại lớn nhất của Quang là : Trong tình hình rối ren ấy, Bích - hiệu phó nhà trường - có thu xếp, giải quyết ổn thỏa mọi việc không ? Về địa điểm của trường, tức là khu rừng tô-hợp-hương ấy, giữa anh và Bích có những nhận định khác nhau và đã từng tranh luận với nhau khá căng thẳng...

Bắt đầu là từ cái bữa Bích đi tìm địa điểm mới, Quang lo lãnh đạo nhà trường chuyển về khu sơ tán tạm thời.

Buổi tối hôm đó, Quang vừa ăn cơm xong, đang uống nước thì Bích từ bên lán giáo viên chạy sang.

- Cái địa điểm ấy không ổn, anh Quang ạ ! Tôi đã nghĩ suốt đường đi !

Vừa thở hắt hên, Bích vừa nói với Quang như vậy. Khuôn mặt xương xương với hai gò má cao, nước da trắng trẻo của người thầy giáo trẻ, trên dưới hăm nhăm, như dài ra. Mồ hôi đọng từng giọt lóng lánh như những hạt cườm trên vầng trán gồ. Quang sống người nhìn Bích một lúc rồi kéo Bích ngồi xuống, hỏi :

- Sao thế anh Bích ? Mình nghe các anh bên huyện ủy bảo quanh vùng này chỉ có khu rừng ấy là tốt nhất mà.

Bích thở dài, lắc đầu, ừ ừ oải :

- Chả biết huyện nghĩ thế nào mà lại « ấn » bọn ta vào đây. Từ đây đến đây khỏe căng cũng mất hai

tiếng đồng hồ. Nếu tính từ trường cũ trở đi thì... ời xa quá ! Hơn mười cây số đấy chứ bốn à !

- Thế anh đã đến tận nơi nghiên cứu khu rừng ấy chưa ? Tôi nghe đồng chí Trác ở huyện bảo đấy là rừng tô-hợp-hương, một loại cây quý...

- Tôi đến chứ ! - Bích đáp, rồi quài tay ra sau rút trong túi quần một mảnh giấy gấp nhỏ, mở rộng, đưa cho Quang, nói tiếp - Đây, tôi đã vẽ cả sơ đồ khu rừng ấy. Toàn cây to, cao ngất, xanh biếc một màu dài đến bốn năm cây số. Ở dưới, đất ẩm thấp, lếp nhếp bùn và lá mục. Trên cao, tối om như hũ nút. Đi một bước, vắt bám đen chân. Lại còn gai góc, dây leo nữa chứ...

- Đây là núi đá hả ? Có hang to không ? - Quang vừa hỏi vừa chỉ vào một vệt mực tím sẫm bên góc mảnh giấy.

Bích gật đầu :

- Vâng, hai bên rừng có hai dãy núi đá. Cuối rừng có một cái hang khá to.

- Thế suối nước ?

- Suối à ? Gần, gần thôi !

- Thế đất đẻ sản xuất ?

Bị hỏi dồn, Bích hơi lúng túng. Mặt anh đỏ dần lên. Anh cố giữ bình tĩnh, dè dặt dãi bày tiếp ý định của mình.

- Kề ra khu rừng ấy... Song đường xa quá, sức chúng ta làm sao kham nổi cả cái cơ ngơi...

Dang nhú mày nhìn tấm sơ đồ, chăm chú như người chỉ huy nghiên cứu sa bàn, chuẩn bị cho một trận đánh quan trọng, Quang ngừng đầu, đột ngột ngắt lời Bích :

- Phải cố mà kham anh ạ. Khẩu hiệu chung của chúng ta lúc này là : « Thà đồ một bát mồ hôi còn

hơn mất một giọt máu» À, thế còn ý kiến của Ủy ban, Đảng ủy xã ra sao?

Bích không đáp ngay vào câu hỏi. Anh chậm rãi kể chuyện đi gặp Ủy ban hành chính xã cho Quang nghe...

... Trời mưa như trút nước, mưa đúng lúc Bích và Hoàn - em học sinh đi kèm bắt đầu rời khu rừng xà-hòn. Hai người đến trụ sở Ủy ban vào lúc hai giờ kém năm. Căn nhà ba gian, vách nứa, mở toang cửa. Dăm chiếc ghế dài đóng bằng những thân gỗ xẻ đôi vạc nham nhở, xếp ngang dọc không ra hàng lối quanh hai chiếc bàn mộc. Đợi đúng một giờ đồng hồ, Bích mới thấy một người đàn ông bước vào nhà. Sau mấy câu thăm hỏi, anh biết ông ta là ủy viên thư ký xã. Anh ngần ngại đưa giấy giới thiệu.

- Tôi muốn gặp đồng chí chủ tịch xã - Bích nói. Ông ủy viên thư ký xã trạc bốn mươi tuổi có nước da đen bóng như đồng hun. Mặc dù đã ngồi vào ghế, ông vẫn không tháo khẩu súng kíp trên vai xuống, khẩu súng dài như chiếc đòn gánh, lưng liềm, kèn cồng ở đằng sau trông thật vướng mắt. Ông nhũn mày, căn môi dọc tờ giấy giới thiệu. Một lát sau, ông ngược cặp mắt to và xéch lên nhìn thầy trò Bích, rồi nói, tiếng oang oang như lệnh võ:

- Chủ tịch xã đi nương rồi. Xã đang vận động chuyển nương xuống ruộng nên suốt ngày đồng chí chủ tịch ở nương.

... Bích quyết định lên nương tìm ông chủ tịch. Mảnh nương vừa xa, vừa cao, tít hót trên đỉnh núi. Ấc thay, khi Bích vừa lần được tới nơi thì nghe mấy chị xã viên bảo đồng chí chủ tịch đã về nhà. Bích phải lộn trở lại, vào bản. Nhờ em Hoàn thạo tiếng dân tộc,

thầy trò anh tìm nhà đồng chí chủ tịch không khó lắm.

Một cụ già râu tóc trắng như bông lau đang ngồi đan một cái «bung» gần bếp lửa ngàng lên, hướng ra cửa nhìn khách. Trống ngực Bích đập dồn. Người mà Bích muốn gặp đây rồi! Anh mạnh dạn vào nhà, ngồi xuống cạnh cụ già, đưa mắt nhìn Hoàn có ý nhắc em bắt đầu vào chuyện. Nhưng anh lại bị hẫng vì ông cụ không phải là chủ tịch xã. Ông cụ nặng tai. Thầy trò Bích vất vả đến mười phút mới nói chuyện được với cụ, nhưng ông cụ chỉ ngơ ngác lắc đầu:

- Tao không nghe thấy gì mà!

Cuối cùng, Bích phải hét lên và em Hoàn thì hoa chân, múa tay như làm xiếc, cụ mới nhếch mép cười, đáp:

- Muốn gặp chủ tịch xã hả? Đợi đấy!

Bích nén lòng ngồi đợi. Nửa giờ rồi một giờ trôi qua. Trời dần tối. Thầy trò Bích toan đứng dậy ra về thì bỗng nghe tiếng động ngoài sân, rồi tiếng gọi nước róc rách. Sau đó, một cô gái người dong dong cao, khoảng hăm mốt, hăm hai tuổi bước vào nhà. Cô gái có nước da nâu mịn, đôi mắt dài, lấp lánh, sống mũi hơi gầy, trông hiền lành, nhỏ bé giống tất cả những cô gái Thái mà Bích từng gặp. Cô nhìn Bích và gật đầu, nhỏ nhẹ:

- Chào cán bộ!

Đoạn cô treo cái *lếp* mây trong dụng cuốn sỏ tay, thò ra đầu chiếc khăn *piêu* đang thêu giờ lên chiếc cột giữa nhà. Bích nhìn cô hỏi:

- Chị có phải là con cụ nhà đây không?

- Vâng ạ!

- Thế đồng chí chủ tịch xã bao giờ mới về?

- Em là... chủ tịch, anh...?

Bích suýt kêu to khi nghe cô gái nói vậy. Chao, thế

• mà suốt từ trưa, anh cứ nhăm di nhăm lại « ông chủ tịch... » Tự nhiên Bích thấy lúng túng. Anh vừa đưa giấy giới thiệu vừa nói:

— Các đồng chí ở huyện có gợi ý cho trường chúng tôi về xã đây tìm địa điểm sơ tán.

Cô gái chăm chú đọc tờ giấy giới thiệu. Một lát sau, cô ngàng lên nhìn Bích, vẻ mặt ngỡ ngàng:

— Sao em chưa được nghe huyện nói gì! Các thầy giáo định làm trường ở rừng *xà-hon* à? Đây là *rừng kiêng*.

— Rừng kiêng? Sao lại kiêng?

— Nhân dân bảo ở đây có nhiều ma người chết, không cho ai động vào.

— Thế... thế ta có thể giải thích cho bà con được không?

Cô gái thản nhiên lắc đầu:

— Khó lắm ạ! Cánh rừng đó còn là... kỷ niệm!

— Thế ở xã đây ai là Bí thư đảng ủy? Bích định gõ mõi bằng một hướng khác nhưng lại thất vọng ngay khi nghe cô gái đáp.

— Anh Ong là bí thư, anh ấy vừa tái ngũ. Em tạm thay. Bố em biết nhiều về khu rừng đây, nhưng bố khó tính lắm. Con trâu đi qua rừng, bố cũng giận.

Bích ngán ngàm:

— Ở đây nhân dân vẫn còn mê tín nhiều quá!

— Hay là... anh cứ đề Ủy ban bàn bạc đã...

— Thực ra thì huyện có ý quyết định rồi đấy, chị ạ! Bích cắt ngang lời cô gái — chị là chủ tịch mà không thể giải quyết công việc được à?

— Việc này khó lắm — Cô gái thờ ơ đáp, rồi cô quay về phía bố, nói một câu rất dài bằng tiếng dân tộc.

Ông cụ ngồi im như một pho tượng. Nét mặt già nua cứ lạnh ngắt đi rồi cuối cùng chau dùm lại, miệng bật ra một câu gắt gỏng:

— Tao không biết!

Câu chuyện dường như chết cứng ở đấy.

Chuyến đi ấy khác nào một cuộc « tam cố thảo lư »⁽¹⁾ Nhưng sự thu hoạch của Bích chẳng như anh Lưu Bị. Cái cô gái trẻ nọ khác nào một ngọn măng lay, vừa non, vừa bầy. Là chủ tịch xã mà cô ta cứ chập chờn, không dám quyết định vấn đề, còn dợi bàn, bàn nới gì? Ý của huyện rất rõ rồi cơ mà?

Suy nghĩ như vậy, sau khi kể chuyện, Bích nhìn Quang, kết luận:

— Anh Quang ạ, thú thật... tôi không muốn chúng ta về khu rừng ấy. Thực địa thì như vậy, còn con người thì... Với lại mình sơ tán ít lâu chứ có ở hẳn trong rừng đâu mà phải cầu kỳ. Ta tìm chỗ nào quanh quanh đây...

— Đừng nghĩ đơn giản như vậy anh ạ. Việc này đâu phải chỉ là chọn nơi đặt mấy bộ bàn ghế. Cần tìm hiểu thêm cánh rừng ấy rồi ta sẽ kết luận.

— Sẽ, sẽ gì nữa!

Hai người im lặng một lúc lâu. Đối với Quang, việc tìm ra một nơi đặt trường tốt là mở đầu hàng loạt công việc hệ trọng khác. Anh muốn rằng: Mảnh đất mới của trường anh không chỉ tạo điều kiện cho thầy trò anh giảng dạy, học tập, đảm bảo an toàn mà còn phải là nơi giúp anh rèn luyện giáo viên, giáo dục học sinh một cách cụ thể, sinh động bằng cuộc sống mới, con người mới. Khu rừng *xà-hon* kia, Quang chưa thấy. Nó có gì xấu mà Bích phải giẫy nẩy lên? Trên mười năm công tác ở miền núi cho Quang một kinh nghiệm đơn giản: Có những khu rừng nhìn bên ngoài thấy rất rậm rạp, tăm tối, nhưng khi đi sâu vào, với

(1) Một tích trong truyện Tam quốc: Anh em Lưu Bị ba lần đến tìm gặp Gia Cát Lượng.

hàn tay dững cằm và trái tim gan góc ta vẫn có thể mở được nhiều khoảng sáng, nhiều khu vực rộng rãi. Quang đem những ý nghĩ ấy nói với Bích, nhưng mãi đến khi ra về, Bích vẫn giữ ý kiến cũ.

Về Bích, Quang hiểu lắm. Bích vốn là giáo viên dạy giỏi ở hệ phổ thông mới được đề bạt hiệu phó trường Quang từ năm học trước. Bích còn trẻ, sôi nổi, nhiệt tình, lúc nào cũng hăm hăm, hờ hờ. Nhìn nhận, xét đoán bất cứ vấn đề gì, Bích thường rất nhanh nhẹn rút ra những kết luận và, những kết luận ấy nói chung là đúng đắn. Vì vậy, Bích thường quá tin vào trí tuệ của mình. Có một, hai giáo viên cho là Bích kiêu ngạo, chủ quan và ngại gần Bích. Quang thì trái lại, anh rất mến Bích, tất nhiên — Bích là hiệu phó, người cộng tác trực tiếp của anh, cũng có thể vì ở Bích, Quang thấy rõ một khả năng trẻ khỏe, mới trỗi dậy. Song riêng việc này, Quang cảm thấy Bích hơi vội vàng, thiếu một cái gì chín chắn...

— Đảng Ủy và Ủy ban đã bàn bạc. Đồng chí Ín — đồng chí chủ tịch xã ấy mà — bảo sẽ ra trường gặp các thầy giáo. Nhưng huyện vừa gọi đồng chí ấy đi họp. Nay có thầy về đây, tiện quá.

Vừa đưa Quang về phía rừng xà-hon, ông Păng — ủy viên thư ký xã — vừa nói như vậy.

... Sau buổi Quang và Bích bàn về địa điểm đặt trường mới, liền hai ngày trời mưa tầm tã. Cũng may, toàn trường đã chuyển hết những tài sản quan trọng về nơi sơ tán tạm thời. Nếu không thì thầy trò Quang còn vất vả, dễ thường phải đội mưa mà khiêng vác. Hai ngày mưa là dịp để thầy trò anh tạm nghỉ sau gần một tháng vất lộn với bàn ghế, giường tủ, chai lọ, sách

vở, bùn lầy, dốc đứng... Quang định tranh thủ lúc này, rủ Bích đi nghiên cứu lại khu rừng xà-hon, nhưng Bích kêu nhức đầu, xin ở nhà. Từ sớm tinh mơ, một mình Quang đã rời khỏi khu sơ tán đi sâu vào rừng. May sao, lúc trời vừa hừng nắng, anh gặp ông ủy viên thư ký xã. Từ đằng xa, người cán bộ địa phương có nước da đen bóng ấy tiến về phía Quang, nắm chặt tay anh giật giật liền mấy cái:

— Đồng chí là thầy giáo, thầy giáo về tìm địa điểm sơ tán. Từ đầu bản, nhìn hai cái mắt kính lấp lánh, tôi đã biết.

Tất cả những nét bên ngoài của ông ủy viên thư ký và phút gặp gỡ đầu tiên này gợi Quang nhớ lại câu chuyện ở trụ sở Ủy ban hành chính xã do Bích kể? Nhưng cảm tưởng của anh có hơi khác Bích.

... Ông Păng đưa Quang qua cái cầu nhỏ vào khu rừng. Bóng râm của tán lá rợp ủa ra đón. Quang có cảm tưởng mình vừa ở ngoài nắng gắt bước vào một tòa lâu đài cao rộng, tường xây toàn thứ đá xanh óng ánh, mát lạnh. Khung cảnh khu rừng không khác lời Bích kể. Những cây tô-hợp-hương to, da mốc trắng, cao vút, vươn cành bông, cành lá tươi khỏe như những cánh tay của chàng trai đôi mươi, mười tám. Càng vào sâu trong rừng, cây xà-hon càng to, lá càng xanh, cái màu xanh kỳ lạ nhuộm lục cả không khí.

Vừa đi, Quang vừa nhìn ngắm từng thân cây, ước lượng từng khoảng đất rộng, hẹp; những vòm trời rậm, quang, những khu vực sáng, tối. Trong óc anh dần dần hiện lên bản sơ đồ nhà trường: Chỗ này lớp học, nơi kia nhà ở, trên dốc cao làm cầu lạc bộ, bếp và nhà ăn ở dưới thấp... Và Quang buột miệng:

— Cảnh rừng này đẹp quá, bác ạ!

— Vàng bạc của chúng tôi đây, thầy giáo! Ông Păng đáp.

Đến cuối rừng, hai người gặp một cụ già đang cúi hái đan đan, buộc buộc mấy cái phen nhỏ xiu. Ông Păng vồn vã:

— Chào bố! Con gái đi họp huyện sao bố không ở nhà trông nhà? Rồi ông quay sang nói với Quang — Ông cụ là bố đồng chí Ấn đấy.

Quang lễ phép chào cụ. Ông cụ không đáp, lặng lẽ đưa bàn tay trái khum khum sau vành tai để nghe lời giới thiệu của ông Păng. Nghe xong, cụ nhìn Quang hỏi:

— Thầy giáo định đưa trẻ về đây thật à?

Quang thưa:

— Vàng ạ! Cụ cho phép chúng con về đây cụ nhé.

Ông cụ nhăn mặt:

— Không được đâu, rừng kiêng!

Nói xong, ông cụ đứng dậy, bập lưởi dao vào một thân tô-hộp-hương rồi gài cái phen nhỏ lên. Quang đoán cụ đánh dấu *rừng kiêng*.

— Năm du kích nó nằm đây, không được ai động đến — cụ già vừa khịu chặt cái dấu *kiêng* vào cây vừa dẫn mạnh từng tiếng. Đoạn cụ chớp chớp mắt, ngược đôi tròng đục lơ lơ lên vòm cây. Từ hai cái hốc sâu dữ dội trên khuôn mặt gầy gò, rỉ ra hai giọt nước trong suốt. Tự nhiên Quang thấy mũi lòng. Phải chăng việc anh đến đây làm ông cụ khóc? Hay chính cái vòm cây xanh biếc kia khơi dậy trong lòng cụ một kỷ niệm đau xót?

Không khí như ngưng đọng lại. Ba người cùng im lặng. Rừng cây khe khẽ xạc xào. Vẳng ở phía cái hang cuối rừng, tiếng u u của một ống sáo đá đang huyết gió. Và tiếng nước suối róc rách. Điềm vào đó, con chim xanh buông giọng đều đều, tha thiết:

— Tho-lốc, tho-lốc, tho-lốc...

— Thầy giáo ạ! Khu rừng này là mồ chôn giặc Pháp. Tôi quên năm ấy là năm bao nhiêu, chỉ nhớ sau trận ấy một tháng thì Tây-bắc được giải phóng...

— Ông Păng đưa chiếc diều cày cho cụ già, kéo cụ ngồi xuống. Rồi ông kể chuyện, tiếng thì thầm như một mạch suối từ nguồn xa dồn về.

... — Thăng quan tỉnh họ Bạc theo lệnh Tây dựng cái đồn ở đầu xã. Nó bảo xã này là cò hòng. Việt-minh như những con nước nguồn từ vùng cao xuống, tụ lại ở đây, rồi tràn về thị xã. Chính cái năm khởi nghĩa ta đã làm như thế. *Mở nước* cách mạng ở đây đầy dần lên, rồi phá tung cửa, ủa về đánh thị xã, giải phóng cả vùng bốn năm xã xung quanh.

Rừng núi như lòng mình. Cái đồn đầu xã lính Tây, lính đông ra vào suốt ngày, vo ve như ong, như mối. Thế mà ở khu rừng này cán bộ ta vẫn đi về, vẫn hội họp, du kích ta vẫn tập tành. Tí nữa tôi dẫn thầy giáo đi xem hang đá. Đây chính là cái bụng của rừng. Hội nghị các anh cán bộ tỉnh họp ở đây. Xung quanh rừng, du kích vừa tập luyện vừa canh gác. Đồng chí chỉ huy du kích Lò Văn Piếng đeo dao, vác súng kíp giả người đi săn, quanh hang đá.

Chả biết có đứa gian nào báo cho đồn Tây mà đúng lúc các anh ấy đang họp thì chúng nó ập đến.

Suốt ngày hôm ấy súng nổ, lửa cháy. Lửa đánh đại quanh rừng như con rắn lửa đỏ rực. Con rắn quấn thít mỗi lúc một chặt. Hồi ấy tôi là dân, công con, đưa mẹ cùng người bản chạy vào lũng. Ngồi trong lũng nhìn về, nước mắt mình cứ trào ra, thầy giáo ạ.

Đến chiều thì du kích đánh tan bọn giặc, cứu được khu rừng. Cửa hang mở. Các anh cán bộ rút ra an toàn. Thăng Tây, thăng nguy chết và bị thương nhiều vô kể. Máu chúng bôi từng vệt đỏ sẫm trên thân xà-

hơn. Máu đọng thành từng vũng như hồ trâu đầm. Người nhát nhất bản ra cuối cùng còn đếm được trên năm chục cái cẳng khiêng về đồn. Còn anh em ta thì, năm đồng chí ngã. Riêng đồng chí chỉ huy du kích bị thương ở đầu. Có nhẽ vì thế đến nay ông cụ bị diếc và yếu, không làm được việc nặng. Dân bản thương ông nhất. Ông thì thế, còn vợ con thì bị chúng nó bắt về đồn với mấy gia đình nữa, đánh đập đến chết. May còn cô con gái út lúc ấy đang chơi nhà người bác ở xã bên được anh em giấu vào núi. Cô con gái ấy là đồng chí chủ tịch xã bây giờ.

Trong khi nghe ông Păng nói, không biết tự lúc nào, Quang nắm chặt lấy bàn tay cụ Piêng. Cụ già ngồi im, đề nguyên bàn tay xương xẩu, xù xì trong tay anh. Quang nói, tiếng run run, xúc động :

- Bố ơi, nếu được về đây, chúng con sẽ không làm gì động đến các anh ấy. Chúng con sẽ chăm nom khu rừng cho xanh tốt hơn.

Quang nhìn chăm chăm vào mắt cụ Piêng, như muốn cụ không chỉ hiểu câu nói của mình bằng lời mà bằng cả tấm lòng chân thực. Cụ già không đáp. Mái đầu bạc hơi cúi xuống. Chòm tóc xia ra, thẳng và cứng, nom dữ dội như một chiếc bàn chải sắt. Một lúc lâu, ông cụ ngẩng lên đột ngột hỏi :

- Bao nhiêu đứa trẻ về đây ?

Ông Păng đáp thay Quang :

- Độ hai trăm đứa. Chúng nó là con em dân bản quanh vùng ta cả. Giặc Mỹ tàn ác đang nhằm trường học để bắn giết. Rừng đây, hang đây, không che không giấu các cháu thì chúng nó biết chạy đâu ?

Rừng vẫn lặng lẽ. Những thân xà-hon vẫn đứng thẳng, im ắng, phơi màu bạc trắng. Trên cao, vòm xanh như sẫm lại. Làn nữa, Quang lại nắm chặt tay cụ Piêng :

- Trước kia rừng đã che chở cho cán bộ, du kích đánh Tây. Nay rừng ta lại che chở cho con cháu để con cháu đánh Mỹ, cụ ạ !

- Để tao hỏi lại người già trong bản đã.

Nói xong, ông cụ đứng dậy, đưa tay rút con dao bên sườn đánh soạt một cái. Quang nhìn rõ đường thép sáng loáng vung qua mặt mình, chém phập vào thân một cây xà-hon bên cạnh.

- Ông cụ vẫn đánh dấu kiềng đấy - ông Păng giải thích, rồi kéo tay Quang - ta vào xem hang đá, thầy giáo. Xã sẽ nói thêm với cụ Piêng cho. Đồng chí Ấn đi họp về, chúng tôi sẽ bàn kỹ để giúp nhà trường.

Thế là trường Quang quyết định đi sâu vào rừng. Cơ nghiệp lần này có gòn gàng hơn, nhưng đường gấp ghềnh, dài dặc gấp ba bốn lần trước và, gay go hơn cả là những ý nghĩ sai lầm đang níu kéo bàn chân của một số giáo viên. Người này kêu :

- Mới nghe tiếng máy bay nó ve ve đã định «tản cư», ông Quang nhát như cáy.

Người kia phản nản :

- Tưởng tìm được địa điểm nào khá, hóa ra kéo nhau vào khu rừng ấy, xa đường cái, xa mậu dịch, xa kho gạo, lại cũng xa cả bệnh viện thì còn làm ăn nổi gì ?

Thậm chí, một giáo viên trẻ nói liều :

- Gần tháng trời kiềng vác cật lực rồi, ở đây thôi, không đi đâu nữa !

Hôm họp chi bộ, Quang đưa những ý kiến trên để tập thể đảng viên trao đổi và tranh luận. Sau đó, anh vui vẻ, thân mật kể lại chuyện đi nghiên cứu khu rừng

xã-hon và những suy nghĩ của mình về khu rừng ấy, rồi kết luận :

— Các đồng chí ạ, việc sơ tán này của chúng ta không chỉ là tìm nơi yên ổn để dạy và học mà chúng ta còn phải trên mảnh đất mới, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, đào tạo con người mới theo mục tiêu của nhà trường.

Nghe xong, Bích khẽ gật đầu :

— Nếu vậy thì theo tôi, ta càng không nên về xã ấy. Một xã vừa xa xôi vừa chẳng có gì đặc biệt, một cuộc sống trầm lặng như đã thành cỗi tích, dân thì như thế, cán bộ thì... Mà sao chúng ta cứ phải đi sâu mãi vào rừng nhỉ? Tìm nơi nào quanh quanh thị xã cũng được chứ sao. Ở đây ta có cuộc sống sinh động, chứ ở nông thôn...

— Thế ở nông thôn không có cuộc sống sinh động à? — Quang cắt ngang lời Bích. Như sợ mình quá lời, anh vội dừng lại nhắc kính lau lau vào áo.

Cuộc họp bỗng trở nên căng thẳng. Một lát sau mới có tiếng một cô giáo trẻ :

— Kề ra về cái điều kiện vật chất thì cái xã ấy và khu rừng ấy ổn quá rồi còn gì. Nhưng ông cụ già vẫn đang đánh dấu kiềng, đợi bao giờ xã cho ta vào đấy?

Quang đáp một cách tin tưởng :

— Như tôi đã báo cáo, các đồng chí ở Ủy ban hứa sẽ giúp đỡ chúng ta — anh bỗng sôi nổi — một xã từng có truyền thống lịch sử vẻ vang như vậy, chắc chẳng phải... và lại, thực ra mà nói, về cuộc sống bên trong của xã này chúng ta đã tìm hiểu kỹ đâu? Tôi nghĩ... muốn giáo dục học sinh bằng cuộc sống, trước tiên người thầy giáo phải hiểu cuộc sống, phải có cái nhìn cho đúng đắn về cuộc sống, các đồng chí ạ!

... Hôm nhờ trại, giữa trưa nắng chang chang, Quang đang lặc lè, gánh một bên là thằng con lên ba, với

những áo quần, tã lót, một bên là giấy tờ, tài liệu công tác, ấm chén, đĩa phích, thì Bích chạy lại, mặt đỏ như gấc chín :

— Chết! Sao anh gánh nặng thế? Tôi đã cử ba em học sinh đến giúp anh rồi cơ mà.

Quang cười, tay quét mồ hôi trán :

— Việc của các em cũng đang ùn ra kia. Mình tự lo lấy được!

— Chị và cháu Lâm đâu?

Bích chợt quay lại. Vừa lúc ấy, vợ Quang tay dắt thằng con lên năm, tay ôm một bọc vải lớn, chắc là cái chăn bông lặc lè với cái bụng chứa bảy tháng bước tới. Bích vội đỡ bọc vải trên tay vợ Quang, rồi ngồi thụp xuống, xoay lưng về phía thằng Lâm :

— Ôm cò, ôm cò chú công nào, nào... hấp!

Thằng bé khoái trí, nhảy phóc lên lưng Bích, nhún nhún cái dít :

— A... a... Lâm được đi ngựa, nhong, nhong... như bố hôm nọ a... a...

Bích bật cười, phát nhẹ vào mông thằng bé rồi rảo bước gần Quang tâm sự :

— Tôi đã bảo mà, đường xa và gập ghềnh quá. Anh Quang ạ, cho đến giờ thì chi bộ đã quyết định rồi, tôi xin chấp hành. Song... tôi vẫn chưa thông đâu.

Quang dướn người, đổi vai, đưa mắt nhìn Bích :

— Kề ra làm việc gì hai chúng mình cùng một ý thì tốt nhất. Song, việc này mình thấy cũng chả có gì phải căng thẳng với nhau. Dù sao thì chúng ta cũng đã đưa ra tập thề trao đổi và bây giờ thì đã quyết định rồi. Chúng ta cùng nhau làm. Cứ làm cho hết trách nhiệm anh ạ! Rồi thực tế nó sẽ giúp ta thông dần dần.

Vừa dứt lời, Quang bị hẫng một cái vì bước phải hòn đá kênh. Anh loạng choạng quờ tay bám vào một

bụi cây bên đường, đứng thẳng lại. Sóng lưng anh đau nhói. Tai ù ù như sấm chuyên. Anh nghiêng rặng cổ ghì một tiếng kêu, dừng một lát rồi lại tiếp tục bước tới. Quang hiểu rằng đây không phải chỉ là cuộc thử thách về xương cốt, về thịt da, mà chủ yếu là cuộc thử thách về ý chí, về tình cảm, về tấm lòng của anh - người hiệu trưởng, người bí thư chi bộ - đối với toàn trường. Vì vậy, khi nghe Bích giạt mình, hỏi anh gánh có nặng lắm không, anh chỉ mỉm cười đáp:

- Không sao, mình vẫn đi vững lắm!

Và, cho đến hôm toàn bộ cơ ngơi của trường chuyển hết về khu rừng, xếp tạm trong mấy cái lán nhóm tiền trạm dựng ở cửa hang, Quang mới thấy lòng nhẹ đi đôi chút.

Khu rừng bao năm im lìm, thảng hoặc mới có tiếng chim *thô-lốc* buông trong tiếng gió huyết qua cái hang sâu và tiếng xạc xào của tán lá rộp, nay bỗng rộn ràng tiếng cưa, rìu xẻ gỗ, ngã cây, tiếng cười đùa của những em học sinh tươi trẻ. Đứng ngoài rừng, người lạ có thể ngỡ ở đây, một công trường khai thác gỗ đang làm việc. Nhìn từng lớp học sinh bụng thắt đai dao, vai vác rìu len lỏi trong rừng, kíp làm, kíp nghỉ, Quang nhớ lại hình ảnh những người du kích ngày xưa sống ở đây, chiến đấu rồi ngã xuống ở đây. Anh thấy vội dần nổi lo nghĩ. Anh tin ở những bàn tay trẻ, những ánh mắt sáng ngời của toàn trường mà anh bắt gặp trong buổi đầu tiên về đây nghe anh giới thiệu lịch sử của khu rừng. Những bàn tay trẻ ấy đã giờ lên, nắm chặt lại. Những ánh mắt ấy đã ngược nhìn anh như khích lệ. Và anh cũng tin ở sức mạnh giáo dục của mảnh đất này.

Được hơn một tuần thì Quang nghe tin đồng chí chủ tịch xã đến thăm trường. Đằng sau ông ủy viên thư ký quen thuộc, anh nhìn thấy một cô gái vận chiếc áo màu hoa cà. Bộ cúc bạc óng ánh trên khuôn ngực nở nang. Bên sườn cô gái, cái *lếp* mây lắc lư theo từng bước đi. Quang chưa kịp chào hai người, cô gái đã reo:

- *Pha* ơi (1)! Thầy giáo! Thầy Quang, thầy Quang!

Quang lúng túng mở to mắt nhìn cô gái. Với nụ cười cười mở đờ lộ hàm răng nhỏ, trắng đều như những hạt đỗ ken dày, cô gái hồn nhiên nắm lấy tay Quang, sôi nổi:

- Em học thầy hồi ở trường Đoàn... Thầy không nhận ra em ạ? Em là Lò Thị Ấn, thầy hay gọi là « Ngón-tay-út » ý mà.

- À... à... Ấn, em Ấn, tôi nhớ ra rồi!

Năm, sáu năm về trước, khi Quang còn là giáo viên một trường Thanh niên dân tộc huyện - thuở ấy gọi là trường Đoàn - Ấn học lớp sáu. Lớp có năm học sinh gái. Năm cô bé của ba dân tộc: Kinh, Mường, Thái đều nhỏ nhắn, xinh đẹp hết như năm ngón của một bàn tay. Ấn nhỏ nhất nên Quang gọi là « Ngón-tay-út ». « Ngón-tay-út » gầy gò, da hơi xanh, có đôi mắt đen láy, lúc nào cũng như ngấn nước. Cô bé hiền lành, ít nói, thường bị bốn chị « bắt nạt ». Những đêm trăng sáng, thầy trò tâm sự, Quang hay kể chuyện gia đình, cha mẹ mình. Nghe xong, Ấn thường thở dài, nói nhỏ:

- Em cũng giống thầy, không còn mẹ, chả có anh em. Mẹ và các anh của em bị thằng Tây nó giết.

Chỉ nói vậy rồi Ấn thôi. Quang hỏi thế nào em cũng không nói. Như có mối tình cảm đồng điệu, chỉ qua đôi mắt và mấy lời ngắn ngủi kia, anh hiểu sâu sắc

(1) Trời ơi!

tâm hồn cô học trò nhỏ. Đó là một tâm hồn kín đáo và giản dị. Đã hứa hẹn điều gì, Ín quyết tâm làm cho bằng được. Em biết nghe lời thầy dạy, cũng như có lòng tin mãnh liệt vào những lẽ phải mà các bạn lớn, hiểu biết hơn chỉ dẫn. Đầu năm Ín học hơi đuối. Dần dần, Ín khá lên. Cuối năm, «Ngón-tay-út» trở thành học sinh xuất sắc toàn diện: Học giỏi, lao động khá và là một phân đoàn trưởng phân đoàn thanh niên linh lợi.

Lớp của Ín là lớp ra trường đầu tiên. Hồi ấy, cũng như nhiều giáo viên khác, Quang nhận thức mục tiêu nhà trường sao mà thô sơ, ấu trĩ! Anh khuyên Ín nên học tiếp, hoặc xin vào trường chuyên nghiệp, sau ra làm cán bộ thông tin, hoặc làm một y sĩ, một cô giáo cho hợp sức. Song Ín thì lại thích trở về xã làm một xã viên bình thường. Quang không phản đối, trái lại vẫn đồng tình và động viên Ín, mong Ín sớm trưởng thành.

Hình ảnh cuối cùng Ín để lại trong Quang là một cô gái bé nhỏ, người thon thả như ngón tay út, mặc váy vải thô, thắt lưng màu lục, áo hoa tím nhạt và lời hứa ngăn ngủi:

— Em sẽ phấn đấu trở thành đảng viên như thầy.

Giờ đây, trước Quang, cô học trò nhỏ đã thành đồng chí chủ tịch xã, đồng chí phó bí thư Đảng ủy.

— Ín trưởng thành mau quá, lúc đầu tôi không nhận ra đây — Quang buột miệng nói. Ín cảm động nhìn thầy giáo cũ:

— Gặp thầy, em lại nhớ cái hôm cuối cùng chia tay nhau. Hôm ấy vui ghê. Thầy gặp từng học sinh dọn dồ tí mĩ từng miếng ăn, câu nói trước khi xa trường. Lúc em đi, thầy rơm rớm nước mắt. Em tưởng không bao giờ thầy trò được gặp lại. Ai ngờ...

— Em về xã lâu chưa? Quang cắt ngang lời Ín.

— Sau cái năm ấy, em về xã luôn. Em công tác còn nhiều khuyết điểm lắm. Em đang họp ở huyện, nghe các anh ấy báo là có nhà trường về xã. Hóa ra thầy về, thật là vui quá.

Quang thân mật và sôi nổi kéo tay ông Păng:

— Nào, bây giờ mời bác, mời cô Ín lên lán xơi nước. Cũng may, thầy được về xã Ín đây. Nào, nào... ta đi!

Ba người vui vẻ lên dốc. Vừa đi, Ín vừa đưa mắt nhìn xung quanh khu vực trường, nhận xét:

— Nhà trường làm nhanh quá. Đã gần xong rồi hả thầy? Hôm nọ gặp anh... anh gì..., em cứ lo... bố em và các cụ già không cho.

— Ấy cũng nhờ bác Păng đây giúp đỡ nhiều, chứ không thì... Quang trả lời Ín và nhìn ông ủy viên thư ký như có ý thăm cảm ơn. Ông Păng cất tiếng cười ha hả:

— Có gì đâu, thầy! Công việc là ở cả Ủy ban, ở đồng chí Ín, ở cụ Piêng, ở dân cả bản, cả xã — Rồi ông ha giọng kể — Tôi và đồng chí Ín phải nói với ông cụ gần một đêm đấy. Lúc đầu ông cụ dỏ mặt giận dữ. Sau im lặng, rồi cụ khóc. Trông thương lắm. Đến sớm hôm sau ông cụ rủ mấy cụ già trong bản ra rừng gỡ dấu kiêng, khoanh khu vực cho trường. Thấy chúng tôi ra, ông cụ nói: «Vì thằng Mỹ tàn ác, tao phải gỡ dấu kiêng. Con cháu nó về đây, chúng mày phải dạy bảo. Người sống thì phải sống cho tốt để người chết được nằm yên!».

Quang gật gù.

— Chà! Ông cụ nói thâm thúy quá!

— À! Chào thầy giáo — Ông Păng bỗng reo to khi nhìn thấy Bích đang cúi húi cùng một em học sinh căng dây đo cái nền hội trường.

Bích ngàng nhìn ông, rồi phúi tay, đứng dậy đón gần ba người, mỉm cười có ý chào. Ín bèn lên đứng nép sau ông Păng, nhỏ nhẹ:

— Chào... chào thầy giáo!

Quang giới thiệu Bích với hai người:

— Đồng chí Bích đây là trưởng ban kiến thiết nhà trường. Anh là người đầu tiên đến khu rừng này đây. Bây giờ ở đây có cây nào to, nhỏ, có chỗ nào cao thấp, anh ấy đều thuộc như lòng bàn tay.

Ông Păng bước lên, đứng giữa cái nền nhà quay đầu nhìn bốn phía, trầm trồ:

— Khu này đẹp lắm, đẹp nhất rừng.

Bích đáp, vẻ tự hào:

— Chỗ này trung bình thôi. Khu câu lạc bộ của chúng tôi ở trên kia đẹp hơn nhiều. À, tiện có bác vào đây, mời bác, mời... — Bích đưa mắt nhìn Ín — mời chị đi thăm khu trường một lát, rồi góp ý cho chúng tôi.

Ba người vui vẻ theo Bích đi vào giữa khu trường. Đến chỗ nào, Bích cũng giới thiệu tỉ mỉ theo một dàn bài chặt chẽ: Trước đây như thế nào, thầy trò anh đã dồn bao nhiêu công sức, đổ bao nhiêu mồ hôi mới được thế này và, ngày mai nơi ấy sẽ ra sao... Vừa nói, anh vừa khoát tay chỉ ngang dọc như một công trình sư tài giỏi trình bày bản thiết kế của mình trên hiện trường. Lời anh khi sôi nổi, khi dịu dàng và đầy sức thuyết phục. Bích có đặc điểm là thường hay gia giảm vấn đề khiến cho những điều anh nói cũng như những việc anh làm trở nên quan trọng, đáng chú ý. Vừa nói anh vừa đưa mắt nhìn mọi người, thăm dò thái độ. Quang thì luôn luôn gật đầu tán thưởng. Ông Păng chốc chốc lại khen:

— Giỏi đó! Giỏi đó!

Riêng Ín, Bích chỉ thấy im lặng, một thứ im lặng vừa như lạnh lùng không muốn hiểu vừa như không hiểu một tý gì.

Đến khu vực câu lạc bộ, Ín bỗng đột ngột hỏi:

— Ở đây không đào hào và hầm trú ẩn à?

— Có, có chứ — Bích đáp — nhưng nay cần tập trung sức vào việc san nền, dựng lớp.

— Em nghe các anh ở huyện phò biển là dù làm gì, ở đâu cũng phải chú ý đào hào hào.

— Ở đây xa thị xã chắc không đến nỗi căng lắm.

Ông Păng xen vào giữa câu chuyện:

— Thầy Quang ơi! Ở trường có đội tự vệ chưa? Cùng với dân quân xã làm cái ụ súng trực chiến đi.

— Phải đấy, có lẽ cũng cần bàn việc này anh Bích ạ. Ta đã có sẵn trung đội tự vệ rồi.

Bích hơi ngơ ngác nhìn Quang:

— Bây giờ cần tập trung nhân lực vào việc xây dựng đã, nếu không tôi sợ không kịp ngày khai giảng. Mà chắc gì xã tổ chức được ngay. Còn phải...

— Xã chuẩn bị từ lâu rồi — Ín cắt ngang lời Bích — mai kia là xong. Ở đây tuy cách thị xã hơn chục cây số nhưng vẫn là cửa ngõ của thị xã đây. Trên chỉ thị: Xã phải có ụ súng phối hợp với bộ đội thị xã chiến đấu.

— Mà đã chắc gì chúng nó nhằm xã này, một khu rừng hẻo lánh chẳng có gì đặc biệt... Việc gì mà — (Bích định nói: « Việc gì mà cứ làm ra vẻ xã mình quan trọng », nhưng may, anh kìm lại được).

Tuy vậy, lời nói nặng nề trên của anh đủ làm cho Ín đỏ mặt. Cô lặng lẽ đưa tay gài lại nếp chiếc khăn piêu, nhấn mạnh từng tiếng:

— Em nói thật đấy, rồi anh sẽ xem!

Thấy không khí có vẻ căng thẳng, Quang vội dàn hòa:

— Tôi nghĩ sự nhận định của trên là có cơ sở đấy. Nào, ta đi vào thăm cái hang đi.

Đến gần cửa hang, Ín bỗng dừng lại. Cô đưa mắt về phía trái. Như nhận ra người quen, Ín reo to:

— Ôi! Cô giáo! Cô giáo!

Trong nháy mắt, Ín lao đi như bị gió cuốn. Thì ra cô gái chạy về phía lớp bảy B, lớp do Tính, vợ Quang làm chủ nhiệm. Cô học trò cũ nắm tay Tính lắc lắc:

— Cô ơi, sao cô chóng già thế, em nhìn thấy từ xa nhưng cứ ngỡ ngỡ:

— Chà! Đúng là quả đất tròn, cô trò ta lại được gặp nhau — Tính vui vẻ kéo Ín vào gần mình, đưa tay vuốt nhẹ mái tóc cô gái — Ín cao bằng ngần này cơ à, mới có năm, sáu năm chứ mấy...

Cô đang làm gì đấy?

— Ấy! Hướng dẫn lớp đào cái hầm. Mình bụng to, sợ có báo động không chạy kịp vào hang, đào lấy cái hầm cho chắc chắn.

Tự nhiên Ín quên hết những lời thăm hỏi. Cô giảng lấy cái cuốc trên tay cô giáo, sôi nổi bước vào giữa lớp học sinh:

— Các bạn cho mình đào với nào!

Các em học sinh ngơ ngác nhìn Ín chưa hiểu đầu đuôi câu chuyện, Ín thân nhiên giờ cao cuốc và nhịp nhàng bõ xuống. Những nhát cuốc nghe phầm phập chắc chắc, khỏe mạnh làm sao.

Vừa lúc ấy Quang, Bích và ông Păng tiến lại. Ín ngừng lên nhìn ba người cười vui vẻ:

— Lớp của cô giáo em gần hang thế này mà vẫn đào hầm hào, sao cái hội trường, cái chỗ câu lạc bộ lại không có gì hả thầy?

Quang đưa mắt nhìn Bích như nhắc anh chú ý đến lời Ín. Bích quay mặt đi giấu một nụ cười nhạt nhẽo.

— Thôi, đề đấy các em nó làm, ta về lán uống nước, cô Ín ơi! — Vừa nói, Quang vừa kéo tay ông Păng và Bích đi.

Ín đang say sưa cuốc không ngừng lên, đáp với theo:

— Thầy giáo cứ về lán trước đi, lát nữa em đến!

Gần tới lán, Quang mỉm cười hỏi nhỏ Bích:

— Có lẽ anh bực cô ấy lắm nhỉ? Một cô bé non bầy như ngọn măng lay phải không?

— Chưa hẳn như thế, song tôi thấy cô ta thế nào ấy.

— Thế nào à? — Quang hỏi lại, rồi anh tiếp — Cô ấy trước là học sinh của mình đấy.

Vui chuyện, Quang kể cho Bích và ông Păng nghe những kỷ niệm ngày xưa giữa anh và cô học trò nhỏ Lò Thị Ín. Trong khi kể, anh chú ý nhấn mạnh những nỗ lực của Ín đề từ một em bé nhút nhát vươn lên thành một đoàn viên thanh niên rắn rỏi, một học sinh thông minh, có những suy nghĩ và hành động độc lập, đúng đắn. Anh muốn qua đó, hai người thấy cái nguồn sâu xa đã chuẩn bị như thế nào cho Ín trưởng thành như ngày nay. Quang vừa dứt lời, Bích nhận xét.

— Đúng là một « ngón-tay-út ».

Quang hiểu rất rõ ý của Bích trong câu nói ấy. Anh hơi phật lòng, nhưng cố giữ bình tĩnh, lắc đầu nói nhỏ, giọng chắc chắn:

— Rồi anh xem. Mình tin rằng Ín nó sẽ giúp chúng ta nhiều. Trường ta là trường thanh niên dân tộc, một kiểu trường mới. Những học sinh sau này của chúng ta ra đời phải trở thành những người lao động tiên tiến, những cán bộ tốt làm hạt nhân cho ba cuộc cách mạng hiện nay ở nông thôn. Mình nghĩ Ín có thể cho ta một hình ảnh sinh động về mẫu con người mới ấy.

Bích cười nhạt:

— Đó mới là ý nghĩ của anh!

Đấy! Người hiệu phó của trường Quang tuy rất nhiệt tình làm việc nhưng chưa phải đầu óc đã thanh thản.

Nếu quả thực khu rừng bị nạn, nhà trường gặp khó khăn thì Bích sẽ suy nghĩ thế nào? Quang bỗng thấy

an hận là trước khi đi họp anh chưa triệt để giúp đỡ Bích để Bích thật thoải mái đảm đương nhiệm vụ thay anh. Suốt quãng đường đi, Quang suy nghĩ như vậy và anh cứ chạy găng. Trời nóng như thét ra lửa. Thình thoảng, một ngọn gió lao hắt lại, khô khốc, như muốn bóc từng mảnh da trên mặt Quang.

Nhà nhem tối thì Quang về tới đầu xã. Khu rừng tô-hộp-hương trầm mặc như đang suy nghĩ một điều gì. Tĩnh không thấy một dấu hiệu nào của sự bắn phá, hay đốt cháy. Trước mặt Quang, vạt rừng xanh sẫm dần dần ngả màu đen, kéo triền miên, lặng lẽ giữa hai dãy núi gù gù như đàn voi khổng lồ đang lẫm lẫm bước. Trống ngực Quang thúc thình thịch. Sao lại như thế này nhỉ? Hay là anh chàng tiếp phàm nghe tin đồn nhảm! Quang tự nhủ. Xốc lại ba lô để vượt qua con dốc đầu xã, rồi cứ thế, tay cầm đèn pin, căng đôi mắt sau chiếc kính cận để định hướng, Quang lao xuống giữa khu rừng.

Tới công trường, Quang gặp Bích đang đứng bên một em học sinh cầm chiếc đèn bão hướng dẫn các em khác đào một dãy hố cá nhân. Nhận ra Quang, Bích reo to:

— May quá, may quá, anh về vừa kịp. Thế nào, ngày khai giảng vẫn như kế hoạch cũ đấy chứ anh?

Vừa hồi hộp vừa mừng vui, Quang không kịp trả lời Bích. Anh hỏi lại:

— Sao tôi nghe nói khu rừng đây bị cháy. Trường ta có việc gì không?

Thấy Quang, các em học sinh đều dừng tay, xôn xao chào hỏi. Bích dắt anh đi vào trường.

— Ôi chao! Anh đi có mấy ngày mà ở trường biết bao nhiêu sự kiện mới xảy ra. Thì ra vùng này chẳng im lạng; hẻo lánh như mình từng nghĩ anh ạ.

— Kia! Chân anh làm sao thế? — Quang đột ngột

cắt ngay lời Bích khi nhận ra bước đi của Bích không được bình thường.

Bích cười vui vẻ:

— À... tôi bị thương! Nhẹ thôi...

... Buổi tối hôm đó, hai người ngồi nói chuyện mãi đến khuya. Lời Bích vẫn sôi nổi, nhiệt tình như bản tính của anh, song có một cái gì nghe đã chín chắn hơn...

II

... Bốn hôm sau khi Quang đi họp, vào một buổi trưa, Bích đang đi ra suối, chợt nghe tiếng máy bay ù ù. Trong nháy mắt, tiếng máy bay đột ngột gào lên ầm ầm như hai phiến đá khổng lồ nghiêng vào nhau. Anh quay vội lại, thấy khu vực nhà trường học sinh đang nhốn nháo. Mấy cô gái đang gánh gánh ruộng vội dón, chạy xuống cạnh một góc xà-hon. Đầu con đường rẽ vào rừng, gần chục cậu con trai đứng phơ đầu, ngửa cổ nhìn trời, tay chỉ chỉ trỏ trỏ. Hoàn và một chú bạn lớn lộc ngộc chễm chệ ngự trên một cành cây, nhòai người về phía trước, kêu thất thanh:

— Nó bỏ bom thị xã, bom thị xã rồi!

Người Bích nóng như bị lửa đốt. Anh vừa rảo bước vừa hét:

— Các em, sơ tán ngay đi, rút hết vào hang ngay!

Tiếng anh bị đánh bật bởi hơi gió vù vù rung chuyển cả cánh rừng do tiếng gầm rít của máy bay quạt vào. Các em học sinh càng nháo nhác. Bích chợt nhớ lại hiệu lệnh báo động, luống cuống thọc tay vào túi quần, rút cái còi đúc rít lên một hơi dài và khé!

... Toàn trường dần dần rút vào cái hang rộng ở cuối rừng. Tất cả mất gần hai mươi phút. Trong khi

ấy, bọn giặc Mỹ mở liên tục ba đợt bắn phá xuống vùng thị xã.

Từ trong vòm lá xanh, Bích không thấy những đường đạn của chúng, nhưng qua tiếng chúng gào rít, anh hình dung rõ rệt sự khốc liệt của cuộc chiến đấu. Lòng anh se lại. Lần đầu tiên trong đời, Bích nghe tiếng máy bay phản lực siêu âm. Anh đưa mắt nhìn xung quanh. Quanh anh, trong ánh sáng dùng dục của cái hang sâu, những vầng trán non tơ như đang căng ra, những cặp môi mím chặt. Ở một vài đôi mắt, Bích thấy những đường viền. Tự nhiên anh lo lo. Anh không ngờ tình hình lại biến đổi nhanh chóng như vậy. Một cái gì như niềm ân hận về những ý nghĩ chủ quan vừa qua của anh, nhói nhói trong tim anh.

Bỗng có tiếng máy bay rú. Lần này cái âm thanh ăn cướp ấy dữ dội đến kỳ quặc. Tưởng chừng có một khối sắt nặng hàng tấn đang xé mây lao xuống đầu Bích. Một tiếng kêu hốt hoảng thốt ra :

- Ối ! Nó bắn trường rồi !

Bích không đủ bình tĩnh để nhận ra tiếng kêu ấy là của mình hay của một học sinh đứng bên cạnh. Chỉ biết rằng sau đó, Bích thét :

- Em Bình ! Tập hợp cho tôi trung đội tự vệ xuống trường chiến đấu và bảo vệ nhà trường !

Và anh lao xuống như một tảng đá từ trên vách núi cao bị lở.

Thực ra, bọn giặc chỉ sạt qua đỉnh rừng để rồi bay về phía thị xã.

Chạy qua khu vực lớp học, rồi qua khu nhà ở tới con đường cửa rừng, Bích dừng lại. Anh nép mình dưới thân một cây xà-hon còi thụ. Đằng sau anh, khu rừng nghiêng ngửa như gặp bão lớn. Những tán lá quẫy mạnh, đập vào nhau rít lên rào rào.

- Ừ... ừ... ừ... ! - Có tiếng máy bay lạc giọng xoáy

trên trời. Bích ngàng đầu nhìn. Từ vùng trời phía bắc thị xã, một tốp ba *thần sấm* bụng trắng hếu đang vươn cò, trúc xuống. Một bên cánh chiếc máy bay cuối bỗng lòi ra một đốm đỏ như nụ lửa ở đầu que diêm. Bích buột miệng reo to :

- A ! Nó cháy rồi !

Không tự chủ được, Bích chạy như bay về phía trước. Chợt anh thấy chiếc máy bay lúc nãy ngược cánh lên, rồi lao đảo chúi về phía anh. Anh vội nằm xoài xuống cái rãnh ở bên đường. Từ dưới đất, anh nghe thấy một tràng liên thanh nổ chát chúa. Anh ngàng đầu hướng về phía ngọn núi trước mặt. Tuy cách xa ba, bốn cây số, Bích vẫn nhìn rõ một đường đạn từ trong một lùm cây xanh lao lên, thẳng cứng, nhọn hoắt như một mũi dùi nung đỏ. Tiếng đạn réo vo vo. Liên sau đó là một tiếng nổ khủng khiếp. Đất chỗ Bích nằm này bật, hất tung anh ra khỏi cái rãnh.

Lúc Bích tỉnh dậy, tiếng máy bay đã tắt. Một đám cháy lớn đang bùng bùng bốc ở đầu rừng. Bích chồm lên, nhưng bị một bàn tay cứng như sắt giữ lại.

- Thầy giáo !

Bích quay nhìn, thấy ông Păng đang ôm ngang lưng mình. Bên vai ông, khẩu súng kíp nhô lên, dài ngêu. Bích hỏi :

- Chúng bỏ bom xuống rừng hả bác ?

- Không phải đâu. Kia, thầy giáo bị thương rồi.

Bích cúi nhìn, thấy máu chảy ướt sưng chân phải. Chiếc ống quần rách tươm, đỏ sẫm. Anh luống cuống ghé răng vào tay áo xé xạc một mảnh dài. Ông Păng nhanh nhẩu đỡ mảnh vải giúp anh buộc vết thương. Thì ra trong tiếng nổ lúc nãy, rừng rung núi chuyển, một mảnh đá không biết từ đâu văng lại xén mất một miếng thịt bằng hai ngón tay ở bắp chân Bích. Áo quần, đầu tóc anh bùn lấm bết. Buộc vết thương

xong, Bích nhóm dậy, bám vào vai ông Păng, đứng lên. Người cán bộ dân tộc có nước da đen bóng ấy bỗng rần lại như một cây gỗ lim, dẫu Bích bước trên đường. Vừa đi, ông vừa vui vẻ nói trong hơi thở gấp gáp:

— Chúng nó vào thị xã. Bộ đội ta bắn một thằng bị thương. Nó định chuồn, chúi đầu xuống, qua dây an toàn của du kích ta, ở cái công sự đầu núi kia kia. Thế là nó rơi. Thằng Mỹ rơi xuống rừng, liền bị rừng nổi lửa đốt. Tôi ở lán, tôi thấy hết. Đất rừng ta như thế, tài lắm, tài lắm.

Được một quãng, Bích thấy ở phía trước nhón nhào một đám đông chạy lại. Ông Păng reo:

— A! Du kích nó xuống!

Người chạy thứ hai là một cô gái nhỏ nhắn. Bích nhận ra Ín, cô chủ tịch xã trẻ tuổi. Tấm vải xô nhuộm xanh choàng ngoài chiếc áo màu hoa cà bay phấp phới. Bộ cúc bạc trước ngực bắt ánh lửa, đỏ óng. Khẩu súng trường quàng sau bờ vai tròn lẳn. Ín chạy gọn gàng, hăm hở như một chiến sĩ dũng cảm truy kích kẻ thù. Bên cạnh, đằng sau Ín, lơ nhố những cô gái, những chàng trai mặt đỏ gay, súng cấp nạch, súng khoác vai...

Họ lao về phía Bích.

Đến nơi, Ín hỏi luôn.

— Thầy giáo, anh bị thương à?

Bích chưa kịp đáp, Ín đã ngồi thụp xuống.

— Anh bị có nặng không? Xã lập được chiến công rồi đấy anh ạ. Lúc này anh có nhìn thấy không?

Một cô gái nói to như nhắc nhở Ín:

— Rừng cháy lớn quá rồi, làm thế nào Ín ơi!

Cô chủ tịch xã đứng vụt lên nói sắc gọn:

— Thế này nhớ: Bác Păng về gọi nhân dân ra cứu rừng, đến trường gọi cả các thầy giáo nữa. Y tá Lĩnh

ở đây băng lại vết thương cho anh Bích. Còn lại tất cả chúng mình vào cứu rừng.

Trong nháy mắt, mọi người tản đi. Ín dẫn đầu các bạn tạt vào khu rừng cháy.

— Cái Ín nó giỏi quá! Suốt một tháng nay nó bận vận động đưa lúa nương xuống ruộng mà vẫn không bỏ cái tờ trực chiến. Hết ở ngoài đồng nó lại lên công sự. Nó vừa đi huyện học được mấy bài xạ kích liền đem về dạy lại chúng tôi. Tập cả đêm đấy. Khi máy bay thằng Mỹ đến gào thét trên đầu, tôi sợ vãi cả mồ hôi mà cái Ín nó cứ như không. Nó vừa bắn, vừa hô chúng tôi vác cả rừng. Nay nó lại lăn vào lửa. Nó là em họ tôi, kém tôi hai tuổi đấy.

Vừa buộc mảnh băng mới vào vết thương cho Bích, cô y tá vừa nói chuyện. Bích im lặng nhìn theo cái dáng người thon thả như ngọn măng lay của Ín. Anh bàng hoàng nhận thấy giờ đây Ín không bé nhỏ, non nớt như anh từng nghĩ...

Trước mặt Bích, cánh rừng vẫn dưng dưng bốc lửa thiêu đốt chiếc máy bay. Từ vòm lá xà-hon, khói trắng cuồn cuộn bốc lên. Hơi lửa hắt ra nóng hôi hổi. Trong hơi nóng, Bích ngửi thấy một mùi thơm thơm. Mùi thơm thật kỳ lạ, không giống mùi nước hoa ngát, không phải mùi trầm hương mờ ảo. Cái mùi thơm đậm đà, rần rỏi làm sao! Cái mùi thơm như mùi từ một cơ thể khỏe khoắn, tươi trẻ, tràn trề sức sống tỏa ra. Đó là mùi nhựa tô-hợp-hương, mùi những cây xà-hon bốc cháy. Lúc bình thường, cánh rừng xà-hon im lìm, kín đáo, bình dị như tất cả những cánh rừng khác, nhưng khi bốc lửa thì thật là kỳ diệu...

Kể chuyện xong, Bích nhấp một ngụm nước, tâm tình:

— Đến chiều thì du kích, nhân dân và thầy trò trường ta gặp xong đám cháy. Chà! Cái máy bay của nó to

khiếp. Xác thẳng giặc lái cháy đen thui. Cái lúc nó đánh rất ấy, tôi một mình chạy về trường, như vậy kẻ cũng là mao hiểm. Dù sao trận chiến thắng vừa rồi của xã cũng cho mình một bài học bổ ích. Anh nói đúng, người thầy giáo phải hiểu cuộc sống...

Quang âu yếm nhìn Bích, lòng tràn ngập một niềm vui. Anh lại chợt nhớ tới hình ảnh Bích bước tập tễnh khi dẫn anh từ cổng trường về nhà.

- Chân anh vẫn còn đau thế sao không nghỉ? Cứ đồng chí khác thay cho có được không? Quang than mệt hỏi:

- Xung quanh mình sôi sục như vậy, nghỉ làm sao được anh?

Đêm đã khuya lắm. Phảng phất đâu đây như còn vương vấn mùi thơm của nhựa tô-hộp-hương bốc cháy.

1968 - 1969

thuongmaitrang.vn

KHOẢNG CÁCH

NGUYỄN NGỌC LIỄN

- Chào chị, chị cho tôi hỏi: Đồng chí hiệu trưởng ở phòng nào ạ?

- Mời anh vào văn phòng.

Kèm theo câu trả lời cụt ngắn là một cái chỉ tay, lơ dềnh không rõ hướng. Đôi mắt cô ta nhìn vượt qua vai tôi như đang chú ý một cái gì ở phía sau. Đôi mắt ấy đen láy, ướt, hơi buồn và có một vẻ gì rất xa xăm. Tôi đang phân vân muốn hỏi thêm thì cô ta đã thư thả quay gót không hề nói thêm một lời, rồi thư thả, từng bước một, cô đi về phòng riêng. Một bím tóc quăn đu đưa nhẹ trên chiếc cổ áo sơ-mi bằng lụa mỏng được là thẳng nếp.

Theo thói quen phê bài học sinh, tôi nhận xét: «Đẹp. Không lịch sự. Kênh hiệu. Quá ư lạnh lùng». Và một cảm giác hết sức khó chịu dấy lên trong tôi.

Buổi đầu chân ướt chân ráo tới trường, tôi tiếp xúc với Nhung giáo viên sinh vật của trường là thế.

Tôi sinh hoạt ở tổ văn, Nhung ở tổ hóa sinh và chúng tôi cùng sống ở khu nhà tập thể. Ấy thế mà đã hơn mười ngày trời tôi chưa hề được một dịp nào trao đổi với Nhung lấy một lời. Phòng riêng cô ta luôn đóng chặt và chỉ hé mở cửa vừa lách người ra mỗi khi cô ta đi đâu rồi sau đó cánh cửa lại đóng kín im im.

Đối với tôi, con người ấy có một khoảng cách khó hiểu. Đó là chưa kể đến cách ăn mặc của cô ta nữa, những chiếc áo sơ-mi bao giờ cũng được là thẳng nếp. Sống ở một trường huyện cần gì phải thế? Đây có phải là phố Huế của cô ta ở Hà-nội đâu! Tôi hết sức khó chịu với phong cách này. Vậy mà dùng một cái tôi được phân công dạy văn lớp 10 E, lớp cô ta làm chủ nhiệm. Không thể nào thoái thác được, vì chẳng có lý do gì để thoái thác. đành vậy, khi lãnh đạo đã phân công. Nhiệm vụ của tôi, một anh chàng mới về, là có trách nhiệm phải cộng tác chặt chẽ với cô ta để giáo dục học sinh được tốt.

Tôi gặp Lan, một giáo viên hóa ở cạnh phòng Nhung để tìm hiểu về cô ta.

Lan bảo :

- Tính chị ấy thế anh ạ. Hơi lặng lẽ một chút nhưng là một người tốt. Chị ấy có khả năng chuyên môn, lại chịu khó tu dưỡng và rất yêu học sinh. Em thấy thế là được.

Tôi phát ý :

- Sao cô cho thế là được? Sống với tập thể phải chan hòa với anh em hơn. Rồi cái kiểu áo bao giờ cũng phải là thẳng nếp thì không thể gần gũi học sinh được đâu. Phải giản dị!

Lan phản ứng :

- Trời sinh mỗi người một tính. Lặng lẽ chưa phải là không chan hòa với tập thể. Còn cái áo thẳng nếp thì chẳng hại gì. Chị ấy là giáo viên, phải ăn mặc đứng đắn. Giản dị không có nghĩa là bận chiếc áo nhàn nhúm để lên lớp.

Câu chuyện với Lan hơi căng. Tôi dừng lại và khéo léo hơn tìm hiểu một loạt người khác. Tôi được biết là anh em không ai ghét cô ta cả.

Bước đầu vào năm học, toàn trường chúng tôi phải tự lực cánh sinh dựng mười lăm cái lán. Mười lăm cái lán, không phải chuyện đùa, nhất là phải dựng xong trong một tuần lễ. Tôi không làm chủ nhiệm lớp nên không chịu trách nhiệm về một lớp cụ thể nào. Tôi bảo với anh Khương Bửu, trưởng ban lao động :

- Cậu đừng ghép mình vào một lớp nào, hãy để cho mình tham gia với tất cả các lớp được không?

Bửu đồng ý. Thế là tôi đã có chủ định. Tôi sẽ tham gia với lớp 10E ở buổi đầu tiên. Sáng ấy tôi vớ được chiếc áo xanh cũ vá đúng ba miếng to. Rồi không báo gì cho Nhung biết, tôi đứng lẩn với học sinh 10E. Ý tôi là sẽ tham gia lao động thực sự với lớp này trong buổi đầu. Tôi muốn cảm hóa Nhung bằng hình ảnh thực tế của mình (Rõ tôi cũng là một anh chàng hóm hỉnh), hai nữa là nếu Nhung lúng túng trong việc dựng lán, tôi sẽ đề nghị với Bửu cho tôi cùng làm luôn với lớp này để giúp đỡ Nhung.

Không biết Nhung có thấy tôi đứng trong hàng hay không? Hình như thấy mà cô ta lơ đi thì phải. Với một thái độ hết sức chững chạc, cô ta phân công rành rọt cho từng nhóm học sinh. Tùy theo sức của từng em: Nhóm vác luồng, nhóm thu tranh, một số đông làm nền. Cuối cùng, cô ta tập trung nhóm làm mộc riêng ra. Cô ta nắm khả năng từng em một cách khá chính xác. Khi mọi việc đã chạy đều, cô ta chuẩn bị đâu mất. Riêng tôi thì vẫn cật lực tham gia với đội vác luồng. Khoảng tám giờ, tôi mệt lử. Chiếc áo xanh ướt đầm mồ hôi. Hai mắt kính cận thì mờ đi vì mồ hôi từ trán, từ tóc rơi xuống. Khát và mệt, nhưng không thể dừng tay được. Xung quanh tôi học sinh vẫn làm tích cực và quả tình chúng làm khỏe hơn tôi nhiều. Ai lại đi ngồi nghỉ khi cả tập thể chung quanh

mình đang lao vào việc. Rõ ràng là tôi đã bị không khí lao động sôi nổi này lôi cuốn.

— Các cậu ơi nghỉ đi. Thừa thầy, mời thầy nghỉ ạ. Cô giáo Nhung bảo mời thầy nghỉ mười lăm phút ạ. — Một em học sinh đi tới nói.

Tôi quay lại chỗ đắp nền thì thấy Nhung đã lễ mễ gánh ra một gánh nước chè đặc sánh. Vì vào bếp nên tóc cô ta bết bụi và chiếc áo nâu ướt đầm mồ hôi. Cô ta cũng có một chiếc áo nâu dùng để lao động và trước khi mặc cô ta vẫn là thẳng nếp.

Xong giờ nghỉ. Nhung cùng làm với nhóm mộc và một điều vượt quá sự tưởng tượng của tôi: Cô ta cũng đục, cũng làm những vì kèo nhanh và đẹp không kém gì học sinh.

Sau buổi sáng hôm ấy, tôi cùng đi về với Nhung. Tôi hỏi:

— Chị học được cách dựng lán, đục lỗ làm kèo ở đâu mà khéo thế?

Nhung cười:

— Tôi học được từ ngày về trường này đây anh ạ. Cái lán này lớp tôi dựng là cái thứ ba. Ba lần sơ tán, ba lần chuyển lán. Mãi đến lần này tôi mới thực sự thành «nghề». Hai lần trước tôi chỉ lảng xăng thôi. Trăm việc đều dựa vào học sinh. Học sinh sao chúng nó tốt thế hở anh? Được phụ trách lớp trẻ ấy là một may mắn, anh ạ. Chúng ta dạy dỗ chúng nhưng chúng ta cũng là học trò chúng. Thực ra tôi đã lớn lên nhờ chúng nó, mọi mặt anh ạ, về cả tư tưởng, cả về công việc. Chúng ta coi học sinh như những đồng chí, như những người bạn của mình. Chưa bao giờ tôi thăm thía lời ấy bằng những ngày ở đây. Cái nghề của chúng mình âm thầm thật nhưng biết bao phong phú, phải không anh?...

Nhung nói dài, cười mở. Tôi thấy ân hận, hình như tôi đã quá định kiến với những cái vẻ bên ngoài. Sao

lại chỉ nhìn người ta bằng chiếc áo phăng phiu lúc lên lớp và một buổi trưa đóng chặt cửa để đọc một chương sách phục vụ cho bài giảng buổi chiều?

Tôi bảo Nhung:

— Đã đến lúc phải làm cho mọi người hiểu hết công việc của nghề dạy học, hình như có nhiều người chưa hiểu hết chúng ta.

Nhung im lặng một lát rồi nói nhỏ:

— Và cả bản thân chúng ta nữa anh ạ. Tôi thấy hình như chúng ta chưa hiểu hết nghề nghiệp của chúng ta. Nếu chúng ta chịu khó nghiên cứu kỹ học sinh. Chúng ta sẽ lớn lên rất nhiều...

Câu nói của Nhung kéo dài gây cho tôi một chút tò mò. Tôi nghĩ: Chắc còn những gì nữa đã làm lòng cô ta xáo động mà cô ta chưa nói hết.

Mọi việc chuẩn bị cho năm học đã hoàn thành. Khai giảng, những tiếng trống quen thuộc, những giờ giấc đều đều, những bài giảng, tất cả đều đi vào nề nếp. Phòng riêng của chúng tôi đèn đã bắt đầu sáng đến mười hai giờ, một giờ khuya. Những khuôn mặt tươi vui đã bắt đầu lặng lẽ cúi gằm trên những giáo án, những tập sách, những dụng cụ thí nghiệm.

Đêm ấy đã rất khuya, các phòng đèn đã tắt. Riêng tôi, lỡ bận vài điều nên còn ngồi rón lại ở bàn làm việc. Bỗng một cơn gió lạnh tràn tới và một cơn mưa rất dột ngọt, rất trái mùa, trút xuống.

Tôi đứng dậy khép bớt cửa thì nghe tiếng gọi thất thanh của Lân:

— Nhung... Nhung... Chị Nhung!...

Rồi tiếng Lân gọi với sang:

— Anh Liên ơi! Cho em mượn cái đèn pin và qua đây với em một chút. Nhanh lên!

Có việc gì đã xảy ra? Nhanh như cắt tôi lao vút sang phòng Lân.

Mưa càng mạnh, ào ào, dữ dội. Gió rất to, rú lên trong đêm những âm thanh dài, dọa dẫm.

Lân đang lúng túng choàng chiếc áo đi mưa. Tôi hỏi:

— Gì thế?

— Cho em mượn chiếc đèn pin. Tệ quá. Trời mưa thế này mà chị Nhung vẫn lao ra ngoài.

— Đi đâu?

— Chắc chị ấy đến vườn ươm. Hôm nay hơi lạnh, chúng em qua soạn bài chung với nhau và vừa mới tắt đèn xong thì trời đổ mưa. Đang nằm, chị Nhung vùng ngay dậy và chẳng nói chẳng rằng vợ vội chiếc ni-lông nhào ra cửa. Trời tối thế này mà...

Ánh đèn pin trong tay tôi lóe sáng. Chụp vội cái nón lên đầu, tôi cùng Lân đuổi theo Nhung.

— Chị Nhung... Chị Nhung!...

Lân gọi. Tôi nghe hình như có tiếng chân người phía rước. Gió rít lên lồng lộn, tôi tả. Mưa xối vào mặt, rào rào.

Đến gần nhà cụ Vinh, chúng tôi đuổi kịp Nhung. Ướt sũng, cô ta vẫn mò mẫm lao tới vườn ươm. Ánh sáng đèn pin của tôi chao một vòng. Nhung suýt rú lên. Bên kia vườn, một bóng người run rẩy đang cúi xuống rồi đứng dậy. Gió gào rít từng cơn dữ dội.

— Ai? Nhung hỏi giật giọng.

— Tôi đây. Cô giáo Nhung phải không? Một giọng yếu ớt trả lời.

— Trời ơi! Cụ Vinh — Ba chúng tôi bất giác cùng kêu lên — Thì ra đây là cụ Vinh, một phụ huynh học sinh ở gần đó. Thấy trời mưa, nghĩ đến vườn ươm của

nhà trường có thể bị hại, cụ đã đội mưa chèo từng cái tranh ra che lại cho cây. Ngay lúc ấy ba học sinh nữa cũng vút tới. Nửa giờ sau, cả vườn ươm của nhà trường trên năm trăm cây với năm mươi tư loại giống thí nghiệm đều được che kín và làm thêm hàng rào ngăn gió.

Mưa vẫn nặng hạt. Gió vẫn rú lên từng cơn dài tê tái. Ướt và lạnh, tôi cắn chặt răng để cho đỡ run. Lân giục:

— Thôi về đi.

Nhung vuốt mái tóc ướt ra phía sau, bảo:

— Anh Liên và cô Lân về trước đi, tôi còn ra phía sau một chút.

Tôi buột miệng:

— Còn đi đâu nữa?

Nhung cười:

— Hai cây bưởi riêng của tôi.

Lân kêu to:

— À, còn hai cây bưởi « thi đua » của chị Nhung nữa.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

— Hai cây bưởi « thi đua » là thế nào?

Lân bí mật:

— Đố biết. Đó là một cuộc thi đua âm thầm của chị Nhung với một người khác. Em là trọng tài. Anh về hỏi chị Nhung ấy.

Lân giật đèn pin trong tay tôi đi với Nhung. Tôi leo đèo theo sau. Hai cây bưởi vườn cụ Vinh đã lớn. Nhung đang dùng phương pháp chiết và ghép cành để cải tạo nó. Hai cây bưởi này nhiều quả nhưng rất chua. Nhung đang thí nghiệm làm cho nó ngọt và mỏng vỏ. Đến nơi, Nhung kiểm que chống cho các cành ghép, che kín những khuỷu được thiến.

Chúng tôi trở về phòng riêng thì đã hai giờ sáng. Tôi vừa thay quần áo xong thì Lan gọi tôi qua uống cà-phê. Cô ta cười:

— Chị Nhung mà pha cà-phê thì tuyệt. Anh sang uống một tách cho ấm rồi hãy về ngủ.

Cuộc đời có những lúc thật êm ả và hết sức thanh bình, ấy là lúc mọi vật đều đã chìm đi trong giấc ngủ, chỉ còn lại vài người thức. Rồi một tách cà-phê, một câu chuyện tâm tình.

— Chị Nhung, có lạnh lắm không? — Tôi hỏi một câu bằng quơ đờ phá sự im lặng.

Nhung vẫn trầm ngâm, giọng chị nhỏ, giống như có một cái gì vừa thức dậy trong lòng:

— Chúng mình ít nhất còn có những phút như thế này. Còn mọi người...

Chưa bao giờ tôi thấy Nhung xinh đẹp đến thế. Miệng hơi hé mở. Đôi lông mày như lộ vẻ ngạc nhiên. Cặp mắt lúc thì màu đen xám lúc lại sáng lên. Bỗng nhiên, Nhung hỏi:

— Anh Liên có muốn biết cây bưởi thi đua của tôi không? Cho anh Liên xem cái này nhé!

Nhung rút trong tập thư đưa cho tôi một tờ giấy. Đó là bức thư của một học sinh cũ đi bộ đội gửi cho cô.

«Thưa cô kính mến của em,

Thế là em đã được ra mặt trận. Bức thư này em viết cho cô sau một trận đánh. Cho em được báo cáo tin này với cô. Không phải là sự hãnh diện đơn thuần mà xin cô hãy coi đây là lòng biết ơn của em đối với cô đã được tỏ rõ bằng hành động: Em đã lập được chiến công trong trận đầu và đã được đơn vị đề nghị tặng thưởng huân chương. Vinh quang thuộc về cô, người giáo viên chủ nhiệm của em từ lớp 8 cho đến đầu năm lớp 9. Cô đã dạy em lòng dũng cảm và tình yêu Tổ quốc.

Đạo này cô có khỏe không? Cố gắng giữ gìn sức khỏe cô nhé! Cô phải khỏe để dạy dỗ các em. Thật hạnh phúc cho các bạn còn được sự dìu dắt dạy bảo của cô. Biết bao giờ trở về được cùng ngồi ăn với cô một quả bưởi nhà cụ Vinh! Bưởi chưa quá, cô cứ bảo thế nào cũng phải cải tạo giống bưởi ấy. Không biết cô đã bắt đầu chưa? Cô cho em được thi đua với cô bằng một thành tích cụ thể...

Cuối thư em xin chúc cô mạnh khỏe.

Không bao giờ em dám quên công dạy dỗ của cô...

Học sinh cũ của cô
HOÀNG MINH ANH».

Tôi đặt bức thư xuống bàn và nhìn Nhung:

— Trong nghề nghiệp của chúng mình, đây là những phần thưởng xứng đáng nhất.

Đôi mắt Nhung bỗng trở nên xa xăm:

— Hôm nhận thư này, tôi xúc động lắm và tự nhiên tôi nhớ lại một chuyện vào cuối năm Ánh học lớp chín. Hôm đó, sau giờ văn, Ánh chạy bỏ đến chỗ tôi, ngồi phịch xuống ghế, mặt xị ra. Tôi chưa kịp hỏi gì thì Ánh đã ôm mặt khóc thút thít. Tôi pha nước cho Ánh uống, vuốt mái tóc rối bù của Ánh và đợi cho Ánh nguôi nguôi tôi mới lựa lời hỏi:

— Sao thế em? Có chuyện gì thế?

Ánh im lặng một lúc rồi mở cặp lấy ra một tờ giấy. Đó là bài luận. Đầu bài ra về một tác phẩm văn học miền Nam, học sinh phân tích và phát biểu ý kiến riêng của mình. Ở khung lời phê của giáo viên có ghi bằng mực đỏ những dòng chữ như thế này: *«Bài làm kém. Phân tích vấn đề chưa sâu. Văn không trôi chảy có thể vì em chưa có tình cảm tha thiết lắm*

với đồng bào miền Nam. Nếu em yêu tha thiết đồng bào miền Nam thì bài của em sẽ gây sức rung cảm nhiều hơn». Bên cạnh lời phê là diềm 2.

Tôi hiểu là Ánh bị oan. Từ khi tôi dạy, tôi hiểu là em rất tha thiết với miền Nam, em đã từng khóc khi nghe tin các vụ tàn sát của giặc. Nhưng có lẽ vì em kém văn quá không diễn đạt được ý nên bị hiểu nhầm đấy thôi.

Ngừng một lát, Nhung nói tiếp, giọng trầm xuống:

— Anh thấy không... nghề của chúng mình khó khăn đến mức nào, phải thận trọng đến mức nào. Chỉ một lời phê vào một bài luận mà còn thế, huống chi là cả một lời nhận xét hoặc một câu khiển trách.

Nhung nhấp một chút cà-phê, chị tiếp:

— Với những học sinh như thế, chúng ta không tu dưỡng không được anh ạ.

Tôi đã hiểu vì sao Nhung đã sống và làm việc như vậy. Và tự nhiên tôi thấy hiện ra một « khoảng cách » giữa tôi và Nhung. Không phải cái « khoảng cách khó hiểu » ban đầu mà là một « khoảng cách » tôi phải nỗ lực nhanh mới đuổi kịp được.

Tháng 12-1968

N.N.L.

VỀ MỘT ĐIỀM HẠNH KIỀM

NGUYỄN LAI

Tập nhật ký còn lại mà Đức vừa trao tận tay tôi là quyển sổ tay tự đóng lấy bằng loại giấy xám, gần đứt rời từng mảnh theo lần gấp. Nét mực xanh lâu ngày đã ố nhòe trông như bị thấm nước.

Tôi mở ra nhìn kỹ. Trên nền xanh mờ mờ của từng trang hiện lên dấu vết những dòng chữ nghiêng nghiêng rần rỏi, nhiều đoạn viết tắt nhưng ít xóa dập. Phần giữa quyển nhật ký dở ố hơn nên có thể cố gắng đọc được từng đoạn. Và chính đoạn sau đây làm tôi hơi ngạc nhiên về Đức, so với sự hiểu biết bước đầu của mình về anh... *Trong những ngày sống căng thẳng dưới chế độ Mỹ - Diệm, mình rất chán. Chán cái nghề dạy học này. Nhưng không ngờ, nhờ sự tiếp sức của các em, mình bắt đầu đam ra yêu nghề, yêu trẻ. Phải, đây là một sự tiếp sức. Một sự tiếp sức hầu như tình cờ, nhưng hết sức quý báu đối với riêng mình mà mình sẽ mãi mãi không quên...*

Thế mà cách đây mấy hôm — tôi nghĩ bụng — mình cứ dinh ninh người giáo viên trầm tĩnh được khen thưởng trong cuộc hội nghị giáo dục của Mặt trận tỉnh về công tác xây dựng trường học ở khu giải phóng này, có lẽ mới bắt đầu trưởng thành sau ngày địa phương được giải phóng.

Giữa lúc chưa kịp nói thành lời, tôi cố đọc thêm những đoạn có thể đọc được, thì Đức lấy lại quyển

nhật ký. Anh chỉ tay vào đoạn mà tôi vừa lưu ý. Bằng những lời lẽ sắc gọn, lưu loát của một người có học đã qua thử thách, anh giải thích xa hơn sự chờ đợi của tôi.

— Hôm bà con dỡ mái nhà cháy sém vì bom lửa đề và quăng lại giùm, tình cờ tôi tìm được tập nhật ký trong đầu cây đòn tay. Tôi cứ xem đi xem lại mãi đoạn này. Vì chính nó đã đánh dấu một bước ngoặt đầu tiên trong tình cảm mến trẻ yêu nghề, gần bó với cách mạng, đề từ đây tôi có thể tiến lên đạt được một vài thành tích nhỏ nào đó trong những năm gần đây, như đồng chí đã biết...

Đức dừng lời vào lúc giọng anh bắt đầu hết sức khiêm tốn.

Trước mặt tôi và Đức, năng thu của vùng giải phóng tuy có dịu đi nhưng vẫn đủ làm hiện rõ những bóng đen của dây đồn bắt đã bị đánh sập phía bên kia bờ xuống mặt sông. Anh nhìn dây bóng đen in mờ trên dòng nước chảy chậm ấy rồi quay về phía trường cũ cuối xóm như chuẩn bị đưa tôi vào câu chuyện có đầu có đuôi hơn.

— Hồi đó, Mặt trận dân tộc giải phóng đã thành lập rồi nhưng thắng Diệm chưa bị đảo chính. Và thế lực của bọn tay sai ở xã này tạm thời còn khá mạnh. Ban ngày bị chúng khống chế đã đành. Ban đêm và ngay cả những người làm nghề dạy học cho chế độ nó như tôi cũng sống rất căng thẳng. Đầu hôm, gà gáy, không kể lúc nào, tai cứ nôm nớp chờ nghe những loạt súng khủng bố bất ngờ có thể xảy ra...

Đức ngoảnh về phía tôi nhưng không dừng lời. Nhìn thẳng vào đôi mắt của anh, tôi có cảm tưởng giờ phút này không phải anh yên tĩnh ngồi trước mặt tôi mà hình như anh đang sống thật sự giữa những đêm ngày có xảy ra câu chuyện mà anh bắt đầu kể.

... Quả như vậy, khuya hôm đó súng lại nổ, và lần này cùng với tiếng súng có cả tiếng hô hoán của bọn lính nữa. Nhất là từ khi nghe có tiếng hô hoán ở xóm nhà Tứ — một học sinh của lớp — tôi không sao ngủ được. Nếu không có lệnh cấm đi lại ban đêm, và nếu tôi không bị tình nghi từ trước là người « có ảnh hưởng tư tưởng Việt cộng » thì ngay lúc bấy giờ, tôi chạy một mạch vào nhà cậu học sinh ấy để xem sao. Thế là, suốt đêm tôi cứ thấp thỏm nghênh tai về phía nhà Tứ nghe ngóng chờ đợi, mong sao trời chóng sáng.

Tuy qua một đêm mất ngủ nhưng sáng hôm sau tôi thức dậy sớm và đến trường ngay. Tôi biết chắc sáng thứ bảy này Tứ trực nhật, thế nào cậu ta cũng đến sớm. Tôi định gặp Tứ trước để hỏi rõ đầu đuôi. Nhưng đến nơi, tôi đợi mãi mà chẳng thấy Tứ đâu. Ngỡ là nhầm, tôi chạy vào lớp xem lại bảng phân công trực nhật, quả đúng phiên Tứ. Lúc này mặt trời đã lên cao. Xung quanh học sinh đến mỗi lúc càng đông. Tôi chưa kịp hỏi nhưng chúng đã trở mắt nhìn tôi:

— Thưa thầy, Tứ đâu ạ?

— Thưa... hôm nay sao Tứ không chịu đến sớm để trực nhật?

Lúc đầu tôi còn trả lời, về sau thấy đứa nào cũng hỏi, tôi cứ im lặng, để mặc cho chúng tìm hỏi lẫn nhau và xì xầm bàn tán. Chẳng cần đợi tôi báo, thấy Tứ không đến, chúng vội vàng đi tìm chòi, giẻ lau trực nhật thay bạn. Gần đến trống vào lớp, có mấy học sinh ở xóm Đồn lục tục vào sau. Thoáng nghe chúng đang tiếp tục xì xào về Tứ, mừng quá, tôi nhanh chân chạy đến.

— Thế nào? Các em gặp Tứ không? Sao hôm nay Tứ bỏ học?

— Thưa... thưa thầy Tứ bị bắt đưa về đồn rồi ạ!

Chưa tin và không muốn tin như vậy, tôi gạn hỏi:

- Có chắc không? Ai nói cho mấy em biết?

- Thưa chắc ạ. Linh đồn nói. Mà khuya hôm qua, thầy không nghe súng nổ sao?

Tôi im lặng trở về chỗ ngồi, một cái gì nhói buốt trong tim như bị kim châm. Thú thực, suốt buổi sáng hôm đó, hình ảnh Tứ lúc nào cũng luẩn quẩn trong đầu óc tôi. Là người thầy dạy của Tứ, tôi vừa lo cho Tứ vừa lo cho mình. Tôi là người ít nhiều bị tình nghi. Biết đâu bọn lính không thông qua việc dụ dỗ tra khảo Tứ, mà gán ghép cho tôi một tội gì đó để tìm cách bắt tôi. Và biết đâu, để tránh những đòn tra tấn ác nghiệt, Tứ lại không khai vấy cho tôi. Tôi cảm thấy rất rõ rằng vận mệnh của Tứ do bọn lính đồn nắm trong tay, còn vận mệnh của tôi thì hình như do Tứ nắm. Cứ càng nghĩ quanh nghĩ quẩn như vậy, tôi càng lo. Một bóng người, một bóng lính thoáng qua trước cửa trường cũng đủ làm tôi hồi hộp chờ đợi một tai vạ có thể xảy đến. Đã thế mà bọn học sinh nào có chịu để tôi yên; giờ ra chơi, chúng không chịu chơi, cứ bám quanh tôi:

- Thưa thầy... Tứ có làm sao không ạ?

- Thưa thầy... vì sao mà Tứ bị bắt?

- Thưa thầy... không biết liệu chừng nào Tứ được tha về?

Chúng làm như hề là người thầy thì tôi có trách nhiệm phải biết hết mọi việc lớn nhỏ xảy ra trên xóm làng này. Và chúng làm như lúc này chính tôi đang nắm quyền sinh quyền sát Tứ trong tay, chứ không phải bọn lính đồn. Cũng may, hôm ấy tôi hoàn toàn không câu gắt, khó chịu với một em nào cả, đồng chí ạ!

Đến đây Đức dừng lời. Rồi như chợt nhớ ra điều gì, anh vội vàng ngoảnh về phía chiếc ảnh một chiến sĩ đội mũ tai bèo rất trẻ, đang nhoẻn cười, treo cạnh mấy tấm bằng khen của anh, giọng bỗng rộn lên:

«Đấy, thằng Tứ đấy, mười sáu tuổi đã là chiến sĩ Giải phóng quân rồi, nhập ngũ năm ngoái. Nó mới gửi ảnh về cho tôi hồi tháng trước, có cả thư khoe thành tích nữa... Nhưng thôi, chuyện đó sẽ nói sau» Thoáng im lặng rồi giọng người giáo viên lắng lại, trầm trầm:

- Thế là chiều hôm đó tôi bước đến trường vừa lo vừa buồn, người ngây ngấy cứ như muốn phát sốt. Giữa lúc tôi đang chờ đợi một tai họa thì không ngờ có tin mừng:

- Tứ được thả rồi thầy ơi!

Tôi biết được tin vào đúng lúc trống học chiều, cũng do mấy em học sinh ở gần đồn khi sáng đưa đến. Mừng quá, tôi cố hỏi rõ thêm để càng được yên trí. Nghe ra thì tối hôm đó Tứ đi rải truyền đơn của Mặt trận. Làm xong nhiệm vụ, Tứ chạy về chưa kịp đến nhà, đã bị bọn lính bắt. Chúng dụ dỗ mãi tới khuya, nhưng Tứ không khai lời nào. Mặc dù chúng nổ súng bắn dọa, Tứ vẫn một mực không để lộ. Thế là chúng bắt Tứ đưa về đồn tra đánh. Mãi đến trưa, không tìm được chúng có gì hơn, bọn lính đành phải thả Tứ...

Được tin, người tôi bỗng nhẹ nhõm và thanh thản hẳn. Chỉ nhìn mấy đứa học sinh ở xóm Đồn vừa báo tin vui kia cũng đã đủ cho tôi quý mến, muốn vồn vã chuyện trò với chúng. Hôm ấy, vừa nói chuyện, tôi vừa nhìn chừng ra cổng trường xem Tứ đã đến chưa. Nhưng đợi mãi, đến trống vào lớp mà cũng chẳng thấy Tứ đến. Đầu óc tôi vẫn không ngớt lăm lăm nhằm nói với riêng mình những lời mền phục Tứ. Nhưng thú thực, dù sao, đợi lâu quá tôi cũng có phần trách: Tại sao Tứ được tha về mà chiều nay không đi học, không đến trường để cho tôi biết. Đáng ra tình thầy trò, khi trưa được tha về, Tứ đến ngay nhà tôi mới phải. Hay là Tứ chưa hiểu tôi, chưa tin tôi? Thoát

khỏi nỗi lo sợ bị bắt, vui rồi, nhưng lúc này tôi bỗng cảm thấy nơi tôi có một cái gì đó gần như vừa tự ái, vừa xấu hổ. Có lẽ đúng, Tứ chưa hiểu và chưa tin tôi. Vì tôi đã có dịp nào làm cho cậu học sinh này hiểu và tin mình đâu.

... Những câu hỏi trên làm cho tôi tự trách mình hơn là trách Tứ. Không nói ra nhưng lúc này trong người tôi có một cái gì đó gần như day dứt, bắt buộc tôi phải tự hứa hẹn với mình rằng, làm sao cho cậu học sinh bị bắt kia hiểu mình hơn... Có lẽ vì thế mà hôm ấy vào lớp giảng bài, đầu óc tôi cứ đề đầu đầu. Giảng một chập tôi mới nhớ rõ, té ra trước khi vào lớp tôi đã quên mất không hướng dẫn học sinh những khâu hiệu bắt buộc như thường lệ. Và thú thực, giảng xong giờ đầu rồi nhưng tôi không rõ là mình đã giảng những gì, và giảng như thế nào...

Sau giờ ra chơi hôm ấy, bắt đầu vào lớp được mấy phút, tôi nhìn ra, bảy giờ thì không nhầm nữa. Rõ ràng em Tứ đầu trọc, mặt mũi sưng vù, lóc cóc chạy vào trường kia rồi. Tôi ngừng phất lại.

— Tứ kia rồi! Tứ kia rồi các em ơi! — Giọng tôi như trẻ ra.

Tức thì cả lớp nhồm dậy, nhao nhao lên, đồ đôn về phía Tứ.

— Tứ ơi! Tứ ơi!

— Tứ ơi! Mình chưa chép bài cho mình, nhưng mình đã chép đủ bài cho Tứ rồi.

— Tứ ơi! Mình đã trực nhật thay Tứ rồi.

— Tứ ơi!... Tứ ơi!...

Vào đến nơi, Tứ không kịp trả lời ai cả. Không xấu hổ mà cũng không cần che giấu bộ mặt sưng vù xấu xí của mình. Tứ nhoẻn cười hết sức cởi mở như muốn cùng một lúc ôm choàng tất cả bao nhiêu bạn bè đang có trong lớp. Còn đối với tôi, trong khi đó Tứ chỉ nhìn,

một cái nhìn không lạnh nhạt nhưng quả thật không lấy gì làm vồn vã. Với ý định sẵn, không câu nệ, tôi bước xuống, chen vào chỗ Tứ, nắm chặt lấy tay rồi tìm cách đưa cậu ta lên gần chỗ bảng đen. Đồng chí đoán xem tôi sẽ làm gì? Không, tôi không bình luận một câu nào về công việc làm của Tứ.

Tôi làm một việc khác tuy cũng công khai nhưng có mức độ hơn: Vội vàng mở chiếc cặp da của mình, tôi lấy ra hai ve dầu Nhị thiên đường, tự tay mình trao cho Tứ (vâng, hai ve dầu này chính do tự tay tôi mua, định tìm cách gửi vào cho Tứ, nhưng chưa kịp gửi). Học sinh trong lớp, từ nãy, nhiều đứa nhắc nhóm như chừng cũng muốn trao cho Tứ một món quà gì riêng của mình, nhưng còn ngại. Lúc này thấy tôi tặng chút quà cho Tứ, chúng trở nên mạnh dạn hơn. Từng em từng em bỗng đứng dậy, chen nhau ra khỏi chỗ ngồi, đem đặt cạnh hai ve dầu của tôi những món quà sẵn có từ bao giờ: Nào dầu khuynh diệp xoa bóp, nào phong bánh cốm, rồi quả ổi, quả chanh. Có em chưa kịp chuẩn bị gì, bị bạn bè lôi cuốn, đem tặng cả chiếc khăn tay của mình. Lại có cả em đưa luôn ra tờ giấy bạc đề dành, mới toanh, chưa có lần gấp.

Không khí trong lớp bỗng trở nên sôi nổi và ồn ào cho đến hết buổi. Lúc này như gỡ được một cái gai trong lòng, tôi cảm thấy vui sướng với nỗi xúc động thầm kín mới lạ chưa từng có. Không ngờ một việc làm nhỏ của tôi đã kéo theo bao nhiêu ý nghĩa, tôi nhìn Tứ, lần đầu tiên lòng như đã bớt phần ngượng ngập. Tuy vậy, theo một thói quen nào đó, tôi cũng bắt đầu ngại ngùng, rồi kêu gọi học sinh bình tĩnh, ai về chỗ ấy.

Giữa lúc đó, bỗng có một học sinh lớn tuổi ngồi sau cùng, đứng lên (kể đến đây, như sợ quên một điều gì, Đức quay nhìn tôi, vừa hỏi vừa tự mình trả lời:

«Đồng chí có biết cậu học sinh này hiện nay đang làm gì không? Bộ đội địa phương đấy! Tuần trước cậu ta viết thư và báo tin cho tôi biết là đã được đề bạt tiểu đội trưởng súng máy rồi, và tiện thể cậu ta nhờ tôi cho biết địa chỉ mới của Tứ. Tên cậu ta là Kính, đồng chí ạ»). Đức tiếp:

— Có lẽ hôm ấy vì quá phấn khởi trước niềm vui chung, nên giọng Kính rất tình cảm và sôi nổi:

— Thưa thầy, diêm hạnh kiểm tháng này của Tứ chưa có. Đề nghị thầy cho diêm luôn đề em tiện cộng sổ.

— Diêm hạnh kiểm tháng này của Tứ à? — Tôi lặp lại như cố ý nhấn mạnh cho riêng mình điều gì.

Phải chăng đây là dịp tốt để tôi có thể làm Tứ hiểu mình? Thực tình tôi rất cảm phục việc làm dũng cảm của Tứ và muốn cho em diêm hạnh kiểm cao nhất. Nhưng ở giữa vùng địch chiếm ngọt ngào này, nếu tôi làm đúng như mình đã nghĩ thì có thể ngày mai tôi lập tức bị giải lên đồn và sau đó là những trận đòn thừa sống thiếu chết.

Không nói thành lời, tôi hẩn học nhìn về hướng đồn, cứ xoay qua trở lại trên ghế ngồi chẳng khác nào một cậu học sinh kém, gặp phải đề toán khó, đang lúng túng trong việc tìm hiểu đầu bài giữa lúc bao nhiêu bạn bè khác của mình xung quanh đã làm xong. Nhưng dù sao trong giây phút có thể nói là khó xử ấy, tôi im lặng, không đề những ý nghĩ lúng túng của mình lộ ra bên ngoài, và cố tìm ra một lối thoát thật kín đáo.

— Hôm nay là thứ bảy... ngày ba mươi một... — Tiếng trả lời của một học sinh nào đó cho người bạn ngồi cạnh từ giữa lớp vọng lên, vô tình đã chặn đứng cái hy vọng trì hoãn việc cho diêm vừa chớm lên một cách mơ hồ trong óc tôi.

Rời khỏi ghế, tôi bước quần quanh trên chiếc bục nhỏ bé. Sau một lúc gần như vừa thua buồn, vừa tức

giận dăm chiêu nhìn về phía đồn bót, tôi dừng lại, ngoảnh về phía những nét mặt vô tư của đám học sinh.

— Thưa thầy, cho bao nhiêu là tùy thầy ạ.

— Thưa thầy, chúng em hứa, chúng em sẽ không thắc mắc, ganh tị với bạn Tứ đâu ạ.

Cứ như thế, những giọng nói hồn nhiên trong sáng, đầy tình cảm kia tiếp tục vọng lên như vừa đòi hỏi vừa cổ vũ tôi. Thế là không còn cách nào tốt hơn, tôi bước vội về chỗ ghế ngồi.

— Vẫn biết là tùy thầy. Nhưng rồi đây còn có nhân viên an ninh của quận về xem sổ nữa. Đấy, hàng tháng những ai về xem sổ, các em lạ gì. Và lại trường hợp của Tứ vừa mới xảy ra, chắc chắn những nơi ấy họ đã biết và đang theo dõi...

Tôi chưa dứt lời, thì cả lớp hình như đã hiểu ý nhìn nhau im lặng. Rồi giữa không khí im lặng ấy, tôi bắt đầu nghe một thứ tiếng xì xầm vừa bí mật vừa công khai, rộ lên:

— Tùy thầy chứ. Thầy có quyền mà.

— Hay là chúng mình đề nghị diêm?

— Không được. Thầy là người dạy, thầy có quyền.

— Đồng ý!... Không nên...

Bên tai tôi, ý kiến cả lớp chao động như một chiếc bàn cân, rồi lắng lại, cuối cùng ngã rõ rệt về phía: «thầy là người dạy, thầy có quyền».

Nhìn nét mặt sung vũ và đôi mắt chờ đợi của Tứ, rồi quay nhìn đám học sinh, tôi nghĩ mãi không còn lấy cớ gì đề trì hoãn và thú thực lương tâm tôi cũng không cho phép mình làm như thế. Lần đầu tiên bao nhiêu cái bạo gan trong người tôi như đã cùng nhau vươn dậy, thúc bách. Đầu óc tôi nóng bừng hết có lửa cháy bên trong. Những ý kiến khác nhau vừa rồi của đám học sinh bỗng như được chấp lại, hòa vào những tình cảm sẵn có trong lòng tôi vụt thành một

tia sáng bất ngờ trong tâm trí. Tôi đứng bật lên với nỗi vui mừng của một người tìm được lối thoát mới, vừa kín đáo vừa đạt được ý muốn của mình:

— Đúng, thầy sẽ cho Tứ điểm hạnh kiểm. Nhưng thầy muốn dựa vào ý kiến của các em để định mức điểm. Thế nào, các em có đồng ý với thầy không?

— Thưa đồng ý! Thưa đồng ý!

Không cần phải đắn đo nữa, tôi tiếp luôn:

— Tốt lắm. Nếu thế, các em làm theo lời thầy. Nào, mỗi em lấy ra một mảnh giấy con, tự mình cho điểm. Làm nhanh rồi nộp lên thầy. Thầy sẽ cộng lại, lấy điểm trung bình làm điểm hạnh kiểm tháng này của Tứ. Coi đó như là điểm chính thức của thầy cho. Các em đồng ý chứ?

Sau một loạt tiếng « thưa đồng ý » rộn ràng và quả quyết nữa kéo dài, cả lớp rầm rập nhanh nhẩu làm theo lời tôi.

Tiếng xé giấy soàn soạt. Tiếng bút đi trên giấy rào rào. Tất cả như đang bước vào một cuộc thi quan trọng chưa từng có.

Chỉ năm phút sau thôi. Ba mươi lăm mảnh giấy to nhỏ khác nhau được cậu học sinh trực nhật gom lại, vui vẻ đem đặt cẩn thận trước mặt tôi. Tôi nhìn ba mươi lăm mảnh giấy, lồng ngực rung lên, hồi hộp. Phải chăng tôi lo, vì đã lỡ nói lộ ra những điều đáng lẽ nên làm mà chưa nên nói trong khi mình chưa thật hiểu hết tình ý của từng học sinh một trong lớp? Trước không khí cởi mở chung cả lớp, lúc này dường như tôi không còn nghĩ tới điều đó nữa. Mà tôi hồi hộp vì lẽ khác, tưởng chừng không đáng kể, nhưng thật ra hết sức quan trọng đối với riêng tôi: Không rõ số điểm sẽ chênh lệch so với ý muốn thành thật trong thâm tâm mình là bao nhiêu; và nó có biểu hiện

đúng được quan hệ tình cảm thâm kín mà từ lâu tôi đã giành riêng cho người học sinh bị bắt kia không?

Tôi còn nhớ rất rõ, lúc này, toàn thể học sinh chăm chú nhìn tôi. Còn tôi thì hồi hộp chăm chú nhìn từng mảnh giấy đang tự tay mình lật ra... Một con số 8... Rồi con số 9... Lại con số 10... Lúc đầu, tôi cứ ngỡ chỉ có vài điểm số cao của mấy học sinh tốt bụng được đặt trên đề đánh lừa tôi. Nhưng không. Ba mươi lăm mảnh giấy là ba mươi lăm con số không chênh lệch nhau mấy. Tuy vậy, vốn tính cẩn thận, tôi không ngần ngại kiểm lại lượt nữa. Quả là tôi không nhầm. Ba mươi lăm con số to tướng lần này hoa lên nháy múa, reo mừng trước mặt tôi đều đẹp đẽ và dứt khoát. Tôi vội vàng xếp lại, giữ chặt ba mươi lăm mảnh giấy trong tay như sợ sòng sầy một sức mạnh gì đó mà mình vừa tìm thấy.

Đức nhìn tôi rồi ngoảnh về phía trường học cũ ở cuối thôn, giọng lắng xuống rất tình cảm gần như tha thiết:

— Đồng chí nghĩ xem, một nhà giáo mới bước vào nghề và vốn sinh trưởng trong một gia đình khá giả có cảm tình với cách mạng như tôi lúc bấy giờ sẽ tìm thấy được những gì ở ba mươi lăm mảnh giấy này? Nhiều lắm đồng chí ạ... Ba mươi lăm mảnh giấy biểu hiện được trung thành cái quan hệ tình cảm mà từ lâu tôi đã giành riêng cho Tứ, và từ đây làm tôi hiểu được sự đồng lòng, đồng dạ hướng về cách mạng của những học sinh tinh nghịch, mỗi đứa mỗi vẻ đang ngồi trước mặt tôi. Ba mươi lăm mảnh giấy này có một sức thôi thúc cổ vũ tôi ghê gớm. Tôi còn nhớ rất rõ, lúc ấy từng đoàn xe nhà binh gào rú, rầm rập kéo ngang qua con đường chiến lược trước trường nhưng không làm tôi dè ý. Tôi cũng không nghĩ đến việc tìm cách làm cho đám học sinh kia gánh bớt phần

trách nhiệm trong việc này, nếu có điều không hay xảy ra, như trước đó tôi đã thăm tính đến. Và tôi cũng hoàn toàn không nghĩ đến cách làm không hợp lệ của mình. Nhìn thẳng về phía bóng dáng những dãy đồn bốt vàng ệnh ở cuối thôn rồi tôi quay lại, đứng lên trình trọng tuyên bố:

— Như vậy là 9 điểm. Thầy chính thức cho Tứ điểm 9 làm điểm hạnh kiểm tháng này. Đó là điểm hạnh kiểm cao nhất từ trước tới nay.

Trước mặt tôi, cả lớp bỗng thở phào nhẹ nhõm, tưởng có thể vút bay lên được. Giữa lúc nắng chiều sắp tắt nhưng sao gương mặt em nào cũng cứ như rạng rỡ thêm ra. Nhìn về phía các em, tình cảm mới trong tôi như được kích động thêm, không ngần ngại và cũng không dằn đo, tôi chủ động nói tiếp, giọng lắng xuống nhưng rất nghiêm trang:

— Thầy sẽ công khai ghi điểm 9 vào sổ. Các em ạ! Thầy biết rằng có thể rồi đây sẽ khó khăn cho thầy đó. Nhưng thầy hứa với các em, một mình thầy, thầy sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc làm này...

Tôi vừa dứt lời, cả lớp bỗng trầm lặng, một thứ trầm lặng cảm động chan hòa xen lẫn trang nghiêm rất khó tả mà có lẽ lần đầu tôi cảm thấy. Và kìa, đây cũng là lần đầu tiên mắt Tứ cứ sáng lên long lanh một cách trêu mến hướng về phía tôi. Tôi không ngờ những lời ngắn ngủi sau cùng của tôi có một sức truyền cảm mạnh mẽ đối với học sinh trong lớp và đã hoàn toàn chinh phục được người thiếu niên bị bắt kia đến mức như vậy. Vui sướng và cảm động quá, lần đầu tiên trong đời nghề giáo, tôi rớt nước mắt và cứ chăm chăm nhìn đám học sinh như bị một sức hút kỳ lạ. Rồi chỉ năm phút sau thôi, với tư thế trang trọng của một nhà giáo, tôi bắt đầu công khai bình luận về hành động cách mạng của Tứ...

Lần đầu tiên Đức im lặng một cách cố ý rồi anh quay lại nhìn tôi, vừa cười vừa khẳng định:

— Tôi tuyên chiến với chế độ của chúng nó bắt đầu từ buổi học đó đồng chí ạ! Và nếu vậy, đồng chí nghĩ xem, tại sao nó không thể trở thành một kỷ niệm mãi mãi không quên đối với riêng tôi?

Trước mặt tôi và Đức nắng thu đã dịu hẳn, lắng êm êm trên mặt nước trong xanh đầy đặn của dòng sông Cái. Một cơn gió nhẹ từ rừng núi Tây-nguyên tràn về những xóm làng đã được giải phóng, lướt qua mái trường mới xây dựng, lùa vào gian nhà riêng của Đức. Dừng lời đã lâu, nhưng tay Đức vẫn chưa chịu rời quyển nhật ký. Anh chăm chú lật lại từng trang chừng như muốn đi tìm lại những bước tiến vững chắc của mình từ một tình cảm nào đó vừa hiện lại qua câu chuyện cũ. Còn tôi, tôi chăm chú nhìn về phía vách như cũng để tìm thấy một sự liên hệ thú vị nào đó giữa những cái bằng khen của anh và tấm ảnh người học sinh chiến sĩ Giải phóng quân đang kiêu hãnh lung linh theo gió.

L.N.